

Éloi Leclerc

Le Maître du désir

Thầy Dạy Khát Khao

ĐỌC TIN MỪNG THEO THÁNH GIOAN

Chuyển ngữ: Lm. Minh Anh (Gp. Huế)

Cùng một tác giả

Sagesse d'un Pauvre (éd. Desclée de Brouwer).

Exil et Tendresse (éd. Franciscaines).

Le Cantique des créatures ou les Symboles de l'union (éd. Desclée de Brouwer).

Le chants des sources (éd. Franciscaines).

Le Peuple de Dieu dans la nuits (éd. Franciscaines).

François d'Assisie. Le retour à L'Évangile (éd. Desclée de Brouwer).

Matthias Grünewald. La nuit est ma lumière (éd. Desclée de Brouwer).

Dieu plus grand (éd. Desclée de Brouwer).

Rencontre d'immensités. Une lecture de Pascal (éd. Desclée de Brouwer).

Chemin de contemplation (éd. Desclée de Brouwer).

Le Royaume caché (éd. Desclée de Brouwer).

Un maître à prier: François d'Assisie (éd. Franciscaines).

Nguyên tác Pháp ngữ:

Le Maître du désir

Une lecture de l'évangile de Jean

Tác giả: Éloi Leclerc

Chuyển ngữ: Lm. Minh Anh (Gp. Huế)

Imprimi potest

Fr. Abel Basneville

Secrétaire provincial des Franciscains

Paris, le 12 février 1997

© Desclée de Brouwer, 1997

76 bis, rue des Saints-Pères, 75007 Paris

ISBN 2-220-03917-X

*“Điều gì chúng ta không biết nắm bắt trong hiện tại,
muôn đời sẽ không có nó” (Schiller).*

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	9
Phần I	
NHỮNG CUỘC GẶP GỠ.....	24
Chương 1	
“ <i>Chúng Tôi Đã Gặp Ngài</i> ”	25
Chương 2	
<i>Nước Hóa Thành Rượu.....</i>	<i>35</i>
Chương 3	
<i>Cuộc Sinh Hạ Mới</i>	<i>45</i>
Chương 4	
<i>Cuộc Sinh Hạ Mới</i>	<i>59</i>
Chương 5	
<i>Nước Hằng Sống.....</i>	<i>69</i>
Chương 6	
<i>Bánh Sự Sống.....</i>	<i>89</i>
Chương 7	
<i>Ánh Sáng Sự Sống.....</i>	<i>108</i>

Chương 8	
<i>Sự Phục Sinh và Sự Sống</i>	118
Chương 9	
<i>Đức Giêsu, Đấng Hằng Sống</i>	131
Phần II	
PHẦN ĐÀO SÂU	139
Chương 1	
<i>Sự Sống Đây Là Gì?</i>	140
Chương 2	
<i>Niềm Vui Còn Mãi</i>	165
Kết luận	
“Lúc Khởi Đầu”	178

GIỚI THIỆU

Con người muốn sống. Con người được tạo dựng để sống. Không chỉ tự nhiên tìm cách bảo tồn sự sống, nhưng chúng ta còn muốn phát triển nó, làm cho cuộc sống của mình hạnh phúc hơn, tươi đẹp hơn, thanh cao hơn, mạnh mẽ hơn; tắt một lời, sống động hơn. “Vì chúng, gánh nặng nặng nề nhất là tồn tại mà không sống” (Victor Hugo). Sống có ý nghĩa gì nếu không có niềm vui sống?

Đấng Tạo Thành đã đặt trong chúng ta khát vọng sống mãnh liệt này. Thánh Irênê thành Lyon viết, “Vinh quang Thiên Chúa, chính là con người sống”. Thiên Chúa chúng ta không phải là Thiên Chúa của kẻ chết mà là của kẻ sống. Sứ điệp Tin Mừng nhất thiết phải là một sứ điệp sự sống. Đấng Phục Sinh mở cho chúng ta hành trình của một cuộc sống không suy tàn, một cuộc sống chiến thắng mọi quyền lực sự chết.

Trong bốn sách Tin Mừng, Tin Mừng Gioan hẳn là cuốn sách nói với chúng ta nhiều nhất về sự sống sung mãn Đức Giêsu mang đến cho trần gian. Vì thế, không thể đọc Tin Mừng này nếu ở mỗi trang, chúng ta không ý thức đặt mình dứt khoát trước sự hiện diện của một sức sống tuôn tràn, toàn vẹn, rạng rỡ được trao ban một cách hào phóng vô hạn. Về sức sống này, thánh Gioan so sánh nó với ánh sáng mặt trời mọc. Dường như ngay khi lần đầu trào tuôn, khi sự sống đó vừa bộc lộ thì những con mắt trần gian phải nhắm đi. Dường như khi cốt lõi sự sống vừa hé mở và để lộ bí mật cho vị tông đồ trẻ thì tận đáy lòng Gioan đã dậy lên một niềm thôi thúc, một năng lực sáng

tạo, một năng lực của những khởi đầu vĩ đại. Bức thư thứ nhất của Gioan đã làm vang vọng sự phấn chấn của tác giả Tin Mừng thứ tư, “Quả vậy, sự sống đã được tỏ bày, chúng tôi đã thấy và làm chứng, chúng tôi loan báo cho anh em sự sống đời đời: sự sống ấy vẫn hướng về Chúa Cha và nay đã được tỏ bày cho chúng tôi” (1Ga 1, 2).

Việc tỏ hiện này không đơn thuần được thực hiện theo một hình thức soi sáng bên trong dành cho những tâm hồn ưu tuyển và hiểu biết. Sự sống này đã nằm ở trung tâm lịch sử nhân loại, dính trết nhân tính của chúng ta, ở đó xảy ra những trận chiến gay gắt của những con người. Sự sống đó được gắn liền với sự rạng ngời của một ngôi vị đặc biệt khác: Đức Giêsu thành Nazareth. Thật tuyệt vời, chính nhờ một Giêsu bằng xương bằng thịt chịu thương chịu khó như chúng ta mọi đàng ngoại trừ tội lỗi, mà sự sống được tỏ hiện theo một cách thức không thể so sánh.

Các Tin Mừng nhất lãm cho thấy Đức Giêsu như một con người mà từ Ngài, một năng lực sống tràn đầy và sáng tạo phát ra. Hành vi cử chỉ cũng như lời của Ngài mang lại một nguồn sinh khí đầy sức sống. Mọi nơi Ngài đi qua, Đức Giêsu không ngừng thi ân giáng phúc, an ủi, chữa lành, nuôi sống và làm cho chỗi dậy. Tất một lời, Ngài làm cho sống, “Một năng lực tự nơi Ngài phát ra chữa lành hết mọi người” (Lc 6,19). Đó là một năng lực ban sự sống. Cách nào đó, người ta có thể hiểu như mình muốn, trình thuật các phép lạ đầy ắp Tin Mừng nhất lãm. Ở đây, một điều không thể chối cãi: cách hiển nhiên, các trình thuật cho thấy từ Đức Giêsu, một năng lực đem lại

sự sống phát ra, kéo con người ra khỏi bóng tối, khỏi sự huỷ hoại thể chất và luân lý đồng thời mở ra cho họ ánh sáng và niềm vui đầy sức sống. Người mù xem thấy, kẻ điếc được nghe, người câm cất tiếng, kẻ bắt toại bước đi, người chết sống lại. Những ai bị giày vò bởi quyền lực của đê mê nay được giải thoát; những người tội lỗi rành rành được thứ tha, được hoà giải. Cả một đoàn lũ dân chúng rã rời nay chỗi dậy và lên đường.

Đức Giêsu đã nói, “Tất cả những ai vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng” (Mt 11, 28). Phúc cho ai đã đến. Thấy được Ngài, nghe tiếng Ngài, đám đông nghèo hèn tuyệt vọng đã tìm được niềm vui sống. Như những chiếc tàu rã rời trên biển cả, khi sóng triều dâng cao, vùi dập với sóng cồn, sóng cả...; gặp Ngài, họ thấm nhuần một sức mạnh tươi trẻ và trường cửu.

Các Tin Mừng nhất lãm cho thấy từng đoàn người đi theo Đức Giêsu. Những con người chân trần này đi theo Ngài là những thánh giả đầu tiên của tuyên ngôn Nước Trời tại Galilê. Nhận được làn sinh khí và một niềm hy vọng mang tính thiên sai toát ra từ con người Ngài, nhân loại già nua nay tìm được sự tươi trẻ và ý nghĩa của một cuộc vận hành tiến về phía trước.

Những ai ra sức chống đối Ngài, đưa Ngài đến cái chết đều biết những gì họ làm; họ chẳng làm tương điều đó: con người này không là một ý tưởng đơn thuần hay một ảo mộng; đó là một con người sống động mà sự năng động và quyền lực trên sự sống của Ngài có sức lay động và giục giã quần chúng.

Nhiệm vụ của Tin Mừng thứ tư là chiếu sáng rạng ngời trên bí mật của sự sống phi thường này. Các Tin Mừng *nhất lãm* giới thiệu rượu mới, nhưng chính Gioan mới chỉ cho chúng ta dòng chảy của trào lưu. Tin Mừng Gioan đích thực là Tin Mừng của sự sống, “Nơi Ngài là sự sống, và sự sống là ánh sáng cho thế gian...”. Hãy đọc lại lời tựa Tin Mừng Gioan, công bố mở đầu loan báo chủ đề toàn bộ cuốn Tin Mừng và điều đó cũng đã làm cơ cho những công kích.

Công bố đó cũng gây ngạc nhiên. Bởi lẽ, sự sống chúng ta đang trải nghiệm là một sự sống với bao nhiêu nuông, xung năng, đam mê và những ước muốn mờ ám về quyền lực và sự hưởng thụ của nó... vốn còn lâu mới trở nên một nguồn suối tinh tuyền, một ánh sáng thuần khiết. Có lẽ đúng hơn khi xem nó như một dòng thác xáo động cuốn đi cả cái tốt nhất cũng như cái xấu nhất. Khổ nổi, nó thường kết thúc với điều tệ hại nhất mà nó mang theo. Cuộc sống luôn là một chiến trận, một ước muốn chinh phục. Ai mà không mơ ước sẽ có những ngày huy hoàng? Ai lại không muốn thưởng thức cuộc sống như thưởng thức vị ngọt của một trái cây chín mọng? Và nhiều lúc đã phải trả giá! Kẻ yếu đuối nhất thì luôn luôn bị loại trừ. Lịch sử cho thấy bao điều kinh khủng quái dị có thể điều khiển những năng lực cuộc sống khi chúng bứt tung xiềng xích.

Làm sao chúng ta có thể nói “sự sống là ánh sáng cho con người?”. Đó có phải là sự sống rạng ngời ánh sáng trong Đức Giêsu Nazareth? Phải chăng ánh sáng này vẫn tự tỏ mình ngay cả giữa những địa ngục trần gian của

chúng ta? Bởi lẽ không phải trong một thế giới mộng mơ mà Gioan nhìn thấy sự sống bùng sáng; nhưng đúng hơn, giữa những bóng tối u minh đầy bạo lực nhất, “Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối và bóng tối đã không diệt được ánh sáng” (Ga 1, 5).

Chẳng nghi ngờ gì nữa, tác giả Tin Mừng thứ tư có một trải nghiệm duy nhất và triệt để về sự sống đó trong khi ngài tiếp cận với ngôi vị rạng ngời của Đức Giêsu. Gioan đã viết Tin Mừng của mình một cách chính xác hầu chia sẻ kinh nghiệm này cho chúng ta. Gioan viết, “Để anh em tin mà được sự sống nhờ danh Ngài” (Ga 20, 31b).

Ở đây, chúng ta khám phá nét độc đáo trong tác phẩm của Gioan. Trong khi giới thiệu Tin Mừng của mình như một mặc khải về sự sống, Gioan đặt sứ điệp của Đức Giêsu trong mối quan hệ trực tiếp với khát vọng sâu xa nhất của con người, một khát vọng khẩn thiết nhất và cũng là khát vọng chung nhất cho mọi người không trừ ai: khát vọng sống, và sống dồi dào. Vì thế, Tin Mừng này nói đến con người sống nhiều hơn nói đến một con người bình thường: một con người sống không hài lòng vì chỉ có sự sống, nhưng tự nơi sâu thẳm nhất của hữu thể mình, nó còn khát khao một cuộc sống tràn đầy hơn, cao cả hơn và viên mãn hơn. Một cuộc sống vừa mạnh mẽ vừa hạnh phúc và không suy tàn.

J. Zumstein nhận định, “Trong Tin Mừng Gioan, những người gặp Đức Giêsu là những người đi tìm sự sống, hơn cả sự sống. Lão trượng minh triết Nicôđê mô chán chê với những gì được phú bẩm, những gì làm ngất ngây với những hiểu biết... đã tìm cách tiếp cận Đức

Giêsu vì ông bị thôi thúc bởi những điệu cảm của một cuộc sống trôi vượt hơn. Bên bờ giếng, thiếu phụ Samaria khao khát một cuộc sống không còn phải vùi dập bởi một công việc đơn điệu và nhàm chán. Bà chỉ yêu cầu được giải thoát khỏi gánh nặng mỗi ngày. Năm ngàn người đàn ông được Đức Giêsu thết đãi cứ khăng khăng đi theo người đã cho họ bánh ăn no nê. Những người chị của Lazarô nổi giận vì sự nghiệt ngã của cái chết vốn cắt đứt mọi tình cảm và họ trách Đức Giêsu đã không bảo vệ mạng sống cho Lazarô, bạn Ngài¹”. Tất cả những con người này khao khát một cuộc sống tràn đầy, tự do, vui tươi và yêu thương.

Tin Mừng Gioan đề cập đến khát vọng này, một khát vọng nằm ở tâm điểm cuộc phiêu lưu của con người. Người ta thừa nhận rằng, điểm xuất phát này có một âm vang rất phù hợp với thời đại hôm nay. Phải chăng tính hiện đại này trước hết là sự chú ý tới chủ thể con người như điểm quy chiếu của mọi sự thật và mọi giá trị? Vào thế kỷ *Ánh Sáng*, chủ thể con người được nhìn nhận với chính ý thức hay đúng hơn là lý trí. Đó là một chủ thể suy tư. Nhưng vào thế kỷ 19, đặc biệt với Nietzsche, ông đã đẩy lên một cuộc cách mạng mang tính quyết định trong ý niệm hiện đại về chủ thể. Chủ thể ở đây không chỉ là ý thức, lý trí hoặc hiểu biết. Chủ thể trước hết là con người sống. Con người sống với thân xác của nó, với những xung năng, đam mê, khát khao sống của nó... Ý thức, lý trí, tư duy không phải là một cái gì tách biệt, đứng trên cuộc sống. Chúng trầm mình trong dòng chảy sự sống và được nuôi dưỡng từ nguồn mạch này. Tất một lời, chủ thể

¹ J. Zumstein, *L'Apprentissage de la foi*, Éd. Du Moulin, Suisse, 1993, p. 94.

hiện đại chính là sự chối từ tất cả tính lưỡng diện. Sẽ không còn một bên là lý trí thuần túy, và bên kia, một con người sống với những xung năng của nó. Chính toàn bộ con người cùng lúc, sống và suy tư.

Trong con người, một con người sống động với những cội rễ của nó, tự chúng, là những xung năng khát khao ánh sáng. Claudel viết, “Bóng tối của chúng ta còn thiếu những vì sao”. Khi suy tư, phán đoán, quyết định, là khi con người làm những điều đó với cả thân xác ham muốn cùng tất cả những gì sống động nơi nó. Cuộc sống tự nó nói lên trong sự chọn lựa các giá trị. Nó không luôn luôn cho thấy điều đó nhưng có mặt ở đó để định lượng, đánh giá, đề nghị và một đôi khi áp đặt. Mọi xung năng, mọi tình cảm kêu gào một chân lý mà không sớm thì muộn phải được bắt lấy. Cũng vậy, khát vọng sống vốn nằm ở tâm điểm con người cũng là niềm khát khao chân lý và ánh sáng; thế nhưng, cùng lúc ấy, niềm khát khao chân lý và ánh sáng ấy chính là khát khao sống và sống tràn đầy.

Từ đó, chúng ta hiểu rằng, trước khi bám vào một giáo điều, con người hiện đại ước ao chứng tỏ giá trị của mình đối với cuộc sống. Như nhận xét của M. Zundel, “Một cách thiết yếu, mọi thị kiến, mọi cuộc hiện ra, mọi sách thánh đều nêu lên vấn đề tiên quyết: liệu cuộc sống sẽ được tiến triển, biến đổi và giải thoát nhờ những cái đó không? Nếu cuộc sống chẳng nhận được chút ánh sáng nào hoặc chẳng chút cải thiện nào từ những điều đó thì đâu là ý nghĩa của những phép lạ, những mặc khải, những thị kiến và những cuốn sách thánh? Đó là *chiều cao của*

sự sống thể hiện thực tiễn tiêu chí này²”. Chiều cao của sự sống có nghĩa là việc nâng con người lên, điều mà Nietzsche gọi là “việc nâng cao phẩm giá con người”.

Thông điệp cao cả nhất sẽ không bao giờ lôi kéo được con người và sẽ không gọi lên nơi nó bất cứ một khát khao sâu xa nào nếu con người không tỏ ra có trách nhiệm đối với cuộc sống, sống một cuộc sống mạnh mẽ hơn, thanh cao hơn. Một chân lý không đi xuống tận lòng nôi tâm con người, không kết hôn với niềm khát khao sống cao cả này, sẽ không bao giờ chiếm được con người sống động đích thực. Với nó, chân lý sẽ luôn ở bên ngoài và mãi mãi trừu tượng.

Ngôi Lời Thiên Chúa, tự mình Ngài, chỉ có thể làm cho con người biết Ngài một cách chân thật bằng cách tỏ mình và làm cho họ khát khao Ngài như nguồn sung mãn của sự sống. Thánh Gioan đã viết trong lời tựa của mình, “Ngôi Lời đã trở nên người phàm”. Ngôi Lời đã sống, sống đời sống của chúng ta để mặc khai cho chúng ta sức sống trong sự tràn đầy của Ngài.

Đối với con người, không có con đường nào khác thâu tới ánh sáng hơn trái tim bằng thịt của nó với một khát vọng sống mãnh liệt. Thánh Gioan thấy điều đó rất rõ. Tin Mừng Gioan được trình bày như một chuỗi những cuộc gặp gỡ khi những người nam, người nữ, những người lao nhọc... day dứt bởi khát vọng được sống dồi dào và phong phú hơn tìm đến với Đức Giêsu. Chính Ngài tự mặc

² *L'Humble Présence, inédits de M. Zundel, t. 1, publiés par M. Donzé, éd. Du Tricorne, Genève, 1986, p. 15.*

khải cho mỗi người trong họ như một Đấng thông ban sức sống dư đầy, một sức sống vốn cũng là ánh sáng.

Ở những cuộc gặp gỡ khác nhau này, Đức Giêsu tỏ ra Ngài là một thầy dạy khát khao tuyệt hảo. Ngài gọi lên khát khao này, đưa nó ra khỏi tính chất cô hủ vốn cột buộc nó với u mê, với những hẹp hòi, những tăm tối để cuối cùng, dẫn nó đến với ánh sáng bằng cách cho nó vươn đến vô cùng. Tuy nhiên, Ngài không bao giờ xem thường tính vật chất của nó, nhưng nhấn mạnh đến sự tăng trưởng khát khao thực sự, một niềm khát khao vốn biến đổi nó và tích lũy thành một khát khao chính ân huệ của Thiên Chúa.

Ngôn ngữ của sự chuyển hoá những khát vọng này không phải là ngôn ngữ của những khái niệm, nhưng là của những hình ảnh và những biểu tượng. Nước, lửa, ánh sáng, gió, hơi thở, ngày, đêm... luôn là những hình ảnh của khát khao, biểu tượng của sự sống, khát khao sống dưới mọi hình thức, từ những hình thức cổ xưa nhất đến thanh cao nhất. Những hình ảnh biểu tượng này thể hiện sức mạnh mà chúng ta mang trong mình nhưng đó cũng là sức mạnh mà chúng ta không làm chủ được. Một ngọn lửa nội tâm làm chúng ta sống, nhưng cũng có thể làm chúng ta chết. Theo lời Bachelard, “Chúng luôn minh hoạ một sự siêu việt”.

Tin Mừng Gioan chứa đầy những hình ảnh biểu tượng lớn lao này. Cụ thể, bởi đó là Tin Mừng của sự sống, vì sự sống; và những hình ảnh biểu tượng đó là ngôn ngữ của sự sống. Phần lớn những hình ảnh biểu tượng này được Gioan mượn từ sách *Xuất Hành*, trong đó, chúng diễn tả kinh nghiệm phi thường về sự sống và cũng trong

đó, chúng đóng vai trò biến đổi niềm khát khao. Thực tế, chúng minh họa hành trình dân Thiên Chúa tiến về Đất Hứa xuyên qua sa mạc. Không chỉ là việc tiến bước thể lý nhưng đồng thời còn là một dịch chuyển thiêng liêng: từ chỗ bám víu vào các ngẫu tượng đến chỗ gặp gỡ Thiên Chúa hằng sống. Sa mạc tự nó không phải là hình ảnh của khát vọng tìm kiếm sự sống sao? Ngang qua những hình ảnh này, chúng ta thấy những sức mạnh chưa mấy rõ ràng của niềm khát khao tiến đến sự sống thần linh và chính chúng trở nên sự sống đó.

Trong Tin Mừng Gioan, Đức Giêsu tùy nghi lấy lại những hình ảnh biểu tượng ấy để mặc khải cho con người sự sống sung mãn Ngài mang đến cho họ; nhưng cùng lúc, Ngài mở lòng họ ra hầu đón nhận sự dồi dào này. Khi đọc Tin Mừng Gioan, chúng ta phải luôn trở lại tuyên bố ban đầu của lời tựa: “Ngôi Lời đã trở nên người phàm”. Ngài đã xuống tận cội rễ của niềm khát khao, không phải để phá hủy nhưng để biến đổi và mặc cho nó mọi chiều kích của nó, biến đổi nó thành một sức mạnh nguyên tuyền hướng đến thần linh. Ở đây, những hình ảnh ý nghĩa của *Xuất Hành* mang lấy nhục thể và sự sống. Nước nuôi sống và nước tuôn tràn, manna, cột lửa hướng dẫn dân, con rắn đồng được giương cao trong sa mạc chữa lành vết cắn của loài bò sát là hình ảnh của chính Ngài, Ngôi Lời hoá thành nhục thể. Ngài là Môisen đích thực dẫn con người vào vùng đất của kẻ sống, bằng cách mở rộng cho họ mọi cánh cửa đưa đến sự sống thần linh.

Một câu hỏi hoàn toàn tự nhiên được đặt ra: Ai là người đã sáng tác bản văn nguyên thủy này vào cuối thế kỷ đầu tiên của thời đại chúng ta? Vì nếu chúng ta nhận

thấy những dấu vết của nhiều tác giả kế tiếp thì cuốn Tin Mừng này được trao cho chúng ta vẫn mang dấu ấn của chỉ một tác giả, được trình bày như một tác phẩm văn học và thần học có uy thế: nó là tác phẩm của một nhân vật siêu phàm. Thật là chính đáng khi tác giả Tin Mừng thứ tư được sánh ví với loài phượng hoàng “Để chiêm ngắm màu nhiệm Đức Kitô, ngài đã bay bổng lên cao” (Alain Marchadour).

Giáo Hội cổ xưa đã đồng hóa ngài với người môn đệ Đức Giêsu thương mến, Gioan tông đồ, một trong những người con của ông Zêbêđê. Theo đó, Giáo Hội nhấn mạnh nguồn gốc tông đồ của Tin Mừng này và thiết lập thẩm quyền của nó.

Nhưng tông đồ Gioan, con của một ngư phủ biển hồ Galilê cũng như Simon Phêrô, là một người không được dạy dỗ và học hành như sách *Công Vụ Tông Đồ* nhận định (Cv 4, 13); nhưng đây không phải là trường hợp của tác giả Tin Mừng thứ tư, một người được học hành, biết tiếng Hy Lạp, tiếp nhận những luồng tư tưởng Hy Lạp, thông thạo hoàn hảo tư tưởng và các thể loại văn chương Thánh Kinh Do Thái³.

³ Prochorus (Hy Lạp), một trong 7 Phó Tế đầu tiên thời các Tông Đồ là đồ đệ của thánh Gioan, thông thạo văn hoá và tư tưởng Hy Lạp, được truyền thống coi là người đã giúp thánh Gioan hoàn thành những thủ bản của mình, đặc biệt là sách Khải Huyền, (xem thêm ở: <http://en.wikipedia.org/wiki/Prochorus>). Ngoài ra, chúng ta không quên thánh Polycarp, Giám Mục Smyrna (Hy Lạp) là đồ đệ cuối cùng của thánh Gioan (Chú thích của người dịch).

Một điều chắc chắn: Tin Mừng thứ tư được trình bày không chỉ như một chứng cứ lịch sử, nhưng như một suy tư thần học về đời sống và giáo huấn của Đức Giêsu. Như thế, nó là hoa trái của một quá trình chiêm niệm lâu dài và sâu sắc. Nơi nguồn mạch của việc chiêm ngắm này và đồng hành với nó, còn có chứng từ của một người môn đệ cận kề Đức Giêsu, “người gìn giữ một niềm tin trung vào Thầy như thể lòng tin trung này khác biệt với lòng thành tín được diễn tả trong các Tin Mừng nhất lãm cả về văn phong lẫn giọng văn và các chọn lựa⁴”. Dường như chứng từ này đã được tác giả Tin Mừng thứ tư đón nhận và nghiền ngẫm ngay giữa một cộng đoàn.

Nhưng trong khi lãnh hội điều đó, chính tác giả đã trải qua một kinh nghiệm lạ lùng về sự sống và ánh sáng. Như đã nói, Tin Mừng Gioan trình bày một loạt những cuộc gặp gỡ của Đức Giêsu với bao thiện nam tín nữ, những người đi tìm một cuộc sống tràn đầy hơn, hạnh phúc hơn. Chúng ta có thể nghĩ rằng, ngang qua các trình thuật này, tác giả cũng đã chứng tỏ về cuộc gặp gỡ riêng tư của mình. Chính Gioan cũng đã gặp gỡ Đức Giêsu cách sâu sắc qua việc nghiền ngẫm và trải nghiệm chứng tá lịch sử của người môn đệ. Đối với tác giả, điều này quả là một cuộc sinh hạ mới: một cuộc sinh hạ trong sự sống ngập tràn ánh sáng. Kinh nghiệm quyết định này gợi hứng cho toàn bộ Tin Mừng Gioan. Kinh nghiệm đó cũng là điều mà tác giả muốn chia sẻ với chúng ta.

⁴ Alain Marchadour, *Les Évangiles au feu de la critique*, éd. Fayard-Centurion, Paris, 1995, p. 112.

Vì thế, người ta sẽ cắt nghĩa tùy thích tầm quan trọng của chủ đề Sự Sống - Ánh Sáng trong Tin Mừng Gioan. Lời giải thích cuối cùng là, chính tác giả đã trải qua một kinh nghiệm choáng ngợp, một lễ hội thực sự của ánh sáng, đang khi khám phá trong sự sống và sự chết của Đức Giêsu một mặc khải lạ thường về bữa tiệc Agapê của Thiên Chúa.

Sự tráng lệ của bữa tiệc Agapê ở chỗ ánh sáng ban sự sống mà Gioan đã nhìn thấy rạng ngời trong cuộc sống và cái chết của Thầy. Sự sống được biểu lộ trong Đức Giêsu chỉ là một vói sức mạnh của tình yêu vốn mạnh mẽ hơn những bóng tối nơi chúng ta, uy dũng hơn cả cái chết và hoả ngục của chúng ta. Vì nguồn lực khải hoàn rạng sáng ngày Phục Sinh chính là sức mạnh đã dẫn Đức Giêsu đến quà tặng tuyệt hảo. Gương mặt phá hủy sự chết là gương mặt của Tình Yêu vô biên.

Ở đây, không chỉ là mầu nhiệm Thiên Chúa, Đấng chiếu sáng, nhưng còn là mầu nhiệm của thế gian và của con người. Biểu lộ như một năng lực của tình yêu, sự sống, vốn ở mức độ sung mãn nhất vẫn tôn trọng sự thôi thúc bên trong của con người, một thôi thúc phát xuất từ nguồn ngọn của nó, đó chính là năng lực sáng tạo: chính năng lực này mang mọi sự đến chỗ hoàn tất tối hậu của chúng. Gioan có thể viết, “Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành và không có Ngài, thì chẳng có gì được tạo thành...” (Ga 1, 3). Chính vì thế, toàn bộ cuộc hiện sinh vốn được liên kết với điều phi lý, vô nghĩa và giới hạn với thời gian là một cái gì khác với triều sóng của những hy vọng ngập tràn. Nỗi khát khao của con người không phải là một ảo vọng vì chính sự sống sung mãn đã được trao tặng cho nó. Đó là ý nghĩa của thế gian.

Một chứng từ lịch sử, một suy tư thần học và một trải nghiệm hiện sinh; cả ba nguồn suối từ đó, tuôn trào Tin Mừng thánh Gioan; cũng từ đó, lộ trình đến với sự sống được thiết lập. Thật không dễ khi phải phân biệt ba dữ kiện này. Nhưng đó không phải là điều quan trọng nhất. Điều thiết yếu là tìm lại con đường sự sống, qua đó, Thiên Chúa Hằng Sống mở ra cho con người và dẫn con người đến với sự sống thần linh. Đó là tham vọng của những trang sách này.

Việc tiếp cận của chúng ta sẽ bao gồm hai nhịp. Trước hết, chúng ta sẽ phân tích một số cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu với những người nam người nữ đến với Ngài, họ là những người được Tin Mừng Gioan thuật lại. Tiếp đến, nhịp hai, chúng ta sẽ gẫm suy về sự sống mà Đức Giêsu không ngừng nói đến trong những cuộc gặp gỡ này.

Không thiếu những nghiên cứu lỗi lạc về Tin Mừng Gioan. Dù thú vị và cần thiết đến đâu, chúng vẫn không đủ nếu những nghiên cứu này không biết cách giúp chúng ta gặp Đấng mà trong Ngài, sự sống sung mãn được mặc khải. Ngoài ra, chúng ta cần phải để cho sự sống này đi vào công cuộc tìm kiếm của mình. Sự sống, trước tiên là khao khát, một niềm khao khát cần phải dốc toàn lực:

Đức Giêsu nói, “Ai khát, hãy đến với tôi mà uống...” (Ga 7, 37).

“Ai khát, hãy đến;
ai muốn, hãy đến lãnh nước trường sinh
mà không phải trả tiền” (Kh 22, 17b).

Phần I

NHỮNG CUỘC GẶP GỠ

Chương 1

“Chúng Tôi Đã Gặp Ngài”

(Ga 1, 35-51)

Trong Tin Mừng Gioan, thoát tiên, Đức Giêsu không hề xuất hiện như một nhà thuyết giáo. Trước hết, Ngài hiện diện như một con người sống động để ai ai cũng có thể gặp Ngài trên những nẻo đường của họ, nẻo đường của những khát khao. Điều đánh động trước tiên, trong những cuộc gặp gỡ đó, là tính đơn sơ đáng ngạc nhiên của chúng.

Đây chính là cách thức tác giả Tin Mừng kể lại lần gặp gỡ đầu tiên của Đức Giêsu với những người sẽ là môn đệ tiên phong của Ngài:

“Sáng hôm sau (sau ngày Đức Giêsu chịu phép rửa tại sông Giođan), Gioan (người làm phép rửa), ở lại đó với hai môn đệ của mình. Thấy Đức Giêsu đi ngang qua, Gioan nói, “Đây là Chiên Thiên Chúa”. Hai môn đệ nghe những lời này và đi theo Đức Giêsu. Ngài quay lại, thấy họ theo mình, rồi hỏi họ rằng, “Các anh tìm gì thế?”. Họ đáp, “Rabbi, nghĩa là thưa Thầy, Thầy ở đâu?”. Ngài bảo, “Hãy đến mà xem”. Họ đã đến xem chỗ Ngài ở, và ở lại

với Ngài ngày hôm ấy. Lúc đó vào khoảng bốn giờ chiều” (Ga 1, 35-39).

Tính giản dị của trình thuật khiến độc giả cảm thấy hụt hẫng một cái gì đó. Họ muốn biết nhiều hơn điều các môn đệ đã thấy ngày hôm ấy. Họ muốn được chỉ dẫn về nơi chốn Đức Giêsu đã đón tiếp các môn đệ và nhất là về cuộc gặp gỡ giữa Ngài với các ông. Thế nhưng, tác giả không nói gì về chủ đề này. Không một lời về nơi chốn, không một xác thực nào về diễn biến cuộc gặp gỡ; chỉ có thời giờ được nói đến nhưng chỉ đề cập một cách phờng chừng.

Thế mà cũng ngày hôm ấy, một điều gì đó thật sự quan trọng mang tính quyết định đã xảy ra. Đối với hai môn đệ của Gioan, cuộc gặp gỡ này mang tính quyết định. Cuộc gặp gỡ đó đã đổi đời họ. Anrê, một trong hai người, vốn vãn thỏ lộ cuộc gặp gỡ này cho em mình, Simon Phêrô, một cuộc gặp gỡ đã đảo lộn cuộc sống của ông, “Chúng tôi đã gặp Đấng Messia”, Anrê tuyên bố với em mình (Ga 1, 41) và dẫn em đến gặp Đức Giêsu. Ngày hôm sau, chính Philipphê, cũng là người đã gặp Đức Giêsu; đến lượt mình, ông thông báo, “Đấng mà sách Luật Môisen và các ngôn sứ nói tới, chúng tôi đã gặp Ngài!” (Ga 1, 45).

“Chúng tôi đã gặp Ngài!”. Tự đáy lòng, ở người này cũng như nơi người kia, lời này đã thỏ lộ một sự chờ mong, một cuộc tìm kiếm sâu xa và nóng lòng. Không, cuộc gặp gỡ này không phải là một cuộc gặp gỡ vô vị, tầm thường... thậm chí cũng không là cuộc gặp gỡ thân thiện, đơn sơ thường ngày. Vấn đề nằm ở chỗ có một điều gì đó hoàn toàn khác.

Vào thời điểm khi Đức Giêsu xuất hiện trên bờ Giordan, niềm hy vọng về một Đấng Thiên Sai đã lên đến cực điểm nơi người Do Thái, nhất là nơi hạng cùng đinh đang gánh chịu sự thống trị nặng nề nhất của người Rôma. Họ chờ đợi sự giải phóng đã được hứa qua miệng các ngôn sứ. Họ tin rằng, cuộc giải phóng sắp xảy ra. Đó không chỉ là một niềm khát khao đạo đức nhưng là một cuộc nổi dậy ngấm ngầm và mạnh mẽ của cả một dân tộc. Người ta chờ đợi Đấng Thiên Sai như đất khô cần chờ mưa mà mặt trời đang thiêu rụi, như tù nhân chờ được giải thoát. Thực ra, cả một quốc gia đang bị giam cầm, một đất nước đang lên cơn sốt, một quê hương đang rùng mình và run rẩy trước một dấu chỉ mong manh nhất, một gọi hứng yếu ớt nhất.

Thế rồi, Gioan Tiền Hô đến. Lời tiên báo mạnh mẽ nồng nhiệt của Gioan trên đôi bờ Giordan đã cuốn hút đám đông. Gioan loan báo Ngày của Thiên Chúa, ngày mà Gioan đã thấy, ngày đầy quyền năng. Lời của Gioan nhen nhúm lại niềm hy vọng lớn lao, một niềm hy vọng kích động nỗi khát khao. Rồi Gioan hô hào dân chúng chuẩn bị cho Ngày trọng đại ấy bằng cách lãnh nhận phép rửa trong dòng Giordan như một dấu chỉ của lòng thống hối.

Một nhóm môn đệ nhiệt thành được đào tạo đang ở bên Gioan, họ cùng thông hiệp một nỗi chờ mong, sẻ chia một niềm hy vọng, bùng cháy một niềm khát khao. Gioan nói với họ, “Tôi đây làm phép rửa trong nước. Nhưng có một vị đang ở giữa các ông mà các ông không biết. Ngài sẽ đến sau tôi và tôi không đáng cởi quai dép cho Ngài” (Ga 1, 26-27).

Và đây đúng là điều Gioan đã nói với hai trong số các môn đệ của mình khi thấy Đức Giêsu ngang qua, “Chính Ngài, vâng, chính Ngài là Chiên Thiên Chúa”. Ngay sau đó, hai môn đệ đi theo Đức Giêsu. Họ đã đến với Ngài không vì hiếu kỳ nhưng như những con người khát khao mang theo niềm hy vọng lớn lao mà Gioan đã thấp lè trong họ.

“Chúng tôi đã gặp Ngài!...”, tiếng reo này bộc lộ một niềm vui khám phá, đồng thời biểu thị điểm dừng của một cuộc tìm kiếm nôn nóng, cũng như khởi đầu một cuộc phiêu lưu huyền diệu sắp đến. Như sau đông dài u ám, dáng xuân rạng rỡ trong ánh sáng tươi mới của nó, con người cũng cảm nhận sắc xuân nơi chính mình, một dòng máu mới, một năng lực tươi trẻ được tặng ban. Cũng thế, đối với các môn đệ của Gioan, những người đã gặp Đức Giêsu, một điều gì đó thật mạnh mẽ và ngời sáng đang dấy lên trong họ. Nước Thiên Chúa đã ở đó, giữa họ. Nước đó có một cái tên, một khuôn mặt và một ánh mắt. Đó là một con người sống động, rạng rỡ; một con người độc đáo, nhưng thật gần gũi.

Đức Giêsu đã nói gì để chinh phục và lôi cuốn họ? Họ đã hỏi, “Thưa Thầy, Thầy ở đâu?”, Ngài đáp lại, “Hãy đến mà xem”. Hãy dừng lại mẫu đối thoại ngắn ngủi này. Trong cái đơn giản tột bậc của nó, có một ý nghĩa lớn lao. Hẳn câu hỏi của các môn đệ Gioan có thể hiểu theo nghĩa đầu tiên, tức thời và rất giới hạn... nghĩa của một nơi chốn vật chất. Không nghi ngờ, câu hỏi được đặt ra trước tiên trong một ý nghĩa hoàn toàn ngoại tại.

Nhưng cái nhìn của tác giả Tin Mừng lại đi xa hơn. Với Gioan, câu hỏi mang một chiều kích khác. Phần tiếp theo của trình thuật cho thấy điều đó. Nếu tác giả cố tránh việc minh xác về một nơi chốn vật chất, chính là vì, với Gioan, nơi ở đích thực của Đức Giêsu, nơi mà các môn đệ được mời đến khám phá không được phép định vị cũng như không được mô tả từ bên ngoài. Cần phải khám phá nơi chốn đó trong thực tại sâu kín của hữu thể Ngài: trong mầu nhiệm sự sống mà Ngài mang trong mình và ở trong đó, Ngài cư ngụ. Chỗ ở đích thực của Ngài là mối tương quan của Ngài với Thiên Chúa, với Đấng mà Ngài gọi là Cha. Đó chính là nơi Đức Giêsu để cho người ta thực sự gặp Ngài. Toàn bộ Tin Mừng Gioan sẽ là câu trả lời cho câu hỏi này, “Thưa Thầy, Thầy ở đâu?”. Các môn đệ dường như đã bị nắm bắt bởi sự sống sung mãn này.

Cũng thế, ngay từ đầu, tác giả Tin Mừng đã hướng cái nhìn của chúng ta đến việc khám phá một con người sống động, một con người bằng sự hiện diện của mình, khai mở một kỷ nguyên mới. “Chúng tôi đã gặp Ngài”, các môn đệ Gioan nói. Đấng họ chờ mong và khát khao, cuối cùng đã ở giữa họ. Nói đúng ra, cuộc gặp gỡ tuyệt diệu chỉ mới bắt đầu. Ngày này qua ngày khác, họ sẽ đi sâu vào sự thiết thân với Ngài và sẽ đến ngày, một ngày nội tâm, họ khám phá mối tương quan giữa Đức Giêsu và Chúa Cha, nơi đó, Ngài ở thực sự.

Ở chặng cuối hành trình, Vị Thầy sẽ bảo họ, “Thầy không còn gọi anh em là tôi tớ nữa... nhưng là bạn hữu, vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha của Thầy, Thầy đã cho anh em biết” (Ga 15, 15). Như thế, suy gẫm về mạc khải này, tác giả Tin Mừng có thể viết trong lời tựa, Ngài

đã định nơi ở của mình, “ở giữa chúng ta”. “Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Ngài, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Ngài, là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật” (Ga 1, 14).

Chuyển động của cuộc gặp gỡ trở nên sâu sắc bắt đầu ở đây. Điều đó hiển nhiên hơn trong cuộc gặp gỡ giữa Nathanael với Đức Giêsu. Nathanael đã mỉm cười, một nụ cười ngỡ vực khi Philipphê bảo ông, mình đã gặp Đấng Messia trong con người của Đức Giêsu Nazareth. Nathanael đã đáp lại, “Từ Nazareth, làm sao có cái gì hay được?” (Ga 1, 46). Philipphê đã đáp lại cách đơn sơ, “Hãy đến và xem!”.

Nathanael cũng thế, ông sống trong sự chờ mong Đấng Thiên Sai và ước ao thấy Ngày của Ngài. Cả hữu thể ông khát khao sự tỏ mình của Thiên Chúa, một cuộc tỏ mình mang lại cho thế gian cuộc sống tự do và hạnh phúc hơn. Nhưng làm sao có thể tưởng tượng giây phút Đấng mà Môisen nói đến trong sách Luật, Đấng mà các ngôn sứ loan báo sẽ đến cách rạng rỡ lại là một người xuất thân không mấy rõ ràng từ một thị trấn nhỏ bé heo hút trong những vùng núi miền hạ Galilê? Nathanael nghĩ đến một ý tưởng “quý phái” hơn về Đấng Thiên Sai.

Thế mà trước lời mời của Philipphê, Nathanael bằng lòng gặp Đức Giêsu; và ông không khỏi ngạc nhiên khi nghe lời chào của người không quen biết này, “Đây đích thật là một người Israel, lòng dạ không có gì gian dối!”. Trước lời đó, Nathanael nghệt thở, “Làm sao Ngài lại biết tôi?”, ông hỏi. Qua câu hỏi này, toàn bộ hữu thể của ông bộc lộ, trong sáng như vàng ròng.

Người ta sẽ lưu ý, Đức Giêsu tỏ mình cho Nathanael không như cho một người xa lạ hay như một người ngoài: Đức Giêsu đã biết ông một cách cá vị và thấu đáo. Nhất là, Ngài trân trọng và yêu mến ông.

“Chúa sẽ không tìm con, nếu Ngài đã không gặp con”, Pascal nói với Đức Giêsu. Có lẽ đúng hơn, phải nói, “Chúa sẽ không tìm con, nếu con đã không gặp Ngài”, “Nếu con đã không gặp Ngài nơi thâm sâu nhất của chính Ngài”. Thiên Chúa luôn yêu mến những ai đi bước trước. Chuyển động của Thiên Chúa về phía con người luôn luôn đi trước việc con người tiếp cận Người. Người đã có mặt nơi tâm điểm khát khao của con người. Cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và Nathanael mang đầy ý nghĩa. Đức Giêsu cho thấy chính Ngài, như một con người sống động; với Ngài, chúng ta đã ở trong mối tương quan sâu xa nhất của chính mình, ngay cả trước khi chúng ta nhận biết Ngài, biết Ngài tận cội nguồn của niềm khát khao.

“Làm sao Ngài lại biết tôi?”, và Đức Giêsu trả lời, “Trước khi Philipphê gọi anh, khi anh ở dưới cây vả, tôi đã thấy anh”. “Ở dưới cây vả” là một thuật ngữ dành cho giới kinh sư. Người ta nói đến một người “ở dưới cây vả” khi người đó dạy hoặc suy niệm luật Tora. Vì thế, khi nói Ngài đã thấy ông “dưới cây vả”, Đức Giêsu đã lột trần tâm hồn Nathanael; Ngài trả ông về lại tận niềm khát khao sâu xa nhất của ông, một niềm khát khao tìm kiếm ánh sáng, khát khao sự sống; một sự chờ đợi sâu kín và mỗi mòn nhất của ông.

Vì thế, người ta hiểu lý do tại sao Nathanael đã thốt lên với lòng tin và niềm kính tôn, “Thưa Thầy, chính Thầy

là Con Thiên Chúa, Thầy là vua Israel”. Trên môi miệng Nathanael, những lời này có nghĩa: “Ngài đúng là người mà tôi đang tìm kiếm, người mà tôi chờ mong với niềm khát khao mãnh liệt. Chính Ngài, vâng, chính Ngài là Đấng mà tôi chực chờ khi tra cứu Thánh Kinh mà không biết”.

Vì thế, Đức Giêsu bảo Nathanael, “Vì tôi nói với anh là ‘tôi đã thấy anh dưới cây vả’, nên anh tin! Anh sẽ còn được thấy những điều lớn lao hơn thế nữa...”. Cuộc gặp gỡ chỉ mới bắt đầu. Cuộc gặp gỡ này sẽ tiếp tục và đào sâu xuyên suốt Tin Mừng Gioan và cuối cùng, được hoàn thành vào rạng ngày Phục Sinh. Nhưng ánh sáng Phục Sinh đã toả ánh huy hoàng trên cuộc gặp gỡ đầu tiên này. Đức Giêsu công bố, “Thật, tôi bảo thật các anh, các anh sẽ thấy trời rộng mở và các thiên thần của Thiên Chúa lên lên xuống xuống trên Con Người”.

Toàn bộ mâu nhiệm của Đức Giêsu tỏ lộ trong lời công bố này. “Trời mở ra”, đó quả là sự tỏ mình của Thiên Chúa, cuộc thân hiện vĩ đại, sự mặc khải vinh quang Thiên Chúa sẽ được thực hiện nơi Đức Giêsu. Giác mơ Giacóp nên hiện thực. Giacóp đã mơ thấy một chiếc thang khổng lồ dựng từ đất lên tới trời, và trên đó, các thiên thần lên lên xuống xuống (St 28, 12). Chính trong Con Người, trời mở ra, mối thông hiệp được thiết lập với cõi đất cách thân thiết nhất cũng như mạnh mẽ nhất: chính nơi tâm hồn con người, sự sống sung mãn thần linh toả rạng.

Trong Tin Mừng Gioan, các sự kiện đan xen nhau. Thực ra, mọi cuộc gặp gỡ của Đức Giêsu đã là những cuộc gặp gỡ phục sinh. “Giờ đã đến và chính là lúc này

đây”, Đức Giêsu sẽ nói với người phụ nữ Samaria như thế. Tác giả Tin Mừng không kể lại lịch sử của Đức Giêsu như một sử gia hiện đại có thể kể theo một trật tự thời gian cứng nhắc. Trình thuật của Gioan không đi theo một đường thẳng từ đầu đến cuối nhưng lại xoay quanh một tâm điểm đang khi ngày càng xích lại gần tâm điểm đó.

Tâm điểm này, chính là giờ mặc khải tối hậu của Đức Giêsu và giờ làm vinh danh Con Thiên Chúa trong cái chết và phục sinh của Ngài. Nhưng giờ này đã toả sáng toàn bộ hành trình đến nỗi mỗi cuộc gặp gỡ của Đức Giêsu mà tác giả Tin Mừng kể lại đều đắm chìm trong ánh sáng này, đồng thời, đã đề lộ ra toàn bộ mầu nhiệm của Ngài. Thánh Gioan đã tài tình làm cho Đức Kitô của niềm tin hiện diện và chiếu sáng trong Đức Giêsu lịch sử.

Chương 2

Nước Hóa Thành Rượu

(Ga 2, 1-12)

Hoạt động công khai của Đức Giêsu bắt đầu trong Tin Mừng Gioan bởi một đám cưới. “Vào ngày thứ ba, có một đám cưới tại Cana, miền Galilê...”. Thực ra, đó là ba ngày sau khi Đức Giêsu hứa với Nathanael, “Anh sẽ còn được thấy những điều lớn lao hơn thế nữa!”. Không để lâu, lời hứa đã được thực hiện; lời hứa có một khởi đầu trọn vẹn vào ngày hôm ấy. Theo Gioan, điều đã xảy ra tại Cana, dấu lạ đầu tiên được Đức Giêsu thực hiện chính là sự tỏ mình lần đầu của Ngài cho các môn đệ.

Tiệc cưới này, nơi nước hoá thành rượu cho thực khách vui mừng hớn hở, công bố và báo trước toàn bộ hoạt động của Đức Giêsu. Cách nào đó, trình thuật bữa tiệc được Gioan trình bày từ đầu trong Tin Mừng mình khai mở một ý nghĩa mang tính âm nhạc của mạch văn: cách biểu tượng, nó khơi mào chủ đề căn bản vốn sẽ được lấy lại và trình tấu xuyên suốt tác phẩm.

Số lượng nước lớn (600 lít) biến thành rượu tuyệt hảo, quả nhiên, là dấu chỉ sự sống sung mãn được thông ban và lan tràn qua mọi chiều kích cách triệt để và hoàn toàn cho không. Ngày kia, Đức Giêsu sẽ nói, “Tôi đến để họ được sống và sống dồi dào” (Ga 10, 10b). Đó là chủ đề

mà trình thuật tiệc cưới đề cao và biểu trưng: Sự dồi dào của một sức sống vô tận và ngất ngậy, một quà tặng và là một cái gì hoàn toàn miễn phí. Đức Giêsu có thể nói vào ngày đó, “Nếu tôi là cây nho, rượu nho của tôi sẽ làm cho các người say ngất. Sự sống tôi mang đến cho các người cũng là một thứ rượu say ngất và tràn trề. Hãy uống rượu này. Chính cuộc sống của các người, cuộc sống xám xịt theo tháng ngày sẽ khởi sắc; nó sẽ biến thành niềm vui sống sự sống thần linh”.

Không phải ngẫu nhiên mà cuộc tỏ mình lần đầu của Ngôi Lời sự sống trong nhân tính của chúng ta lại diễn ra trong khung cảnh tiệc tùng rất trần tục của một đám cưới làng quê. Ở đây, chúng ta không ở trong bầu khí êm ả của giới hiểu biết thường quy tụ quanh một vị thầy vốn thường hé mở sự khôn ngoan của mình bằng những từ ngữ úp mở; nhưng này đây, chúng ta hoà mình với những con người thực sự tràn đầy sức sống trong bầu khí nồng nhiệt của một đám cưới, nơi mà sức sống và niềm vui sống chỉ chực bùng phát. Quả vậy, dấu lạ Đức Giêsu hoàn tất đã diễn tiến theo ý nghĩa này: đó là dấu chỉ sự sống được thông ban cho những ai đang sống, cho ai muốn sống. Nhờ vào nước hóa thành rượu này, tiệc cưới mang lấy chiều kích vĩnh cửu: nó công bố và báo trước biến chuyển lớn lao của một thế giới và việc hoàn tất cuộc biến đổi ấy trong ân huệ của Con Chí Ái.

Nếu khía cạnh nhân loại đậm nét ở cuộc tỏ mình đầu tiên của Đức Kitô được nhấn mạnh, thì trái lại, khía cạnh sinh học và giai thoại đặc thù lại chìm vào bóng mờ. Chỉ những chi tiết liên quan trực tiếp đến việc tỏ mình mới được giữ lại trong trình thuật của Gioan.

Thật lý thú, điều đầu tiên Gioan nêu lên chính là sự có mặt của mẹ Đức Giêsu tại đám cưới Cana này. “Trong tiệc cưới, có thân mẫu Đức Giêsu”. Sự hiện diện của người mẹ được đề cập trước mọi chuyện, thậm chí trước cả sự hiện diện của Đức Giêsu và các môn đệ. Người ta thấy “Mẹ Đức Giêsu” sẽ đóng một vai trò quan trọng trong tình huống này. Đó là lần đầu tiên Gioan nói cho chúng ta về ngài nhưng lại không cho chúng ta biết tên ngài. Trong toàn bộ Tin Mừng Gioan, chúng ta không tìm đâu được cái tên Maria. Vấn đề “Mẹ của Đức Giêsu” luôn được bỏ ngỏ. Chính Đức Giêsu khi nói với mẹ mình, Ngài gọi là “bà”. Đây là điều xảy ra trong suốt tiệc cưới cũng như trước khi Ngài chịu chết trên thập giá (Ga 19, 26). Chúng ta có thể ngạc nhiên về điều ấy. Nếu chỉ có Tin Mừng thánh Gioan, chẳng ai biết tên mẹ Đức Giêsu.

Điều tác giả Tin Mừng quan tâm không phải là bà Maria miền Nazareth, nhưng là “bà mẹ của Đức Giêsu”, người đàn bà trong đó, Ngôi Lời vĩnh cửu của Chúa Cha mặc lấy xác phàm nhân loại: người phụ nữ trong đó, Con Thiên Chúa bắt đầu cuộc sống làm người. Đó là người đàn bà được liên kết với phút khởi đầu trọng đại. Qua đó, người đàn bà ấy chứng kiến sự khởi đầu mặc khải mầu nhiệm cho thế gian. Nói cho đúng, với Gioan, mọi sự diễn ra như thể mãi hôm ấy, Mẹ Đức Giêsu mới sinh hạ con mình cách trọn vẹn; như thể là mãi đến lúc này, thiên chức làm mẹ của ngài mới triển nở tròn đầy. Thật vậy, chính là do sáng kiến của mẹ mà Đức Giêsu mới hành động trước khi đến “giờ” của mình, “giờ” biểu lộ vinh quang, giờ Ngài tỏ mình cho nhân thế.

Ở Cana ngày hôm ấy, có một điều gì đó mang tính quyết định đã xảy ra giữa Đức Giêsu và mẹ Ngài. Một điều gì đó đặc biệt thiết yếu dự phần vào mầu nhiệm những khởi đầu. Dù giữ khoảng cách trong tương quan với mẹ ruột của mình như chúng ta sẽ thấy, Đức Giêsu cũng đã không bao giờ tỏ mình cho mẹ của Ngài. Đức Maria tự cảm nhận mình được liên kết vào công trình sự sống của Ngài, vào việc khai mở một thế giới mới. Khởi đầu toàn bộ cuộc sống nhân loại, có người đàn bà; và cũng có sự hiện diện của người đàn bà vào buổi đầu thông giao khi Thiên Chúa muốn ban sự sống của Người cho chúng ta qua Người Con, Đấng đến trong xác phàm nhân loại.

Ở bữa tiệc, mẹ Đức Giêsu nhận thấy rượu hết và quay về phía con mình, bà tế nhị nói, “Họ hết rượu rồi”. Những lời này không đơn thuần là một nhận xét hoặc xác minh, chúng mang một ý nghĩa khác. Đó là một lời mời gọi, một yêu cầu kín đáo về việc can thiệp vì lợi ích của đôi tân hôn và khách mời của họ. Đức Maria cảm nhận nỗi bận tâm của gia đình. Bà không muốn niềm vui của ngày cưới hoá nên sự bối rối. Thiếu rượu cũng có nghĩa là thiếu niềm vui. Người ta có thể để cho niềm vui vụt bay ở ngày đại tiệc này sao?

Đức Giêsu hiểu rõ gợi ý của mẹ; Ngài đáp, “Thưa bà, có việc gì giữa bà và tôi?”. Đó là một kiểu hành văn Sêmit rất khó dịch. Vì nếu được dùng để đánh dấu khoảng cách giữa hai người, thì ý nghĩa của nó mang những sắc thái khác nhau tùy theo ngữ cảnh; tuy nhiên, nó còn chuyển biến theo âm điệu và cử chỉ kèm theo. Người ta thấu hiểu sự lúng túng của những người làm công việc dịch thuật. Kiểu dịch sát, “Tôi có chuyện gì với bà?”

dường như lạc lõng ở đây và không hợp với trình thuật khi cuối cùng, Đức Giêsu đáp ứng lòng mong mỏi của mẹ mình, và điều này vượt qua mọi giới hạn.

Nếu Đức Giêsu muốn cho mẹ mình biết rằng, Ngài chưa mau mắn được như mẹ, thì không phải vì con người của Ngài cho bằng vì mục tiêu của lời yêu cầu của mẹ và chính xác hơn, vì nỗi lo lắng mà mẹ Ngài biểu lộ. Cho nên câu trả lời của Ngài có thể dịch cách khác, “Mẹ cũng bận tâm cùng với mỗi bận tâm của con sao?⁵”.

Và như để biện hộ cho câu trả lời của mình, Đức Giêsu nói thêm, “Giờ của tôi chưa đến”. Ngay lập tức, Ngài đặt mình trên lãnh địa sứ vụ của Ngài. Dù ở đâu, ngay cả giữa một tiệc cưới, Ngài vẫn không đánh mất cái nhìn dù chỉ trong chốc lát về lý do tại sao Ngài được Chúa Cha sai đến. Chúa Cha chính là mối bận tâm của Ngài. Đức Giêsu hoàn toàn tùng phục cho sứ vụ vốn là sáng kiến của Chúa Cha. Giờ Ngài nói đến và gọi là “giờ tôi” chính xác sẽ là giờ mà Ngài hoàn thành sứ mạng này. Vì thế, Chúa Cha sẽ tự mặc khải toàn vẹn trong Con của Người bằng cách mặc khải Người Con đó như Đấng Hằng Sống có sứ vụ thông truyền cho thế gian sự sống thần linh. Đó sẽ là giờ làm vinh danh Chúa Cha trong Con của Người. Giờ đó vẫn chưa đến.

Tuy nhiên, Đức Giêsu không khước từ yêu cầu của mẹ mình. Đức Maria cảm nhận rõ điều đó, đã nói với các đầy tớ, “Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo”. Đức

⁵ Cf. X. Léon-Dufour, *Lecture de l'évangile selon Jean*, t. 1, éd. Du Seuil, p. 228.

Giêsu sẽ can thiệp một cách hữu hiệu. Nhưng Ngài sẽ mặc cho hành động của mình một ý nghĩa tròn đầy vốn sẽ đặt hành động đó trong mối tương quan trực tiếp với sứ vụ của mình cũng như ý định lớn lao mà Ngài đảm nhận. Cử chỉ Ngài sắp hoàn tất sẽ công bố và báo trước “giờ” của Ngài; nó sẽ như là dấu hiệu báo trước sự thông truyền lớn lao về sự sống sẽ được thực hiện trong máu sẽ đổ ra, trong sự sống mà Ngài trao ban. Qua chính sự thái quá của mình, Đức Giêsu đã cử hành trước sự hào phóng và tính cho không vô hạn của một sự sống thần linh vốn chỉ cần được mở rộng ra và thông ban.

Như thế, vì lợi ích của đôi tân hôn và khách mời của họ, lời yêu cầu khiêm tốn của Đức Maria không bị khước từ. Lời cầu xin có hiệu lực, nhưng tự bên trong, còn có một ý định trỗi vượt nó và mặc cho nó một ý nghĩa mới: Nỗi khát khao sự sống và niềm vui sống của con người được bảo đảm. Nỗi khát khao đó sẽ được thoả mãn, nhưng đồng thời, một làn gió mới sẽ mang nó đến một tương lai quá sức mong đợi. Leibniz nhận xét, những cái hèn mọn tồn tại trong những cái cao cả hơn theo một cách thức hoàn hảo hơn là tồn tại trong chính chúng. Trong dấu chỉ mà Đức Giêsu chuẩn bị hoàn tất, niềm vui tiệc cưới của con người vươn đến một niềm vui cao hơn, trọn vẹn hơn: niềm vui của sự sống thần linh được trao ban không tính toán và mang theo nó sự hiệp thông giữa các hữu thể.

Gioan viết, “Ở đó có sáu chum đá để dùng cho nghi thức thanh tẩy của người Do Thái. Mỗi chum đựng đầy đến hai phần ba (tổng cộng khoảng 600 lít). Đức Giêsu bảo các đầy tớ, ‘Hãy đổ nước đầy các chum...’. Họ đổ nước đầy đến miệng. Đức Giêsu bảo, ‘Bây giờ hãy múc và

mang đến cho người quản tiệc’. Họ mang nước đến cho người quản tiệc, ông ném nước đã hóa thành rượu. Ông không biết nguồn gốc của rượu đó, nhưng các đầy tớ mức nước thì biết. Người quản tiệc gọi tân lang đến và bảo, ‘Mọi người thết rượu ngon trước, khi khách đã ngà ngà mới thết rượu xoàng hơn. Còn anh, anh giữ rượu ngon cho đến bây giờ!’”.

Trình thuật này gây ngạc nhiên bởi tính giản dị của nó. Những lời của Đức Giêsu thật vắn gọn, cách mệnh lệnh, không có gì ma thuật: “Hãy đổ nước đầy các chum... bây giờ hãy múc...”. Tất cả chỉ có thế. Không có câu thần chú nào, không một lời tuyên bố khoa trương nào. Thậm chí ở đó có thể có một nụ cười nhẹ nhàng đi theo những lời này, những lời vốn không thiếu tính khôi hài, “Hãy đổ nước đầy các chum...”.

Tính giản dị và lạnh lùng bên ngoài này càng tác động sâu sắc hơn, bởi lẽ chúng đối lập mạnh mẽ với một lượng nước lớn đã hoá thành rượu. Một mặt, dè dặt hết sức trong lời nói; mặt khác, tràn đầy, hừng khởi, vượt quá trong ân huệ. Pascal viết, “... Người giàu giỏi nói về sự giàu có, vua chúa lạnh lùng nói về một món quà lớn mà ông ban tặng, và Thiên Chúa nói tốt về Thiên Chúa”. Sự rất mực ý tứ của Đức Giêsu ở đây nằm ở mức độ lớn lao của ân huệ Ngài muốn biểu lộ khi biến khối nước thành một thứ rượu ngây ngất và tràn trề. Khi Thiên Chúa tự hiện trong Con mình, Người không tự hiện nửa vời. Sự sống thần linh trào dâng thành những con sóng, không phò trương và cũng không giới hạn. Hoàn toàn đơn giản chỉ vì Thiên Chúa là Thiên Chúa.

Dấu chỉ nước hoá thành rượu dẫn chúng ta đi qua một tiệc cưới khiêm tốn làng quê để đến với sự biến đổi lớn lao cái thế giới mà Thiên Chúa muốn hoàn tất nơi Đức Giêsu. Điều được loan báo ở đây, chính là sự sinh hạ con người cho sự sống thần linh: đó là thông ban chính sự sống của Thiên Chúa cho nhân loại trong Con Chí Ái.

“Lạy tân lang vương giả,
Đấng được hứa ban
trong tiệc cưới Thập Giá,
Ngài đã đến
làm hỷ hoan con cái Thiên Chúa
và đã biến nước của chúng con
thành rượu” (D. Rimaud, CNPL).

Dấu chỉ cho thấy sự sống mới mà nó tiên báo không xuất hiện như một cái gì xa lạ, bị áp đặt cách nhân tạo trên thực tại của thế gian; đó không phải là một cái gì ngẫu nhiên thêm vào cuộc sáng tạo ban đầu, một cái gì xa xỉ tùy tiện và hời hợt. Đúng hơn, đó là một sự hoàn tất.

Tất cả được tìm thấy trong dấu chỉ này. Ở đây, cuộc sáng tạo buổi đầu được biểu trưng bởi nước, yếu tố đầu tiên của mọi sự sống. Các chum nước dành cho việc thanh tẩy gợi lên đời sống của Israel đầu tiên. Không gì bị bỏ sót. Tất cả được tiếp nhận, được biến đổi, nhằm hướng đến sự hoàn tất. “Qua việc dùng nước, X. Léon Dufour viết, Giao Ước được lập lại từ giai đoạn đầu, giai đoạn tạo dựng; qua những chum đá của thể chế Do Thái, thời của Israel đầu tiên được duy trì; qua rượu ngon, tính mới mẻ

của sự thông hiệp trọn vẹn của con người trong Thiên Chúa từ nay được trao ban với Đức Giêsu được đề nghị⁶’.

Vì thế, dấu chỉ đầu tiên Đức Giêsu hoàn tất đặt công trình sự sống của Ngài trong dòng chảy của hành vi tạo dựng. Khi mang sự sống thần linh đến cho con người, Đức Giêsu tiếp tục thực hiện công cuộc sáng thế. Trong sự sung mãn của mình, Ngài thực hiện ý định kiến tạo sự sống vốn là điều được nhắm đến trước tiên trong công trình tạo dựng. Ngôi Lời nhập thể cũng là Ngôi Lời sáng tạo. Ngôi Lời nối kết với “sự khởi đầu”, Ngài là “khởi đầu” ở trung tâm lịch sử. Sự sống thần linh Ngài mang tặng con người không xa lạ với hơi thở sự sống mà Ngài đã thổi cho con người khi tạo dựng nó theo hình ảnh Thiên Chúa. Sự sống này làm no thỏa lòng ước ao, nỗi khát khao sống luôn ở trong tâm hồn con người. Sự sống này làm thỏa lòng khát khao bằng cách dẫn đưa nó đến đích điểm cuối cùng của mình.

Với Gioan, chúng ta luôn “khởi đầu”, và càng đọc Tin Mừng Gioan, chúng ta càng tiến gần đến “sự khởi đầu”. Chúng ta sẽ đi qua “sự khởi đầu”. Vì nó không ở phía sau, trong quá khứ, nhưng ở phía trước và đã ở trong hiện tại. Nó ở đó, nơi sự sống được biểu lộ trong nguồn mạch và sung mãn của nó. Nó ở nơi mà Con Người xuất hiện, nơi vinh quang Thiên Chúa tràn ngập mọi con mắt xác phàm.

⁶ Cf. X. Léon-Dufour, *La vie de la Parole, le signe du Cana, études d'exégèse*, Desclée.

Chương 3

Cuộc Sinh Hạ Mới

(Ga 3, 1-12)

“Trong số những người Pharisêu, có một người tên là Nicôđêmo. Đó là một bậc vị vọng của người Do Thái, ông đến tìm gặp Đức Giêsu vào ban đêm...” (Ga 3, 1-2).

Nicôđêmo là một nhân vật, một người có uy thế trong xã hội Do Thái. Ngoài chức tiến sĩ luật, ông còn là một thành viên của Sanhêdrin, tòa án tối cao của Do Thái giáo. Với chức vị này, ngày kia, giữa những đồng sự, ông sẽ can thiệp để bênh vực Đức Giêsu bằng cách nhắc cho họ rằng, Lê Luật không cho phép phán xét một người khi chưa được nghe những lời biện hộ của người ấy (Ga 7, 50-51). Sau cái chết của Đức Giêsu, ông không ngần ngại mang dầu thơm đến xức xác Ngài (Ga 19, 39). Nhưng, khi lần đầu viếng thăm Thầy Giêsu, ông tỏ ra hết sức cẩn thận. Để không ai dòm ngó và khỏi bị liên lụy, ông đến tìm Đức Giêsu vào ban đêm.

Đêm tối bảo vệ sự vô danh, đồng thời cũng đem đến sự thanh thản. Những giờ phút lặng lẽ đủ dài khi những đài phun khoáng lấp cái im ắng bằng tiếng reo của nước. Không nhìn thấy, nhưng người ta có thể nghe chúng. Với bản năng, người đang khát đến gần nguồn suối được dẫn lối bởi những tiếng thì thầm. Có những điều chỉ

nghe được khi suối reo. Đó là đêm tối. Người ta nghĩ đến cái đêm của ánh lửa mà Blaise Pascal, trong suốt đêm đó, đã gặp được Thiên Chúa hằng sống của Thánh Kinh.

Nicôđêmo không chỉ đến vào ban đêm. Ông đến từ đêm, lộ ra từ đêm. Trong Tin Mừng Gioan, con người luôn có tương quan với bóng đêm. Con người được mời gọi đi từ đêm tối đến với ánh sáng. Lời mời gọi này lại ở ngay trong tâm hồn con người, tận chốn thâm sâu nhất của lòng khát khao. Con người chỉ thực sự tồn tại trong chuyển động vốn đem nó lại gần ánh sáng: ánh sáng sự sống. Bên ngoài chuyển động này, con người chỉ là một mảng đêm đen của thế giới. Con người chỉ tìm thấy mình trong chân lý chỉ bằng cách sinh ra trong ánh sáng. Đó là sự cao cả của nó. Nhưng đó cũng là một sự cao cả thâm trầm. Vì trong mọi khoảnh khắc, con người có thể để mình bị chộp lại bởi các thế lực của bóng tối. Như Giuđa, kẻ phản bội, chỉ được ánh sáng lói cuốn trong phút chốc; và cuối cùng, y quay lại với đêm tối. Gioan ghi nhận cách vắn gọn sự sa chìm vào đêm đen này, “Giuđa liền đi ra. Trời đã tối” (Ga 13, 30).

Như thế, Nicôđêmo đến từ đêm tối và vào ban đêm. Tuy nhiên, là tiến sĩ Luật, ông đầy kiến thức Thánh Kinh; là một vị thầy ở Israel, ông hiểu biết và là một thầy dạy. Thế nhưng, bất chấp mọi kiến thức của mình, Nicôđêmo vẫn là một con người khát khao. Trong ông, vẫn có một cơn khát chưa thoả. Ông chờ đợi Nước Thiên Chúa và mặc khải của Nước Người. Ông khát khao ánh sáng. Như thế, ông là một người canh thức, một kẻ trông chờ bình minh, một người chú tâm đến những dấu chỉ thời đại. Ông để điều ấy lộ ra trong cách ông tiếp cận Đức Giêsu, “Thưa

Thầy, ông nói, chúng tôi biết: Thầy là một vị tôn sư được Thiên Chúa sai đến. Quả vậy, chẳng ai làm được những dấu lạ Thầy làm nếu Thiên Chúa không ở cùng người ấy”.

Như thế, Nicôđê mô đã có ấn tượng mạnh mẽ trước những việc làm của Đức Giêsu ngang qua những phép lạ không chút hoài nghi của Ngài. Qua đó, ông còn thấy một điều gì đó vượt trội những hành vi cử chỉ rất huyền nhiệm mà cũng rất người. Ông đã thấy những dấu chỉ và những dấu chỉ này mời gọi ông. Ông còn muốn biết rõ hơn về Đức Giêsu, sứ điệp Ngài mang đến và về mặc khải của Thiên Chúa mà ông mong đợi và cảm nhận. Vì thế, ông đến chất vấn Vị Thầy.

Ngỏ lời chào Đức Giêsu như “một Vị Thầy đến từ Thiên Chúa”, Nicôđê mô tỏ ra sẵn sàng lắng nghe và đón nhận giáo huấn của Ngài. Nơi ông, khát khao hiểu biết này không thuần túy là một hiếu kỳ tri thức nhưng còn là một cuộc tìm kiếm thiêng liêng, một cuộc tìm kiếm chân lý làm cho sống và đến gần Nước Thiên Chúa, cuộc tìm kiếm ánh sáng và sự sống. Là một người hiểu biết, Nicôđê mô không bị đóng khung trong những kiến thức của mình; ông không nghĩ mình đã rành rọt đường đi lối về trên những nẻo đường dẫn đến Thiên Chúa. Ông tỏ ra là một con người cởi mở, khát khao đầy tràn ánh sáng và sống một sự sống sung mãn hơn. Chính ông, người thuộc về đêm, đến với Đức Giêsu như con người đến với ánh sáng.

Trình thuật của Gioan không mất thời giờ mô tả bối cảnh cuộc gặp gỡ. Trình thuật không cho chúng ta một chi tiết nào về nơi chốn cũng như các nhân vật có mặt. Mọi sự

được bao trùm bởi im ắng và bóng tối. Chỉ có những tiếng nói cất lên và đáp lại nhau trong đêm đen, những câu hỏi, những câu trả lời... cả những khoảnh khắc thỉnh lặng nữa... và thi thoảng, có “tiếng gió” (Ga 3, 8).

Trong cuộc tìm kiếm ánh sáng ấy, chúng ta được giới thiệu trực tiếp buổi gặp mặt. Nghe tiếng ông chào, Đức Giêsu không tỏ ra ngạc nhiên trước cuộc viếng thăm về đêm này. Ngài cũng không nghi ngờ chút nào về tính chân thực trong dáng vẻ của con người này. Ngài đoán trước và lượng giá sự chờ mong mà cung cách ứng xử của ông cho thấy. Ngài sẽ đáp ứng sự chờ mong đó nhưng theo một cách thức không ngờ trước, thậm chí đột ngột bằng cách đi thẳng vào trọng tâm vấn đề.

Với con người nóng lòng được thấy Nước Thiên Chúa này, Đức Giêsu trả lời, “Thật, tôi bảo thật ông, không ai có thể thấy Nước Thiên Chúa nếu không được sinh ra bởi ơn trên” (Ga 3, 3).

Hắn Nicôđê mô không mong đợi câu trả lời ấy. Đúng ra, ông hy vọng một lời giải thích về việc Nước Thiên Chúa đến, ông muốn biết điều đó trước hết. Đức Giêsu lại cắt phăng lộ trình hiểu biết của ông. Với Ngài, vấn đề không phải là biết mà là sinh ra; đó là sự sống, thông ban sự sống. Không ai có thể thấy Nước Thiên Chúa nếu không được sinh ra. Ở đây, cần được sinh ra để biết. Sinh lại và từ trên cao. Thuật ngữ Hy Lạp “anôthen” mang nghĩa kép này.

Người ta không đi từ đêm đen trần tục đến ánh sáng Nước Trời qua một tiến trình xét theo phương diện

hiểu biết. Cần có một cuộc sinh hạ mới, một sự thông truyền sự sống thần linh vốn chỉ có thể đến từ chính Thiên Chúa. Vài người nghĩ rằng, một ngày nào đó quá trình hiểu biết có thể bảo đảm cho con người cuộc sống tràn đầy và hạnh phúc, được giải thoát khỏi mọi sự dữ và - tại sao không? - khỏi chính sự chết! Một sự sống thần linh bao trùm tất cả. Đó không phải là khát vọng sâu xa của con người sao? Nhiều người ước mơ điều đó.

Rồi trong mơ, họ lại quên việc được sinh ra, và nghịch lý là họ sắp chết vì họ không được sinh ra cách thiết thực. Tại một trong những cuộc hội thảo của mình, tâm lý gia nổi tiếng, Jung, nói đến câu chuyện của một bé gái lạ lùng và bất hạnh; ông đã điều trị cho cô trong nhiều năm nhưng không thành công và cuối cùng, phải đầu hàng. Ông nói, ông không tìm thấy điều gì bất thường ở cô bé; cô bé không hề hấn gì. Theo ông, điều duy nhất cô bị ám ảnh là cô đang chết. Rồi Jung kết luận: “Cô bé đã không bao giờ được sinh ra thực sự, đó là vấn đề của cô”. Câu chuyện này không phải là câu chuyện của nhiều người sao? Họ đang chết bởi họ không bao giờ được sinh ra thực sự. Rimbaud bảo, “Thiếu vắng sự sống đích thực, chúng ta không ở trên đời”.

“Ông cần được sinh ra lần nữa bởi ơn trên...”. Ngôn ngữ lạ lẫm, khác thường. Nicôđêmo không hiểu. Ngạc nhiên và không hài lòng, con người danh vọng này dường như phải phản xạ tự vệ. Trước những lời gây hoang mang của Đức Giêsu, đối lại, ông viện dẫn một lý lẽ chất phác, “Một người đã già rồi làm sao có thể sinh ra được? Chẳng lẽ người đó có thể trở vào lòng mẹ lần thứ hai để sinh ra sao?”.

Suy nghĩ của Nicôđêmo quá chon chát đến nỗi có thể nói là vụng về. Tuy bề ngoài xem ra mộc mạc, nhưng những lời đó há không bộc lộ giấc mơ kín đáo của một con người đang sống thật đẹp những ngày đời của mình: hoài niệm tuổi thơ, những khởi đầu, những buổi sáng rạng rỡ huy hoàng? Bánh xe thời gian quay đều, nó không bao giờ trở lại điểm xuất phát; nó không trở về buổi ban đầu, trở về nguồn, về với sự sống vốn trào ra, đầy hứa hẹn. Suy nghĩ của Nicôđêmo che giấu một nỗi tuyệt vọng sâu xa, nỗi tuyệt vọng của một con người thấy đời mình đang xuống dốc, tàn dần, khi niềm khát khao được sống một cuộc sống tươi trẻ, hạnh phúc, hoàn hảo và vô tận lớn lên trong ông. Không gì trên đời có thể thoả mãn niềm khát khao này. Ai sẽ buộc con người vào cái cũi tận, vào cái đêm đen của sự chết? Và một hữu thể không vĩnh cửu thì có là gì? Ôi, làm sao một người cao niên lại có thể sinh lại lần nữa và thấy những ngày đời của mình nở hoa?

Để giải đáp thoả đáng, Đức Giêsu nhấn mạnh và nói rõ:

“Thật, tôi bảo thật ông:
Không ai có thể vào Nước Thiên Chúa
nếu không sinh ra bởi nước và Thần Khí.
Cái bởi xác thịt sinh ra là xác thịt;
cái bởi Thần Khí sinh ra là Thần Khí.
Ông đừng ngạc nhiên vì tôi đã nói:
các ông cần phải được sinh ra
một lần nữa bởi ơn trên” (Ga 3, 5-7).

Một cách quyết đoán, những lời của Đức Giêsu vang vọng cách lạ thường trong đôi tai của Nicôđêmo. Nói rằng, “sinh ra bởi nước và Thần Khí” nghĩa là gì? Gioan Tẩy Giả đã nói, “Tôi đây làm phép rửa trong nước... Nhưng Đấng đã sai tôi đi làm phép rửa trong nước đã bảo tôi, ‘Người thấy Thần Khí xuống và ngự trên ai, thì người đó chính là Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần’” (Ga 1, 26;1, 33). Thế mà ở đây, chính Đức Giêsu lại liên kết nước và Thánh Thần với việc được sinh ra bởi trên.

Nước là một yếu tố trước tiên của sự sống. Mọi sự sống bắt nguồn từ nước. Tiếp đến, tiêu biểu nhất, nước là biểu tượng của sự sống. Nhưng đó là một biểu tượng tối nghĩa. Hình ảnh đẹp nhất về nước, khi nước chỉ là nước, có thể vừa biểu thị sự sống, lẫn cái chết; vừa sự cần cỗi, lẫn sự màu mỡ. Nói đúng ra, nước có thể đón nhận tất cả những mơ ước của con người và chỉ có thế. Hình ảnh nước, một tấm gương đơn điệu của tâm hồn, cuối cùng thật cần cỗi. Một cách vô hiệu, Narcisse đã tìm cách hồi sinh tuổi thơ và làm cho mình bất tử. “Trong làn nước tang tóc, đó là những mảng da liên tiếp phải lột bỏ mà Narcisse đoán chừng”.

Và rồi gương vỡ, nước oà; nó trở nên biểu tượng cho bầu sữa mẹ. Nhưng biểu tượng này tự nó thật khó hiểu. Những nguồn nước hé mở vừa có thể nhận chìm, vừa có thể làm cho sống. Chúng ta có thể thấy điều đó trong Thánh Kinh: cũng một dòng nước mở ra cho người Israel con đường giải phóng lại nhấn chìm đạo quân Pharaô. Nước, hình ảnh của người mẹ cũng có thể dễ dàng trở thành biểu tượng của sự chết: nỗi nhớ dạ mẹ, tượng trưng cho niềm khát khao một đời sống vô thức, bình lặng,

ân dật, vô trách nhiệm; tắt một lời, trở lại giấc ngủ tự nhiên.

Để có thể làm cho sống, nên biểu tượng của việc sinh ra, nước phải được gió, hơi thở và thần khí lướt qua; nó cần hoà quyện và cuu mang. Với gió, thứ nước tưởng tượng hay ước mơ chỉ là nước cần cỗi mang mầm mống sự chết, vì nước đích thực phải là nước luôn làm cho sống. Cặp từ “nước và gió (hay hơi thở)” thuộc về biểu tượng chung. Cặp đôi từ ngữ này còn được gặp trong thơ ca và cả trong Thánh Kinh. Cũng thế, khởi đầu sách *Sáng Thế*, tác giả viết, “Thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước” (St 1, 2b). Trong sách *Xuất Hành*, nước và gió hợp lại, bảo đảm cho dân Chúa một con đường đưa đến tự do và sự sống, “Đức Chúa cho một cơn gió đông thổi mạnh suốt đêm, dôn biển lại, khiến biển hoá thành đất khô cạn. Nước rẽ ra và con cái Israel đi vào giữa lòng biển khô cạn, nước sừng sững như tường thành hai bên tả hữu” (Xh 14, 21b-22). Trong sách ngôn sứ *Êdêkien*, nước và khí hoà quyện nhau, nhưng lần này được nội tâm hóa, “Ta sẽ rảy nước thanh sạch trên các người... Ta sẽ đặt thần khí mới vào lòng các người... Thần trí của Ta, Ta sẽ đặt vào lòng các người...” (Ed 36, 25-27b).

Trong mọi trường hợp, sự hoà quyện giữa nước và khí (hay với thần khí) biểu trưng một sự đổi mới sâu xa, một cuộc sinh hạ hay một cuộc sáng tạo mới. Hình ảnh Thánh Kinh về “Thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước” đầu sách *Sáng Thế* dẫn vào cuộc tạo dựng. Cách tương tự, hình ảnh tiên báo về dòng nước thanh sạch và thần khí mới loan báo công cuộc tác tạo dân mới của Thiên Chúa, sản sinh một trái tim mới và một sự sống mới. Chính trong Tin Mừng của mình, Gioan kể lại, ở hồ

Bethesda tại Giêrusalem, những người bệnh chờ nước khuấy lên, vì sau khi được khuấy động và bắn tung toé bởi thiên thần của Thiên Chúa, nước trở thành một nguồn chữa lành và nguồn sống (Ga 5, 3-4).

Chính trong ánh sáng này mà kiêu nói “sinh ra bởi nước và Thánh Thần” của Gioan biểu lộ mọi ý nghĩa của nó. Sinh ra bởi trên, không có nghĩa là khước từ đời sống giác quan hay từ chối cơn sóng khát khao như một thuyết duy linh nào đó vốn coi thường xác thịt chủ trương. Đó không phải là trốn thoát trong một thế giới siêu cảm giác và từ bỏ khát vọng sống. Hoàn toàn ngược lại, chính với trái tim bằng thịt và những cội rễ sống động nơi con người mình mà chúng ta được mời gọi sinh ra trong sự sống thần linh. Việc sinh ra từ trên giả thiết phải có việc sinh hạ từ dưới; hữu thể đầu tiên của chúng ta, được tạo thành từ những xung năng, có cả khát khao và dục vọng.

Nhưng, Đức Giêsu bảo, “Cái gì bởi xác thịt mà sinh ra là xác thịt; cái gì bởi Thần Khí mà sinh ra là thần khí”. Vì vậy, để được sinh ra từ trên, phải có hơi thở ban sự sống của Thần Khí. Hơi thở này phải xuyên thấu tận mọi nguồn cội của khát khao, nâng cao và đổi mới con người toàn diện.

“Tình yêu của Người chính là Thánh Thần, Guillaume de Saint Thierry viết đang khi thưa chuyện với Chúa. Từ buổi đầu tạo dựng, Thánh Thần ở trên mặt nước, nghĩa là những thần khí làm biến động và biến đổi con cái loài người; thần khí được trao ban cho tất cả, thần khí lôi kéo mọi sự về phía mình: gọi hứng, khát khao, cách ly

những gì tai hại, ban phát điều hữu ích, nối kết Thiên Chúa với chúng ta và chúng ta với Thiên Chúa”.

Không ai có thể sinh ra trong sự sống của Thiên Chúa nếu người ấy không được chộp lấy và biến đổi bởi Thánh Thần. Nhưng, với một tiến sĩ Luật, mọi chuyện không đơn giản như thế. Vì thế, Đức Giêsu mời người đối thoại với mình thử nghe bài ca của gió:

“Gió muốn thổi đâu thì thổi;
ông nghe tiếng gió,
nhưng không biết
gió từ đâu đến và thổi đi đâu.
Ai bởi Thần Khí mà sinh ra
thì cũng vậy” (Ga 3, 8).

Nicôđê mô lắng nghe. Có lẽ lúc này đây, ông đang nhớ lại những lời của hiền triết Qohélet, “Gió thổi theo hướng nào, thai nhi hình thành trong dạ mẹ làm sao, bạn đâu có biết. Cũng vậy, bạn không sao biết được công trình của Thiên Chúa” (Gv 11, 5). Đó là lời mời gọi đừng tự coi mình như chủ nhân vận mệnh đời mình. Cứ để Thánh Thần thổi và trương rộng tối đa trước hơi thở của Thánh Thần như cánh buồm no gió giữa biển khơi. Nicôđê mô lắng nghe và lòng ông dần dần mở ra. Say sưa thanh khiết... giản dị khôn ngoan... và miên man hơn gió, Thần Khí đã tìm cách xâm chiếm con người ông.

Trong tập thơ của mình, *Thần Khí và Nước*, Paul Claudel giải thích tuyệt vời lời cầu nguyện im ắng của con người, trên đó, hơi thở của Thần Khí thoảng qua:

“Lạy Chúa, xin thương xót

những dòng nước khát khao này!
Lạy Chúa, Ngài thấy rõ
con không phải chỉ là khí mà là nước!
Xin hãy thương xót
những dòng nước này trong con
đang hao mòn vì khao khát!
Và thần khí là khát khao,
nhưng nước là điều con khao khát.
Ôi lạy Chúa,
Ngài đã cho con giây phút rạng ngời này
để con nhìn thấy⁷...”.

Trong Tin Mừng Gioan, có một câu rất nhỏ được áp dụng cho cuộc gặp gỡ này nhưng ý nghĩa nội tại của nó lại mang một trương độ lớn lao, “Trời đã tới... biển động vì gió thổi mạnh” (Ga 6, 17-18). Đêm ấy, biển cũng dậy sóng trong tâm hồn Nicôđê mô, biển bao la và sâu thẳm của niềm khát khao. Cả con người ông trương rộng như đôi cánh trước sức gió của Thánh Thần và chỉ còn một niềm khát khao duy nhất là sinh ra một lần nữa, sinh lại từ trên! Sinh ra trong sự viên mãn, sinh lại trong sự sống thần linh! Từ đó, không chỉ nhận biết, Nicôđê mô còn nhìn thấy Nước Thiên Chúa!

Vì thế, tự tâm hồn Nicôđê mô, nảy ra một câu hỏi đầy khát khao mà Đức Giêsu đang chờ đợi, “Làm sao những chuyện ấy có thể xảy ra được?” (Ga 3, 9).

Nhưng Đức Giêsu lại tỏ vẻ ngạc nhiên trước một câu hỏi như thế và trách Nicôđê mô thiếu hiểu biết, “Ông

⁷ P. Claudel, *Oeuvre poétique*, Gallimard, La Pléiade, p. 244.

là bậc thầy trong dân Israel mà lại không biết những chuyện ấy!”. Đang khi đưa ông về lại với kiến thức của Israel và trước khi trả lời, Đức Giêsu muốn khẳng định rõ ràng rằng, sứ điệp của Ngài về việc sinh ra từ trên, sinh ra lần nữa, đã được ghi trực tiếp xuyên suốt trong giáo huấn của các Ngôn Sứ. Hơi thở của Thần Khí liên kết với “dòng nước thanh sạch” đã được công bố cho Israel, điều đó nhằm biểu thị việc sinh ra một tâm hồn mới (xem Ed 36, 25-27a).

Đức Giêsu nhấn mạnh điểm này. Ngài đặt những gì mình đang nói vào dòng chảy của các chứng nhân. Quả thật, để làm chứng, Ngài cũng lên tiếng; Ngài nói điều Ngài biết, Ngài nói điều Ngài thấy. Chính trong vai trò chứng nhân này, Ngài mời gọi mọi người hãy tin những gì Ngài nói:

“Thật, tôi bảo thật ông:
Chúng tôi nói những điều chúng tôi biết,
chúng tôi làm chứng
về những điều chúng tôi đã thấy,
nhưng các ông
không nhận lời chứng của chúng tôi!
Nếu tôi nói với các ông
về những chuyện dưới đất
mà các ông còn không tin,
thì giả như tôi nói với các ông
về những chuyện trên trời,
làm sao các ông tin được?” (Ga 3, 11-12).

Ở đây, chúng ta đang dừng lại ở một điểm quan trọng của cuộc gặp gỡ. Lời khiển trách Đức Giêsu dành

cho Nicôđemô cũng dành cho toàn thể Israel. Thật vậy, ngang qua lời mời nghiêm túc đến với niềm tin qua chứng từ của Ngài, Ngài chuẩn bị Nicôđemô cho một mặc khải lớn lao mà Ngài sắp tỏ cho ông. Ngài muốn đánh thức sự chú ý của Nicôđemô và khuấy động niềm tin của ông, vì những gì Ngài sắp nói với ông, giờ đây, đã không bao giờ chạm được tới lòng người.

Chương 4

Cuộc Sinh Hạ Mới

(tiếp theo)

(Ga 3, 13-21)

Chúng ta đang bước vào chu kỳ thứ hai trong cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu với Nicôđêmo. Nói đúng ra, cuộc đối thoại đã kết thúc. Hãy bắt đầu với một lời độc thoại, trong đó, Vị Thầy mặc khải cho Nicôđêmo bí mật lớn lao của cuộc sinh hạ mới.

Đêm chùng xuống, im ắng mênh mang ngự trị. Đang khi lắng nghe Đức Giêsu, Nicôđêmo có thể nhớ lại điều được viết trong sách *Khôn Ngoan*:

“Khi vạn vật chìm sâu trong thinh lặng,
lúc đêm trường chùng như điêm canh ba,
thì từ trời cao thăm,
lời toàn năng của Người
đã rời bỏ ngôi báu
tựa người chiến sĩ can trường
xông vào giữa miền đất bị tru diệt,
mang theo bản án không thể huỷ của Người
như lưỡi gươm sắc bén” (Kn 18, 14-15).

Nhưng chính vào đêm mà bên Đức Giêsu, Nicôđê mô hít thở một nguồn lực tươi trẻ và vĩnh cửu cảm nhận mình được tái sinh, thì Lời đã không rời bỏ trời cao như “người chiến sĩ can trường”, như đêm ra khỏi Ai Cập đáng nhớ khi mọi con đầu lòng của nước này bị sát hại. Lời không đánh, cũng không giết. Lời đến với nhân loại qua gương mặt của một con người. Lời ở bên quý vị và đó chính là Lời ban sự sống. Lời mang theo sự tươi mới và hương thơm của bình minh sinh nở.

Và Lời đã nói gì? Những gì thiết yếu mà lý trí con người không nắm được; tuy nhiên, cũng là lời nói với tâm trí con người từ bên trong. Lời nói rằng:

“Không ai đã lên trời
ngoại trừ Con Người,
Đấng từ trời xuống” (Ga 3, 13).

“Không ai đã lên trời...”, “Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả” (Ga 1, 18). Không ai đã vượt qua ngưỡng cửa vinh quang của Người vì Người ngự trong “ánh sáng siêu phàm” (1Tm 6, 16). Tuy nhiên, tận bên trong, con người luôn có một niềm khát khao tuyệt đối, niềm khát khao sự sống và ánh sáng; không gì hữu hạn có thể làm nó thỏa mãn. Vậy con người là một “đam mê vô dụng” sao? Một hữu thể những hoài mong tiếp cận Thiên Chúa và nó đã thất bại?

Thế nhưng, nếu con người không thể tự mình vươn tới Thiên Chúa, thì Thiên Chúa, Người có thể đến với con người. Có “Đấng từ trời xuống”, đến từ Thiên Chúa, Đấng đó biết Thiên Chúa, có thể mặc khải Thiên Chúa. Vì sống

sự sống của Thiên Chúa, Đấng đó có thể làm cho con người được sinh ra trong sự sống thần linh bằng cách chia sẻ cho nó sự sung mãn của Ngài.

Ở đây, bí mật lớn lao được mạc khải: con người được sinh ra trong sự sống thần linh qua Đấng đã đến trong nhục thể chúng ta; Ngài đến từ sự sống ẩn giấu nơi cung lòng Chúa Cha, đến bằng việc Nhập thể của Con Thiên Chúa. Việc được sinh ra từ trên của chúng ta được nối kết với việc Thiên Chúa sinh ra trong kiếp người. Việc hạ mình làm người của Người Con khởi đầu việc nâng con người lên. Con đường của những đỉnh cao được mở ra cho nhân loại.

Như vậy thì giờ đây, đã có một sự thay đổi giữa Thiên Chúa và con người: từ nay, sự sống thần linh chạm tới tận bí mật sâu kín nhất của xác phàm; sự sống này đập trong một trái tim bằng thịt như tim chúng ta. Một trái tim biết đến xúc động, khát khao, đam mê, ý tưởng, tình yêu và hoạt động... Sự sống vĩnh cửu ở nơi cung lòng Chúa Cha từ ban đầu, này đây, đã trở nên sự sống phàm nhân, nói bằng ngôn ngữ phàm nhân, tỏ mình trong một hữu thể phàm nhân. Thư thứ nhất của thánh Gioan viết, “Điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi chạm đến, đó là Lời sự sống” (1Ga 1, 1-3).

Vì thế, việc sinh ra từ trên của chúng ta gắn liền với sự hiện hữu của Con Người. Vì trong Ngài, cuộc sinh hạ mới của nhân loại và việc nhân loại được nâng lên tận sự sống sung mãn đã hoàn tất. Từ đây, con người không phải tìm kiếm sự sống thần linh ở một thế giới vĩnh hằng và bất khả cập nào nữa vì sự sống được trao ban ngay giữa thế

gian, trong điều kiện của con người. Chính ở đây và lúc này, chúng ta được sinh ra trong chính sự sống của Thiên Chúa. Ở đây, câu nói của Schiller mang trọn ý nghĩa của nó, “Điều gì chúng ta không biết nắm bắt trong hiện tại, muôn đời sẽ không có nó”.

“Con Người”, đường Thiên Chúa đến với chúng ta cũng là lối, trên đó, chúng ta đến với Người. Sự sống của Người sẽ là một sự nâng cao, nâng chúng ta lên đến tất cả. Đức Giêsu để cho Nicôđêmo nghe rõ điều đó:

“Nhu ông Môisen
đã giương cao con rắn trong sa mạc,
Con Người cũng sẽ phải
được giương cao như vậy,
để ai tin vào Ngài,
thì được sống muôn đời” (Ga 3, 14-15).

Trong sa mạc, Môisen đã giương cao con rắn đồng trên đỉnh cột theo điều Thiên Chúa truyền dạy. Tất cả những ai ngược nhìn lên hình tượng này đều được chữa lành khỏi vết rắn cắn bồng và chết người. Đức Giêsu gọi lại sự kiện này ở đây khi trình bày nó như một hình ảnh báo trước việc được nâng cao của Ngài trên thập giá.

Theo Tin Mừng Gioan, toàn bộ cuộc sống của Đức Giêsu là một cuộc tiến lên vinh quang Thiên Chúa. Cuộc tiến lên này đạt tới chóp đỉnh trong cái chết và sự phục sinh của Ngài. Cuộc thương khó tự nó không được xem như một thất bại, như một sỉ nhục nhưng đó là sự nâng lên, tôn lên. Nói đúng hơn, cuộc thương khó là thời khắc cao điểm của việc nâng Con Người lên. Đó là “Giờ” mà

qua “giờ đó”, toàn bộ cuộc sống của Đức Giêsu hướng đến, “Giờ” của vinh quang Ngài.

Cho nên, chính lúc Đức Giêsu tắt thở, sự sống thần linh toả chiếu trong Ngài với vẻ huy hoàng rạng ngời nhất. Qua việc toàn hiến, Con Người tỏ lộ ánh quang rực rỡ sự sống của Thiên Chúa; Ngài tỏ lộ sự sống đó khi thông ban chính nó. Một cách thiết yếu, Ngài tỏ cho thấy sự sống đó là một Hồng Ân, một Quà Tặng, một Tình Yêu vô hạn. Vì trong quà tặng Con Người, chính Thiên Chúa tự mình trao ban:

Vâng, “Thiên Chúa yêu thế gian
đến nỗi đã ban Con Một,
để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết,
nhưng được sống muôn đời.
Quả vậy, Thiên Chúa sai Con của Người
đến thế gian,
không phải để lên án thế gian,
nhưng để thế gian nhờ Con của Người
mà được cứu độ” (Ga 3, 16-17).

Một khẳng định hàng đầu. Chúng ta đang ở đỉnh điểm của cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và Nicôđêmo. Ở nguồn cội mọi sự, có một Thiên Chúa yêu thương thế gian. Thiên Chúa và tình yêu của Người, Người chính là tình yêu, là thực tại sáng tạo và tuyệt đối. Tất cả đều phát xuất từ tình yêu đầu tiên này. Từ đó, nảy sinh việc sai Người Con đến thế gian; từ đó, phát xuất sứ vụ ban sự sống của Người. Không gì đi trước tình yêu này, không gì từ bên ngoài tác động tình yêu này. Tình yêu này không dựa trên một điều gì cả. Nó là nguồn mạch của chính

mình. Tuyệt đối đầu tiên và tuyệt đối cho không. “Ánh quang trình nguyên bên trên những cuộc khởi đầu⁸”.

Thiên Chúa, Đấng yêu thương thế gian, muốn thông ban cho con người sự sống riêng của Người; vì thế, sự sống sung mãn ấy được ban tặng cho thế gian trong Người Con duy nhất. Sự sống được tặng không và cho tất cả. Không một loại trừ nào, không một điều kiện tiên thiên nào, cũng không đòi phải có một công trình đáng giá nào vì sự sống này vượt trên những gì mà chúng ta gọi là đạo đức hay luân lý. Trước khi là một đòi hỏi, mời gọi, đó là một sự cho đi nguyên tuyền⁹.

Tuy nhiên, việc đón nhận hay từ chối sự sống đó thuộc về con người. Nó không áp đặt nhưng trao ban. Việc tự do đón nhận này có một cái tên: niềm tin. Đức tin tác động để tin vào Người Con được sai đến thế gian, mang cho nó sự sống thần linh. Để thông phần vào sự sống này, chỉ một việc mà thôi là tin vào Người Con duy nhất:

“Ai tin vào Con của Người,
thì không bị lên án;
Nhưng kẻ không tin thì bị lên án rồi,
Vì đã không tin vào danh
Con Một Thiên Chúa” (Ga 3, 18).

Niềm tin con người được mời gọi đến không phải là sự đeo bám mù quáng vào một chân lý ngoại tại vốn áp đặt cho chúng ta một cái gì đó nặng quỳên thế, giáo điều

⁸ Maurice Bellet, *Incipit ou le commencement*, p. 12, Desclée de Brouwer.

⁹ Cf. Maurice Bellet, *ibid.*, p.13

và hoàn toàn không thể kiểm soát. Tin vào Người Con duy nhất, là tin vào Thiên Chúa, Đấng yêu thương thế gian; là tin rằng, tình yêu này là thực tại đầu tiên và tuyệt đối. Đó là mở rộng chính mình trước tình yêu đó, đón nhận nó trong chính mình để nó thâm thấu và tạo hứng cho mình. Chính vì thế, tình yêu chứng tỏ năng lực sáng tạo và mang lại sự sống. Ai tin vào tình yêu ấy sẽ cảm nghiệm nó như nhựa sống của cuộc sống mình, như sự thôi thúc vốn đến từ chôn thâm sâu nhất của hữu thể mình và làm cho hữu thể đó lớn lên.

Quả thực, sự sống thần linh được ban tặng chúng ta trong Con Một không rơi xuống một mảnh đất lạ lẫm. Sự sống này gắn liền với chúng ta trong khát vọng sống sâu xa của mình. Tin vào tình yêu Thiên Chúa biểu lộ trong Con Một là mở lòng ra tự bên trong hầu đón nhận một thực tại siêu vượt, nhưng đó là thực tại đặt chúng ta trong chuyển động dẫn đến hữu thể đích thực của mình. Như vậy, trong tình yêu đầu tiên này, niềm tin cảm nhận được nối kết với việc khai mở bí mật của hữu thể chúng ta. Trong niềm tin vào tình yêu Thiên Chúa, việc sinh lại trong sự sống của Người song hành với việc chúng ta được sinh ra trong sự sung mãn nhân tính của mình. Công việc của mỗi người là chứng thực rằng, chân lý Đức Giêsu mặc khải cho tôi cũng là chân lý làm cho tôi sống cách dồi dào.

Ai tin thì mở rộng lòng cho Mặc Khải, một mặc khải vốn không chỉ biểu hiện trong ý nghĩa cuộc sống mà còn mang lại cho sự sống ý nghĩa toàn vẹn của nó. Ai không tin thì đóng kín lại trước ánh sáng này, vì người ấy thích bóng tối hơn; người ấy cho mình hiểu biết mọi ý

nghĩa và bảo thủ lý do hiện hữu của họ. Đó là “việc xấu xa” ở mức cao nhất; việc của Sự Dữ; con người ấy đã bị xét xử. Điều xét xử họ, chính là định hướng sống của đương sự:

“Và đây là bản án:
Ánh sáng đã đến thế gian,
nhưng người ta đã chuộng
bóng tối hơn ánh sáng,
vì các việc họ làm đều xấu xa.
Quả thật, ai làm điều ác thì ghét ánh sáng,
và không đến cùng ánh sáng,
để các việc họ làm khỏi bị chê trách.
Nhưng kẻ sống theo sự thật,
thì đến cùng ánh sáng,
để thiên hạ thấy rõ:
các việc của người ấy được thực hiện
trong Thiên Chúa” (Ga 3, 19-21).

Nhưng rồi trong tất cả những điều đó, Nicôđê mô đã đi đến đâu? Ở đây không còn câu hỏi nào nữa. Chúng ta cũng không rõ phản ứng cuối cùng của ông thế nào trước những công bố của Đức Giêsu. Rõ ràng mỗi quan tâm thực sự của cuộc gặp gỡ ấy vượt quá số phận đặc biệt của Nicôđê mô. Đó là cuộc gặp gỡ giữa con người vĩnh cửu với mầu nhiệm Giêsu, gặp gỡ giữa định mệnh con người với Đấng quyền năng vốn có thể làm cho chúng ta được sinh lại trong sự sống sung mãn.

Mọi sự được trình bày như thế đối với Gioan, cuộc gặp gỡ đặc biệt giữa Đức Giêsu và Nicôđê mô là một bàn đạp cho phép Gioan diễn tả cuộc gặp gỡ riêng của mình và

của mọi người với mặc khải Đức Giêsu mang đến. Rõ ràng, đó là những cuộc gặp gỡ với mầu nhiệm sự sống.

Từ ấn tượng này, chúng ta cảm nhận bản văn của Gioan. Dầu sứ điệp từ trời thật siêu việt, nhưng chúng ta vẫn không quên cuộc sống của cõi đất thấp. Chúng ta bước vào một nẻo đường, ở đó, sự sống vừa toả sáng vừa tỏ lộ sự sung mãn của mình. Đức Giêsu ở đó, trước mặt chúng ta, không phải trong cung cách giữ kẽ trang trọng; đúng hơn, cách “ngang hàng”. Chúng ta có thể tiếp cận Ngài. Mối liên kết được thiết lập giữa Ngài và chúng ta chính là sự sống: một nguồn sống tuôn chảy từ Ngài đến với chúng ta, trong đó, sự sống thần linh và sự sống con người tương ngộ; ánh sáng tinh tuyền của trời cao cùng nỗi khát khao cháy bỏng trần tục của đất thấp giao duyên.

Nicôđêmo lại ra đi, có lẽ trước lúc hừng đông, kín đáo như khi đến. Trầm mặc lại bao trùm trên ông. Với ông, sẽ không còn câu hỏi nào nữa trong Tin Mừng Gioan cho đến ngày ông tái xuất hiện để bào chữa cho vụ kiện Giêsu bên cạnh các đồng sự (Ga 7, 50-52). Sau đó, vào ngày thứ sáu tuần thánh, khi mọi sự sắp hoàn tất, Nicôđêmo sẽ đến, mang bình nhũ hương trộn lẫn lô hội khoảng 100 cân để tẩm liệm Đức Giêsu. Ngày hôm ấy, khi xem xác của người bị nhục hình được hạ xuống từ thập giá, chắc chắn ông sẽ nhớ lại lời của Thầy, “Như ông Môisen đã giương cao con rắn trong sa mạc, Con Người cũng sẽ phải được giương cao như vậy, để ai tin vào Ngài, thì được sống muôn đời” (Ga 3, 14-15).

Chương 5

Nước Hằng Sống

(Ga 4, 1-42)

Cuộc gặp gỡ giữa Nicôđê mô và Đức Giêsu xảy ra vào ban đêm, cuộc gặp gỡ giữa Ngài và người phụ nữ Samaria diễn ra giữa ban ngày. Nicôđê mô, một người vai vế trong xã hội Do Thái; phụ nữ Samaria, một người vô danh, xa lạ. Câu chuyện không ghi lại tên bà. Nicôđê mô muốn gặp Đức Giêsu; ông đã nghe nói về Ngài và ông đến ngay để gặp và chuyện trò với Ngài. Người phụ nữ Samaria thì trái lại, bà gặp Đức Giêsu và biết Ngài một cách hoàn toàn tình cờ.

Tác giả Tin Mừng đặt cuộc gặp gỡ ấy trong những bước đầu đời sống công khai của Đức Giêsu. Ngài muốn trở lại Giuđê từ Galilê. Để thực hiện điều đó, Ngài cần băng qua vùng Samaria, vùng trung gian giữa Giuđê ở phía nam và Galilê ở phía bắc.

Với người Do Thái, Samaria, một vùng nên tránh. Để đi từ nam lên bắc, họ thích trèo ngược trở lại thung lũng Giođan hơn. Vì thế, họ coi người Samaria như những kẻ ít có thể lui tới được. Trong mắt họ, những người Samaria là những người ly khai, lạc giáo và ly giáo. Như thế, người Samaria bị khai trừ ra khỏi cộng đồng Israel. Họ có nghi thức thờ phượng riêng, có đền thờ riêng trên

núi Garizim, một đền thờ đối nghịch với đền thờ Giêrusalem, trong đó, bên cạnh Thiên Chúa họ còn thờ các thần khác. Tóm lại, với người Do Thái, họ còn tội tệ hơn cả dân ngoại. Vì thế, cần tránh mọi quan hệ với hạng người đó.

Đức Giêsu, phân Ngài, lại quyết định cách khác. Với nhóm tông đồ của mình, Ngài băng qua vùng quê bị nguyên rủa bằng cách mượn con đường vốn không xa Sychar. Vùng này được chế ngự bởi ngọn núi Garizim, trên đó, mọc lên cái đền thờ đối nghịch.

Khoảng giờ thứ sáu (12 giờ trưa), đoàn lữ hành ít ỏi “đến một thành Samaria có tên là Sychar, gần vùng đất Giacóp cho con trai mình là Giuse, ở đó còn có giếng Giacóp”. Đức Giêsu thối mệt vì đi đường, bình dị ngồi bên giếng; các môn đệ đi vào thành mua chút thức ăn.

Giữa cái im ắng và cô tịch của vùng quê vào giờ ngọ này, không một sức sống nào khác ngoài ánh sáng. Thế mà ở đây, một phụ nữ trong vùng đến kín nước. Chúng ta không biết gì về người phụ nữ này, Gioan cũng không giới thiệu bà. Hoàn cảnh xã hội của bà thế nào? Tuổi tác, diện mạo của bà ra sao? Chỉ có hai điều được kể: đó là một phụ nữ Samaria và bà đến để kín nước. Thật ra, ở đây, chỉ hai điều này là hệ trọng.

Đức Giêsu, nghỉ bên giếng, lặng lẽ ngồi đó với sức nặng mệt mỏi của một con người. Chính từ khởi đầu của sức nặng nhập thể này mà cuộc gặp gỡ sẽ khơi mào. Ngài đang khát nhưng không có cái gì để múc nước. Thấy người phụ nữ tiên đến, Ngài xin bà, “Cho tôi uống với”.

Lời yêu cầu thật vắn gọn, hoàn toàn tự nhiên; vậy mà lại gợi lên ngạc nhiên nơi người phụ nữ. Quả thế, người phụ nữ này tức khắc nhận xét rằng, bà đang có chuyện với một người Do Thái, vì lẽ hoặc là về giọng nói, hoặc là về cách ăn mặc của con người xa lạ này. “Sao!, bà ta hô lên. Ông là người Do Thái và xin tôi, một phụ nữ Samaria, uống nước sao!”.

Nỗi ngạc nhiên và ý nghĩ của người phụ nữ này ném chúng ta vào cái nhiễu nhương của các mối tương quan giữa con người với con người cùng tất cả những xung đột nó mang theo. Bao nhiêu ẩn ý trong câu nói thốt ra của người phụ nữ! Ngoài quan hệ “nam nữ”, ở đây còn có quan hệ “Do Thái, ngoài Do Thái” cũng như quan hệ “tin và không tin”. Sự ngạc nhiên của người phụ nữ trước yêu cầu của Đức Giêsu cho thấy một khoảng cách thăm thẳm vốn phân cách hai con người; một vực ngăn ngày càng sâu bởi lịch sử, văn hóa và niềm tin. Hai con người thuộc hai dân tộc láng giềng, nhưng ghét cay ghét đắng lẫn nhau; hai dân tộc đối nghịch nhau như ngày với đêm. Không gì định trước cho Đức Giêsu và người phụ nữ Samaria có thể gặp nhau cách đích thực. Trong nhận định của người phụ nữ, người ta cảm nhận toàn bộ sức nặng sự miệt thị của tổ tiên mà những người Do Thái đổ trên những người Samaria, “Sao! Ông là người Do Thái mà lại dám xin tôi nước uống!”, như thể bà ta nói với Đức Giêsu, “Ông dám hạ mình đến thế sao! Ông không sợ ô uế sao?”.

Suy nghĩ của người phụ nữ đưa Đức Giêsu về lại bao góc gác nhân loại của Ngài. Nó cắm sâu Ngài trong một dân tộc, một nền văn hóa, một lịch sử với tất cả những gì biểu thị cách riêng biệt, giới hạn và cố chấp,

“Ông, ông là người Do Thái!”. Ở đây, chúng ta dừng lại ngay tâm điểm của cuộc gặp gỡ giữa con người với con người cùng mọi xung đột của nó.

Nhưng Đức Giêsu không đóng kín trong những phạm trù này. Không từ chối một điều gì thuộc bản sắc Do Thái của mình; lập tức, Ngài đặt mình cao hơn, ở một lãnh địa khác, lãnh địa sứ vụ, “Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa ban và ai là người đang nói với chị ‘cho tôi chút nước uống’ thì hẳn chị đã xin và người ấy đã ban cho chị nước hằng sống”.

Dù làm gì, ở đâu, Đức Giêsu vẫn không bao giờ đánh mất tầm nhìn sứ vụ Chúa Cha uỷ thác cho Ngài khi được sai đến trần gian. Trước hết, Ngài là sứ giả của ân huệ Thiên Chúa và ân huệ này là sự sống, sự sống sung mãn. Đó là nước hằng sống vốn chỉ có thể làm dịu cơn khát cháy bỏng của toàn thể hữu thể nhân loại: cơn khát sự sống đầy tràn, hạnh phúc và bền vững.

Ân huệ tuyệt hảo này được Đức Giêsu nói đến như một cái gì gắn liền với con người Ngài. Người ta không thể hiểu biết đích thực ân huệ này nếu cùng lúc không biết Ngài, “Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa ban và ai là người đang nói với chị ‘cho tôi chút nước’ thì hẳn chị đã xin và người ấy đã ban cho chị nước hằng sống”. Người phụ nữ Samaria tin rằng, chị đã nhận ra người lạ mặt bằng cách đặt người ấy trong dân tộc của y, “Ông là người Do Thái!”. Ngày đây, chị khám phá một người đàn ông không giai cấp, một nhà thơ hay một ngôn sứ, người mà bên bờ giếng, bắt đầu nói cho chị nghe về ân huệ của Thiên Chúa và về một thứ nước hằng sống mà Ngài đang giữ bí mật về nó.

Trong trường hợp ấy, Đức Giêsu đã đổi vai, vì trước đó không lâu, chính Ngài xin người phụ nữ đến mức nước chút nước để uống; vậy mà bây giờ, Ngài mời chị xin Ngài nguồn nước mang lại sự sống. Khi cho thấy tháp thoáng thứ nước hằng sống, Đức Giêsu không chỉ gọi lên tính hiếu kỳ nơi người phụ nữ, nhưng trước hết, Ngài muốn khơi dậy trong bà niềm khát khao sâu xa sự sống, một niềm khát khao ở ngay trong lòng mọi người.

Người phụ nữ Samaria lưu ý Đức Giêsu, Ngài không có gì để mức và giếng thì sâu, “Vậy ông lấy đâu ra nước hằng sống?”. Rõ ràng tính tò mò của bà bị kích thích bởi thứ nước này và bởi con người đang đứng trước mặt, “Chẳng lẽ ông lớn hơn tổ phụ chúng tôi là Giacóp, người đã cho chúng tôi giếng này và chính Người đã uống nước giếng này, cả con cháu và đàn gia súc của Người cũng vậy”. Qua đó, người phụ nữ Samaria không ít tự hào khi gọi lại cho gã Do Thái này biết rằng, bà cũng là hậu duệ của dòng dõi tổ phụ Giacóp.

“Vậy ông lấy đâu ra nước hằng sống?”. Câu hỏi này dẫn Đức Giêsu đến chỗ giải thích một thứ nước huyền nhiệm, “Ai uống nước này, sẽ lại khát. Còn ai uống nước tôi cho, sẽ không bao giờ khát nữa. Nước tôi cho sẽ trở thành nơi người ấy một mạch nước vọt lên, đem lại sự sống đời đời”.

Cách quyết đoán, Đức Giêsu dẫn người phụ nữ này đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Những lời đề xuất hết sức lạ thường của Ngài đưa người phụ nữ vào trong thế giới của những mộng mơ. Bà thích thú vì điều

đó. Rốt cuộc, bà được phép mơ mộng trong phút chốc, “Thưa ông, xin ông cho tôi thứ nước ấy, để tôi hết khát và khỏi đến đây lấy nước”. Thực tế và ước mơ hoà chung trong lời cầu xin này. Thực tế, đó là cuộc sống thường nhật với những công việc lặp đi lặp lại của bà, những bồn phận nhàm chán, đơn điệu khi sự hăm hở của cuộc sống tưởng chừng như dừng lại, đờ ra. Có thể còn tệ hơn cả cái chết, đó là việc khép mình trong những gì lặp đi lặp lại; chân trời hoàn toàn khép lại, khát khao nhường chỗ cho cam phận, cuộc sống trở nên máy móc. Ước mơ, chính là điều cảm một cuộc sống được giải thoát khỏi những đống hỗn tạp này, một đống hỗn tạp xoay quanh chính nó và sẽ nghiền nát chúng ta dần dần. Đó là việc tìm đến với sự mới mẻ, sáng tạo, vẻ đẹp và niềm vui; đến với một cuộc sống tự do, hạnh phúc, một cuộc sống sẽ không giảm xuống thành những lao dịch thường ngày. Chúng ta hiểu được lời cầu xin của người phụ nữ này, “Thưa ông, xin ông cho tôi thứ nước ấy, để tôi hết khát và khỏi đến đây lấy nước”.

Ngang qua lời cầu xin có thể vẫn còn rất vật chất ấy, một khát vọng sống sâu xa biểu lộ. Lời Đức Giêsu đã chạm đến khát vọng này nơi người phụ nữ. Nỗi khát khao có thể đang bị kìm hãm và che giấu bởi một tảng đá nặng trĩu; nhưng bất chấp tất cả, nó vẫn sống động, sẵn sàng vọt lên như dòng nước dưới chiếc đĩa thân của người đi tìm mạch. Đức Giêsu nhận ra niềm khát khao sự sống và hạnh phúc khôn nguôi lộ ra qua lời nài xin của người phụ nữ. Trong mắt Ngài, điều đó như một kẻ hở vừa hé ra trong cuộc đời bà. Từ đó, Ngài có thể trực tiếp nói chuyện với bà, không cần dựa vào những hình ảnh hay biểu tượng, “Chị hãy gọi chồng chị, rồi trở lại đây”. Trước lời

đó, người phụ nữ đáp, “Tôi không có chồng”. Đức Giêsu bảo, “Chị nói, ‘tôi không có chồng’ là phải, vì chị đã có năm đời chồng và người hiện đang sống với chị không phải là chồng chị; chị đã nói đúng”.

Mặc khai choáng ngợp. Người phụ nữ không ngờ tới. Con người xa lạ bà chưa bao giờ gặp này dường như biết bà tận căn. Làm sao ông ấy có thể biết hết những điều đó? Người ấy vừa gọi lên nơi bà thăm kịch đời mình. Cho đến lúc này, bà thấy vui vui khi nghe người đàn ông Do Thái này, người đã nói cho bà về một thứ nước kỳ diệu. Bà đã bông đùa, nhưng ở đây, bỗng dung toàn bộ tình cảm của bà bị vạch trần, lộ ra... với những giông tố, những vết thương lòng cũng như sa mạc hoang vu của nó. Ở đó, giếng sâu cuộc đời, giếng sâu của những cuộc tình liên tiếp, của những hy vọng đắng cay, những thất bại của bà được mở toang; giếng của niềm khát khao, nơi không còn rỉ ra một thứ nước làm cho vui sống; một cái giếng há hốc, trống rỗng hoàn toàn cạn kiệt như “mảnh đất hoang khô cằn không giọt nước”.

“Ông ấy nói với tôi mọi việc tôi đã làm”, người phụ nữ, sau đó, sẽ nói với những người đồng hương của mình như thế. Khi phơi bày cuộc đời giông bão của bà, Đức Giêsu không muốn trùm kín nó bằng sự tiếc xót; đúng hơn, Ngài làm cho bà cảm nhận rằng, dưới bề mặt phẳng phiu đời mình, tận nơi sâu thẳm tâm hồn bà, còn có một niềm khát khao cháy bỏng, nỗi khát khao hạnh phúc khôn nguôi, một tình yêu đích thực và sự thờ phượng. Một nỗi khát khao tuyệt đối vốn không mối tương quan nhân loại nào có thể kìm hãm lại cho đến ngày hôm đó, nỗi khát khao nguồn nước hằng sống. Người phụ nữ này đã tin vào

cuộc sống, tình yêu và hạnh phúc; bà chạy theo chúng. Bà đã yêu và tin rằng, mình được yêu. Bà đã hiến tặng cả thân xác lẫn tâm hồn. Mỗi lần như thế, cái còn lại chỉ là thất vọng đắng cay và vỡ mộng. Bảy giờ vẫn chỉ là những nhiệm vụ hằng ngày, những cử chỉ lặp đi lặp lại và cam chịu. Tất một lời, một cuộc sống không có niềm vui sống; và ít nữa, đó cũng là điều bà tin, vì vẫn có một khoảnh khắc vui thú nào đó. Nhưng lời của vị ngôn sứ này vừa đánh thức nơi bà niềm khát khao mãnh liệt một cuộc sống tràn đầy, hạnh phúc và một niềm vui thần linh.

Người phụ nữ vốn có năm tám chồng này nằm trong số những con người tôn thương mà trước tiên cho họ, Đức Giêsu được sai đến. Cái nhìn Ngài dành cho bà chỉ làm một với cái nhìn xót thương của Chúa Cha. Chỉ vì bà mà Đức Giêsu chọn con đường này, chính bà là người mà Ngài mong mỏi bên giếng Giacóp. Chính vì bà mà Ngài đã đến trần gian, để gặp, để mặc khải cho bà sự dịu hiền của Chúa Cha, để nói với bà rằng, bà cũng được Chúa Cha thương mến, từ đời đời; đồng thời, để đánh thức nơi bà niềm khát khao sự sống mà bí mật của nó ở nơi Ngài. Không chút khiển trách, nhưng từ chốn thăm thăm nhất của thất vọng và khát khao của bà, Ngài chỉ muốn nói kết con người ấy với cõi tâm cuộc sống của bà, để nói với bà rằng, “Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa!”.

Bảy giờ, mắt người phụ nữ dần mở ra. Với bà, đó vẫn chưa phải là ngày, nhưng đã là rạng sáng kín đáo của bình minh. Việc vén mở cuộc sống thâm sâu của bà bởi con người xa lạ này đã làm bà đảo lộn. Bà không còn nghĩ về nước bà đến kiếm tìm, bà quên đi việc ngày ngày phải đến đây. Trước người đàn ông hấp dẫn bằng xương bằng

thịt này, một người tưởng như biết bà từ lâu mà không xét đoán bà, bà cảm nhận những chiều kích sâu thẳm dâng lên trong tâm hồn mình như một niềm khát khao ánh sáng, một cơn khát vô biên. Khi những cội rễ tăm tối mò mẫm tìm ra một con đường dẫn đến ánh sáng, cuộc sinh hạ mới bắt đầu. Đó là giờ khi chính thân xác chấp cánh bay lên tận những chiều kích cao cả. Thế rồi người phụ nữ Samaria nói, “Thưa Ngài, tôi thấy Ngài thật là một ngôn sứ... Cha ông chúng tôi đã thờ phượng Thiên Chúa trên núi này; còn các ông lại bảo: Giêrusalem mới chính là nơi phải thờ phượng Thiên Chúa”.

Về phía người phụ nữ, bà có thể lãng tránh vấn đề hoặc tể nhị chuyển đề tài cuộc đối thoại về đời tư của mình ra khỏi chủ đề nóng bỏng... bởi chuyện chẳng liên quan gì đến người đàn ông ấy. Ngược lại, ở đây, người phụ nữ Samaria kín đáo bày tỏ tận đáy lòng chính con người mình: một con người khát khao thờ phượng đích thực và tình yêu tuyệt đối. Đây là nơi phải dành cho việc thờ phượng? Vấn đề ở đây rõ ràng là vấn đề thờ phượng đích thực, cả khi nó vẫn còn bị đặt sai chỗ vì quá chú trọng địa điểm. Nó có thể được trình bày chính xác hơn bằng một cách khác: Ở đâu và bằng cách nào con người được phép tiếp cận Đấng Đáng Tôn Thờ, gặp được Người và mở lòng ra đón nhận ánh sáng và sự sống của Người? Câu hỏi của người phụ nữ đã thổ lộ cơn khát Thiên Chúa hằng sống và chân thật. Một niềm khát khao sự sống và ánh sáng.

Đó chính là điều Đức Giêsu hiểu bà. Giờ đây, con đường đã được mở ra cho một cuộc đối thoại đích thực, một cuộc gặp gỡ đích thực. Ngài bảo người phụ nữ:

“Này chị, hãy tin tôi,
đã đến giờ các người
sẽ thờ phượng Chúa Cha
không phải trên núi này
hay tại Giêrusalem.
Các người thờ Đấng các người không biết;
còn chúng tôi thờ Đấng chúng tôi biết,
vì ơn cứu độ phát xuất từ dân Do Thái.
Nhưng giờ đã đến - và chính là lúc này đây -
giờ những người thờ phượng đích thực
sẽ thờ phượng Chúa Cha
trong thần khí và sự thật,
vì Chúa Cha tìm kiếm
những ai thờ phượng Người như thế.
Thiên Chúa là thần khí,
và những kẻ thờ phượng Người
phải thờ phượng
trong thần khí và sự thật” (Ga 4, 21-24).

Ở đây, chúng ta đang đứng trên một chóp đỉnh. Chúng ta hít lấy làn khí sự sống rạng ngời của các đỉnh cao. Luồng khí trong lành này đánh thức khát vọng, làm cho khát vọng lớn lên và cất tiếng hát thật thanh cao, thật mạnh mẽ đến nỗi bão tố trần gian cũng phải chùng xuống và im tiếng để lắng nghe. Những lời Đức Giêsu ngỏ với người phụ nữ Samaria thật mênh mông để không bao giờ một ai đó có thể hiểu hết. Chúng ta sẽ bị cám dỗ nói rằng, đứng bên người phụ nữ xa lạ này, một phụ nữ mà Israel loại trừ, Đức Giêsu bay bổng, Ngài thật trôi vọt.

Trong tác phẩm *Cuộc Đời Đức Giêsu*, Renan nhấn mạnh sự trỗi vượt này, ông viết, “Ngày mà Ngài công bố lời này, Đức Giêsu thực sự là Con Thiên Chúa. Lần đầu tiên Ngài nói một lời, trên lời đó, toà nhà tôn giáo vĩnh cửu toạ lạc. Ngài thiết lập một sự phượng thờ tinh tuyền, không ngày tháng, không tổ quốc, một sự phượng thờ mà những tâm hồn thức tỉnh sẽ thực hành cho đến cùng tận thời gian. Vào ngày ấy, tôn giáo của Ngài không chỉ là tôn giáo tốt lành của con người nhưng còn là tôn giáo tuyệt đối; và nếu các hành tinh khác có những cư dân được phú bẩm lý trí và luân lý, thì tôn giáo của họ có thể cũng không khác với tôn giáo mà Đức Giêsu đã công bố bên bờ giếng Giacóp”.

Sự trỗi vượt Renan mô tả sẽ cuốn hút những tâm hồn thanh cao. Thờ phượng trong thần khí và sự thật, một thờ phượng vượt trên mọi tính riêng biệt, vượt trên mọi rào cản lịch sử đã dựng nên; một thờ phượng vốn từ chối đóng khung Thiên Chúa trong một nơi, trong một quốc gia, một truyền thống hay trong một giáo điều. Một sự thờ phượng mà ở đó là đỉnh cao, nơi con người khám phá ra rằng, cái làm cho nó thành nơi thờ phượng đích thực chính là Thần Khí. Đỉnh cao ấy không cần phải được nhân loại tìm kiếm nơi này, nơi kia. “Ngọn đồi cảm hứng”, nơi Thần Khí thổi, chính là tâm hồn con người. Quả thực, những lời của Đức Giêsu về sự thờ phượng đích thực đủ để tạo ra, từ đó, một trong những tôn giáo mẫu mực nguyên tuyền nhất của tôn giáo Thần Khí.

Tuy nhiên, liệu bài giảng ấy có đề cập đủ thông điệp Đức Giêsu mang đến cho người phụ nữ Samaria không? Ở đây, đã hẳn có một sự trỗi vượt nhưng trỗi vượt

này không chỉ là điều Renan ca tụng. Đức Giêsu không tỏ mình chỉ như một tiên tri của đời sống nội tâm hay như sứ giả của một tôn giáo vĩnh cửu, hoàn toàn thiêng liêng, “không ngày tháng, không tổ quốc”. Ở đây còn có nhiều hơn thế.

Thiên Chúa của việc thờ phượng “trong thần khí và sự thật” Đức Giêsu nghĩ đến khác với Thiên Chúa của niềm tin nơi dân Ngài, Thiên Chúa của các tổ phụ, Thiên Chúa của Abraham, của Isaac, của Giacóp. Ngài công bố, “Chúng tôi, chúng tôi thờ Đấng chúng tôi biết, vì ơn cứu độ phát xuất từ dân Do Thái”. Qua đó, Ngài tỏ rõ rằng, từ đâu Ngài đang nói. Rõ ràng chính trong tư cách là người con đích thực của Israel mà Ngài suy nghĩ và bày tỏ, trong tư cách người thừa kế của các ngôn sứ. Tôn giáo của Đức Giêsu cắm rễ trong một lịch sử.

Như thế, khi khẳng định “Thiên Chúa là Thần Khí”, Đức Giêsu không đơn thuần công bố tính cách phi vật chất và vĩnh cửu của thần tính như bất kỳ một triết gia duy linh nào đó có thể công bố; đồng thời, khi huấn dụ con người thờ phượng trong thần khí và sự thật, Ngài cũng không xem thờ phượng chỉ là việc nhận biết Thiên Chúa trong tâm hồn hay trong lương tâm, độc lập với mọi quy chiếu lịch sử. Điều này sẽ đi trệch ra ngoài sứ điệp của Ngài nếu coi Đức Giêsu là ngôn sứ của Đấng Thiên Chúa vốn đã hiện hữu ở đó, nơi mọi người. Những Lời của Ngài mang một tầm vóc khác.

Cho nên, điều Đức Giêsu mặc khải cho người phụ nữ Samaria liên kết với biến cố sắp diễn ra ở đây và lúc này trong lịch sử nhân loại là, “Giờ đến, Ngài nói, và đó

chính là lúc này”. Cũng như mọi biến cố, biến cố này được ghi rõ ngày tháng, địa điểm; tuy nhiên, nó vượt trên mọi ranh giới và làm cho mọi ranh giới mở toang. Biến cố này liên quan đến toàn thể nhân loại, nâng cao toàn thể nhân loại và mở ra cho nhân loại một thời đại mới. Đúng hơn, biến cố này mở ra một kỷ nguyên mới trong tương quan giữa con người với Thiên Chúa, giữa con người với chính mình và với đồng loại. Nó vừa là một khởi đầu vừa là một hoàn tất.

Người phụ nữ Samaria nắm rõ đặc tính lịch sử đặc thù của việc thờ phượng trong thần khí và sự thật mà Đức Giêsu loan báo. Với bà, không nghi ngờ gì nữa: thờ phượng đích thực, gặp gỡ Thiên Chúa là gặp gỡ Thần Khí được nối kết với một biến cố; chính xác hơn, đạt tới một tình trạng cao hơn. Người phụ nữ nói, “Tôi biết Đấng Messia, gọi là Đức Kitô sẽ đến. Ngài sẽ loan báo cho chúng tôi mọi sự”. Thờ phượng trong thần khí và sự thật không gắn liền với một nơi chốn địa lý hay một đền thờ bằng đá, cũng không phải là một cái gì vượt thời gian nhưng được nối kết với việc đến của một con người sống động trong lịch sử chúng ta, với sự có mặt của “Đấng Messia, Đấng sẽ loan báo cho chúng tôi mọi sự”.

Đức Giêsu đã dẫn cuộc trò chuyện đến yếu tố quyết định này, ở đó, người phụ nữ Samaria bộc lộ sự chờ đợi của mình. Một sự chờ đợi lớn lao mà bà chia sẻ với dân tộc mình vốn đợi chờ Đấng Thiên Sai qua hàng thế kỷ. Một sự đợi chờ, qua đó, nỗi khát khao sâu xa của con người thể hiện: khát khao một sự sống ngập tràn ánh sáng và hạnh phúc, khát khao một niềm vui còn mãi.

“Ngài sẽ đến...”. Đức Giêsu nói với người phụ nữ, “Đấng ấy chính là tôi, người đang nói với chị đây”. Chúng ta có thể nghĩ rằng, đi trước lời công bố này là một khoảnh khắc im ắng, thời lượng của việc nhìn ngắm. Trước khi tỏ mình, Đức Giêsu đã nhìn người phụ nữ ấy như một mình Ngài biết nhìn các hữu thể. Một cái nhìn chứa đầy sự chú ý, một cái nhìn khiêm tốn từ đời đời vốn không dừng lại ở màu mắt, nhưng xuyên thấu con người toàn diện. Một cái nhìn như thế sẽ nói nhiều hơn mọi bài diễn văn. Đó là một cuộc gặp gỡ đích thực. Không còn nghi ngờ, lời tuyên bố của Đức Giêsu, theo bản văn của Gioan, chỉ là sự chuyển dịch cái nhìn sâu xa và trầm lắng này, ở đó, mọi điều đã được nói đến.

Không một dấu lạ diệu kỳ nào kèm theo lời của Đức Giêsu, cũng không một tỏ mình rạng rỡ nào đã gây ấn tượng hay tô điểm lời Ngài. Đó là một lời tuyên bố thật giản dị về cung cách của niềm tin. Ở đây, trời cao đánh mất mọi niềm kiêu hãnh, người được Thiên Chúa sai đến không có gì để trao ban hơn là hiện diện như một con người và trao ban lời nói của một con người. Thế nhưng, ngang qua sự hiện diện và lời này, một sự cận kề Thiên Chúa mới mẻ và diệu kỳ được công bố và mặc khải: một sự cận kề con người không thể đạt đến và không được trao ban cho đến lúc đó. Sự cận kề này khai mở một tương quan hoàn toàn mới mẻ giữa con người với Thiên Chúa tựa hồ một cuộc sinh hạ mới.

Thờ phượng trong thần khí và sự thật nối kết với sự cận kề gần gũi và cuộc sinh hạ mới. Thờ phượng trong thần khí và sự thật, như thế, là thờ phượng trong Thần Chân Lý mà Đức Giêsu đã lãnh nhận cách vô hạn, đồng

thời, có sứ vụ thông truyền cho mọi người. Thần Khí này đưa con người vào cuộc sống làm con của Đức Giêsu. Hẳn chúng ta đã nhận ra thần khí đó: những người thờ phượng đích thực thờ phượng *Chúa Cha*. Chính Thần Khí sự thật làm cho chúng ta nhận biết Chúa Cha như Đức Giêsu nhận biết Người; chính Thần Khí sự thật dạy chúng ta thưa lên “Abba, Cha ơi” như chỉ Con Một yêu dấu của Người thưa lên. Thần Khí sự thật dạy chúng ta điều đó bằng cách cho chúng ta được sinh ra trong sự sống làm con.

Thần Khí là nước hằng sống đã trở nên nguồn suối vọt lên sự sống vĩnh cửu trong tâm hồn những ai lãnh nhận nước đó: một nguồn suối thì thào “Abba, Cha ơi” rất đổi hỷ hoan trong niềm vui của con cái Thiên Chúa. Vì Thần Khí này là Thần Khí Người Con. Chỉ Người Con mới có thể trao tặng Thần Khí đó khi thông ban cho chúng ta sự sống riêng của Ngài.

Đó là sự mới mẻ lớn lao Đức Giêsu đến công bố. Đó là sự kiện trong đó, mỗi người có thể khám phá tương lai mình, một tương lai đặt dưới sự tuôn trào của Thần Khí. Ngày kia, Đức Giêsu sẽ công khai kêu lên, “Ai khát, hãy đến với tôi; ai tin vào tôi, hãy đến mà uống! Như Thánh Kinh đã nói: Từ lòng người sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống”. Gioan viết thêm, “Đức Giêsu muốn nói về Thần Khí mà những kẻ tin vào Ngài sẽ lãnh nhận. Thật thế, bấy giờ họ chưa nhận được Thần Khí, vì Đức Giêsu chưa được tôn vinh” (Ga 7, 37-39).

Người phụ nữ Samaria không đủ thời gian để kịp công khai phản ứng trước công bố về Đấng Thiên Sai của

Đức Giêsu. “Vừa lúc đó, các môn đệ trở về...”. Việc trở lại của những người đến sau ấy chấm dứt cuộc trò chuyện. “Người phụ nữ để vò nước lại, vào thành...”. Người phụ nữ Samaria đã không nói gì, nhưng đã để lại chiếc vò của bà. Cử chỉ này được Gioan ghi lại mang nhiều ý nghĩa. Đức Giêsu đã nói, “Ai uống nước tôi cho, sẽ không bao giờ khát nữa...”. Bị bỏ lại, chiếc vò nói lên, không bằng lời, niềm tin của người phụ nữ Samaria vào lời hứa của Đức Giêsu¹⁰.

Chiếc vò cũng cho thấy sự vội vã của người phụ nữ những nóng lòng loan báo cho người đồng hương Đấng đã tỏ mình cho bà là người được Thiên Chúa sai đến. Suối hằng sống đã vọt lên trong bà và suối đó chỉ chực đòi được toả lan. “Đến mà xem, bà nói, có một người đã nói với tôi tất cả những gì tôi đã làm. Ông ấy không phải là Đấng Kitô sao?”. Vì thế, những người Samaria ra khỏi thành và tìm về phía Đức Giêsu.

Giữa lúc đó, Vị Thầy gặp lại các môn đệ. Những người ấy, đến phiên họ, thấy Đức Giêsu chuyện trò với một phụ nữ, đã ngạc nhiên. Tuy thế, không ai trong họ dám hỏi, “Thầy cần gì?” hoặc “Thầy nói gì với chị ấy?”. Nhưng họ mời Ngài, “Thưa Thầy, xin mời Thầy dùng bữa”. Từ trong thành, họ đã mang về một cái gì đó để ăn. Nhưng, ngạc nhiên đến sững sờ khi Đức Giêsu đáp lại họ rằng, “Thầy phải dùng một thứ lương thực mà anh em không biết”. Các môn đệ mới hỏi nhau, “Đã có ai mang thức ăn đến cho Thầy rồi chăng?”.

¹⁰ Cf. X. Léon-Dufour, *Lecture de l'évangile selon Jean*, t. 1, p. 378, *op. cit.*

Bấy giờ, Đức Giêsu công bố với các môn đệ, “Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy và hoàn tất công trình của Người”. Khi nói điều ấy, Đức Giêsu dẫn các môn đệ đi vào sự thiết thân sâu sắc nhất trong khu vườn bí mật của Ngài; Ngài cho họ thoáng thấy màu nhiệm sự sống của Ngài. Điều nuôi dưỡng nội tâm và làm cho sống chính là sứ vụ Ngài đã lãnh nhận. Sứ vụ này chính là lý do của sự hiện hữu, của sự sống và “lương thực” của Ngài. Ý muốn của Đấng đã sai Ngài không chỉ là một mệnh lệnh cần phải thi hành, nhưng hơn thế nhiều. Đó là công trình của Chúa Cha. Công trình này chính là sự sống: một sự sống để thông ban. Sự sống này, Đức Giêsu đã lãnh nhận sung mãn từ Chúa Cha. Càng kết hợp với sự sống đó, đến lượt mình, Ngài càng thông ban nó. Được đón nhận như một quà tặng, công trình của Chúa Cha đã trở thành cuộc sống của Ngài. Ngày kia, Ngài sẽ nói, “Thật vậy, ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy và tin vào Người Con, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết” (6, 40). “Và tôi biết, mệnh lệnh của Người là sự sống đời đời” (12, 50).

Nhưng ở đây, từ việc kết hợp mật thiết với Chúa Cha và được nuôi dưỡng bởi Người, Đức Giêsu chất vấn các môn đệ của mình. Họ cũng được sai đi vì công trình của Chúa Cha được giao phó cho Đức Giêsu cũng đòi hỏi sự hợp tác của họ. Họ phải ý thức điều đó và bắt tay vào việc vì giờ gặt đến gần:

“Nào anh em chẳng nói:
còn bốn tháng nữa mới đến mùa gặt?
Nhưng này, Thầy bảo anh em:
Ngước mắt lên mà xem,

đồng lúa đã chín vàng
đang chờ ngày gặt hái!
Ai gặt thì lãnh tiền công
và thu hoa lợi để được sống muôn đời,
và như thế, cả người gieo lẫn kẻ gặt
đều hơn hở vui mừng.
Thật vậy, câu tục ngữ
“kẻ này gieo, người kia gặt”
quả là đúng!
Thầy sai anh em đi gặt
những gì chính anh em
đã không phải vất vả làm ra.
Người khác đã làm lụng vất vả;
còn anh em, anh em được vào hưởng
kết quả công lao của họ” (Ga 4, 35-38).

“Hãy nhìn xem! Đồng lúa đã chín vàng...”. Khi nói những điều ấy, Đức Giêsu chỉ cho các môn đệ thấy đám đồng những người Samaria đến để gặt và nghe Ngài: hoa quả đầu mùa và hình ảnh tất cả dân ngoại tuôn đến và nhận biết Đức Giêsu là “Đấng cứu độ trần gian” (Ga 4, 42).

Chương 6

Bánh Sự Sống

(Ga 6, 26-66)

Trong Tin Mừng Gioan, Đức Giêsu không chỉ gặp các cá nhân như Nicôđêmo hay người phụ nữ Samaria, Ngài còn gặp cả đám đông. Ngài cũng tỏ mình cho họ như Đấng mang sự sống cho trần gian, sự sống đích thực, sự sống sung mãn. Như thường lệ, Ngài khởi đi từ khát vọng sống tận thâm tâm con người; thậm chí Ngài còn gọi lên khát vọng đó bằng cách ban cho con người những khả năng ngoài mong đợi. Vì sự sống Ngài nói đến là một sự sống còn mãi, sự sống kéo con người ra khỏi phù du và làm cho nó dự phần vào niềm vui sống sự sống thần linh.

Bằng việc hoá bánh ra nhiều, Đức Giêsu nuôi dưỡng đám đông trong sa mạc. Phấn chấn trước phép lạ mang tính kinh tế này, dân chúng muốn tôn Ngài làm vua, Đức Giêsu lẩn tránh. Nhưng hôm sau, đám đông lại nối đuôi nhau tìm gặp Ngài trên một bờ hồ khác. Thấy những người này đến với mình, Đức Giêsu bảo, “Thật, tôi bảo thật các ông, các ông đi tìm tôi không phải vì các ông đã thấy dấu lạ, nhưng vì các ông đã được ăn bánh no nê. Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát nhưng để có lương thực thường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các

ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận” (Ga 6, 26-27).

Chúng ta xét thấy Lời Đức Giêsu nói ở đây và những gì Ngài nói với người phụ nữ Samaria có đôi nét tương tự về cách diễn thuyết cũng như lối biện chứng, nếu có thể nói như vậy. Với người phụ nữ đến kín nước, Đức Giêsu tỏ cho bà biết, Ngài có bí mật về nước hằng sống, loại nước không chỉ thoả cơn khát nhưng còn trở nên trong bà, người hưởng nước đó, một nguồn suối vọt lên sự sống đời đời. Như thế, Ngài đón trước khát vọng của người phụ nữ, làm cho nó lớn lên và đáp ứng nó trọn vẹn hơn cả chờ mong. Với đám đông, Ngài cũng hành động tương tự. Những người này đi tìm Ngài vì đã được ăn bánh thoả thuê, họ muốn thấy Ngài làm lại phép lạ ấy. Vì cơn đói tạm thời được thoả mãn lại nảy sinh, và với nó, là khát vọng. Khát vọng sống.

Nhưng sống là gì? Phải chăng con người bị buộc phải chỉ sống nhờ bánh? Đức Giêsu mời gọi những con người này nâng khát vọng sống của họ lên một chiều kích cao hơn. Bánh Ngài sẽ ban cho họ là dấu chỉ một lương thực bền bỉ hơn, bổ dưỡng hơn và đáng ao ước hơn: lương thực đời đời. Nếu Ngài hoá bánh ra nhiều, thì không nhằm mục đích để họ khoái chí thoả mãn chúng và dừng lại đó, nhưng để họ trở về một cơn đói khác, đồng thời mở rộng trương độ khát khao của mình.

Vì thế, Ngài yêu cầu họ làm việc “không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực thường tồn đem lại phúc trường sinh”. Công việc này là gì? Những người này biết công việc của một người lao động,

người gieo giống, người thợ gặt, chủ cối xay, người bán bánh... nhưng đó không phải là công việc Đức Giêsu nói đến. Có “một công việc khác”. Đó là công việc ước ao có được một niềm khát vọng. Khát vọng sống này không dừng lại ở một thoả mãn vật chất, dầu luôn chóng qua. Nó phải đi đến cùng tận, mở lòng ra trước sự sống sung mãn. Khát vọng này phải trở thành nỗi khát khao sự sống đời đời.

Thế rồi những người này hỏi Đức Giêsu, “Chúng tôi phải làm gì để thực hiện những việc Thiên Chúa muốn?”, “Việc của Thiên Chúa!”, thành ngữ này có ý nghĩa gì trong tâm trí của những con người đó? Đối với người Do Thái, ý muốn của Thiên Chúa trước hết là Lễ Luật, những gì liên quan đến Lễ Luật, những công việc thường được coi là hợp pháp. Thế mà Đức Giêsu đáp lại họ với một ý nghĩa bất ngờ. Ngài nói với họ, không phải về “những công việc” của Thiên Chúa, nhưng về “công việc của Thiên Chúa”. “Công việc của Thiên Chúa”, thì hoàn toàn khác với việc giữ điều này điều kia của Lễ Luật. Đó là dự định lớn lao của Ngài cho thế gian. Dự định này là sự sống và thông ban sự sống. Để hoàn tất dự định này, Thiên Chúa đã sai đến thế gian “Đấng mà Người đã đóng ấn”. Thế rồi, Đức Giêsu nói với đám đông, “Việc Thiên Chúa muốn các ông làm, là tin vào Đấng Người sai đến”. Tin, đây là hoạt động cao nhất của con người, qua đó, con người cộng tác vào công việc của Thiên Chúa và sinh ra trong sự sống thần linh.

“Công việc của Thiên Chúa”, mà toàn bộ công trình sáng tạo của Người hướng đến, là con người được sống. Sống bằng sự sống của chính Thiên Chúa. Sự sống

thần linh này là một quà tặng, quà tặng tuyệt hảo, một quà tặng chỉ có thể đón nhận trong niềm tin.

Nhưng dù siêu việt và cho không, quà tặng này không được trao cho con người như một cái gì thêm vào, có cũng được, không cũng được khiến con người có thể dễ dàng bỏ qua. Bởi chưng, khi tạo dựng con người, Thiên Chúa đã định cho nó tham dự vào sự sống riêng của Người trong Con yêu dấu, Người muốn con người đạt đến cùng đích này, vì niềm hạnh phúc này. Cho nên, chính trong hữu thể mình, con người đã có một động lực, một đà vươn tới vô cùng, một khả năng đón nhận vô biên được biểu lộ bằng một niềm khát khao, một khát vọng sống vốn không thể thoả mãn với những gì là hữu hạn; đó chỉ là những gì biến con người thành một hữu thể bị giày vò, bất an khi “công việc của Thiên Chúa” trong nó chưa hoàn tất.

Công việc này là sự sống và niềm vui sống. Không hề dập tắt khát vọng sống trong tâm hồn con người, công việc này nhen lên cho nó mọi ngọn lửa, giữ cho nó khỏi ngã quy, bỏ cuộc hay tan bay. Công việc này muốn làm cho con người nên vĩnh cửu bằng cách liên kết nó với chính sự sống của Thiên Chúa và với niềm vui của Người.

Từ mọi thời, con người ước mơ sự bất tử, nhất là vào thời đại hoàng kim khi con người sống lâu hơn, được giải thoát khỏi mọi sợ hãi và sự dữ vốn đè nặng cuộc sống của mình, một thứ thiên đàng trần gian. Nhưng đó không phải là sự sống vĩnh cửu Đức Giêsu nói đến, cũng không chỉ là một sự sống bên kia thế giới. Đó là một sự sống được trao ban hôm nay và ngay trong hiện tại, là sự thông

hiệp mật thiết với sự sống dâng tràn của Thiên Chúa, sự sống mà từ đó “Đấng được Chúa Cha sai đến bóc cháy”.

Điều kiện phải có để được dự phần vào sự sống này là mở lòng ra trong đức tin, một niềm tin trong đó, thể hiện nhiệt huyết của niềm khát khao. Nhưng những người đối đáp với Đức Giêsu vẫn giữ lập trường của họ, “Vậy chính ông, ông làm được dấu lạ nào cho chúng tôi thấy để tin ông? Ông sẽ làm gì đây?”. Họ nhận định với Ngài rằng, ông Môisen đã cho họ một dấu lạ ngợi về sứ vụ của ông, “Tổ tiên chúng tôi đã ăn manna trong sa mạc, như có lời chép: Người đã cho họ ăn bánh bởi trời”. Đức Giêsu cũng nuôi sống họ trong sa mạc bằng cách hoá bánh ra nhiều, nhưng họ không thấy dấu chỉ nào qua việc đó, họ chỉ dừng lại ở một loại thức ăn trần tục.

Hiểu được vấn đề khi nghe đề cập Môisen, Đức Giêsu vội xua tan sự hiểu lầm, “Thật, tôi bảo thật các ông, không phải ông Môisen đã cho các ông ăn bánh bởi trời, mà chính là Cha tôi cho các ông ăn bánh bởi trời, bánh đích thực, vì bánh Thiên Chúa ban là bánh từ trời xuống, bánh đem lại sự sống cho thế gian”.

Trước những lời này, đám đông phản ứng giống hệt người phụ nữ Samaria khi Đức Giêsu nói với bà về nước hằng sống. Người phụ nữ đã lập tức kêu lên, “Xin cho tôi thứ nước ấy...”; tương tự, những người này, nóng lòng được ăn bánh từ trời, hô lên: “Thưa Ngài, xin cho chúng tôi được mãi ăn thứ bánh ấy”.

Bấy giờ, Đức Giêsu bảo họ, “Chính tôi là bánh trường sinh. Ai đến với tôi, không hề phải đói; ai tin vào

tôi, chẳng khát bao giờ...”. Nhưng Ngài nói thêm, “Các ông đã thấy tôi mà không tin!”. Việc thiếu niềm tin này dẫn Ngài đến chỗ xác định rõ sứ vụ của mình. Sứ vụ này, trước hết, là công trình của Chúa Cha mà chính Ngài đang toàn tâm toàn ý cộng tác:

“Tất cả những người
Chúa Cha ban cho tôi
đều sẽ đến với tôi,
và ai đến với tôi,
tôi sẽ không loại ra ngoài,
vì tôi tự trời mà xuống,
không phải để làm theo ý tôi,
nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi.
Mà ý của Đấng đã sai tôi
là tất cả những kẻ người đã ban cho tôi,
tôi sẽ không để mất một ai,
nhưng sẽ cho họ sống lại,
trong ngày sau hết.
Thật vậy, ý của Cha tôi
là tất cả những ai thấy người Con,
và tin vào người Con,
thì được sống muôn đời,
và tôi sẽ cho họ sống lại
trong ngày sau hết” (Ga 6, 37-40).

Như thế, ở đây, Đức Giêsu tỏ mình một cách rõ ràng như Đấng Chúa Cha gửi đến để thông ban cho con người sự sống thần linh: một sự sống vĩnh cửu mà chính thân xác sẽ được liên kết nhờ sự phục sinh của nó vào ngày sau hết. Ý của Chúa Cha, là con người được sống, và sống toàn diện nhờ sự sống thần linh. Ý muốn này được

khẳng định ở đây một cách mạnh mẽ. Đó là sứ vụ Đức Giêsu phải hoàn tất, Ngài được sai đến vì sứ vụ này.

Tất cả những gì Đức Giêsu nói ở đây là một lời mời gọi hãy tin vào sứ vụ và con người Ngài như một năng lực của sự sống và sự phục sinh. Nói cho đúng, những lời này chỉ thể hiện trọn vẹn ý nghĩa của chúng trong ánh sáng Phục Sinh, trong sự rạng ngời của khuôn mặt đã huỷ diệt sự chết. Gioan viết Tin Mừng của mình trong ánh sáng phục sinh này, ánh sáng cho phép trình bày Đức Giêsu như Đấng Chúa Cha uỷ thác chính năng lực sống và phục sinh của Ngài, “Chúa Cha làm cho kẻ chết chỗi dậy và ban cho họ sự sống thế nào, thì người Con cũng ban sự sống cho ai tùy ý” (Ga 5, 21). Đây, “Như Chúa Cha có sự sống nơi mình thế nào, thì cũng ban cho người Con được có sự sống nơi mình như vậy” (Ga 5, 26).

Thính giả của Đức Giêsu không thể hiểu một loại ngôn ngữ như thế. Một quan hệ trực tiếp, duy nhất giữa Ngài và Đấng mà Ngài gọi là Cha đã hoàn toàn vượt quá tâm trí họ. Từ đó, họ bắt đầu xâm xì, “Ông này chẳng phải là ông Giêsu, con ông Giuse đó sao? Cha mẹ ông, chúng ta đều biết cả, sao bây giờ ông ta lại nói: Tôi từ trời xuống?”.

Họ xin Ngài một dấu. Ngài sẽ cho họ một dấu, dấu họ mong đợi. Nhưng trước đó, Ngài đã long trọng khẳng định rằng, không ai có thể đến với Ngài, tin vào Ngài nếu người đó không được Chúa Cha lôi kéo:

“Các ông đừng có xâm xì với nhau!
Chẳng ai đến với tôi được,

nếu Chúa Cha, là Đấng đã sai tôi,
không lôi kéo người ấy,
và tôi, tôi sẽ cho người ấy
sống lại trong ngày sau hết.
Xưa có lời chép trong sách các ngôn sứ:
Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ.
Và phàm ai nghe
và đón nhận giáo huấn của Chúa Cha
thì sẽ đến với tôi...” (Ga 6, 43-45).

“Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ”.
Chúng ta sẽ ghi nhận chiều kích phổ quát của huấn từ này. Đã có một mặc khải từ ban đầu ở trong mọi người. Được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, được định liệu cho một cuộc sống thần linh, mọi người có thể nghe trong từng nhịp tim của mình, trong sự trống rỗng của khát vọng sống một lời mời gọi sâu xa thúc đẩy con người sống tràn đầy. Con người phải lắng nghe niềm khát khao sự sống này. Chính nhờ niềm khát khao này, khát khao sống một cuộc sống không tổn thương bởi bất cứ gì, không hoen ỉ bởi thời gian, không vô vị bởi tháng ngày... mà Chúa Cha lôi kéo con người. Không ai có thể đến với Đức Giêsu, nếu người ấy không được thôi thúc bên trong bởi niềm đam mê sống một cuộc sống tràn đầy trong niềm thông hiệp với chính nguồn mạch sự sống.

Như vậy, diễn từ khá dài của Đức Giêsu về bánh hằng sống sẽ không được đọc với quan điểm coi khinh thể xác, hay như thể đó là một lời mời gọi chúng ta hãy tránh xa những gì thuộc về xác thịt để thoả thuê với một thứ lương thực từ trời xa lạ và hoàn toàn ở bên ngoài mình. Bởi lẽ, điều đó sẽ dẫn đến việc quên bằng tính hiện thực

của việc nhập thể mà Gioan rất nhấn mạnh trong lời tựa của mình, ngài viết, “Ngôi Lời đã trở nên người phàm”. Việc nhập thể của Con Thiên Chúa thực hiện đến mức mang lấy phận người cho đến tận cùng gốc rễ xác thịt. Khi mặc lấy xác phàm, Ngôi Lời vĩnh cửu đã kết ước với nhiệt huyết của sự sống, tính hăng nhiệt của niềm khát khao. Từ đó “chính Đấng siêu nhiên mang lấy xác phàm”, theo lời của Péguy. Siêu nhiên và xác phàm từ nay không thể phân ly, cái này không thể tồn tại nếu không có cái kia:

“Cây ân sủng đâm rễ sâu,
đâm xuống đất và chạm đến đáy...” (Péguy, Ève).

Khát vọng của con người, khát vọng sống sâu xa của nó là nơi gặp gỡ của siêu phàm và xác phàm, của hơi thở Thần Khí và nhiệt huyết sống. Không gì trần tục và xác thịt hơn khát vọng sống này; nhưng cũng không gì siêu nhiên hơn khả năng mở ra đón nhận cảm hứng từ trên cao, mở ra cho sự sống thần linh đích thực.

Vì thế, diễn từ bánh hằng sống của Đức Giêsu chỉ mang đủ ý nghĩa và sức mạnh của nó trong ánh sáng nhập thể này. Phải đặt diễn từ ấy trong mối quan hệ với khát vọng xác thịt lớn lao trong tâm hồn con người, trong mối quan hệ với khát vọng sống sâu xa, với cuộc đấu tranh cho một cuộc sống tốt hơn và xứng đáng hơn của nó.

Dĩ nhiên, không dễ gì con người tự sức lắng nghe dòng thác sự sống đang gầm lên trong mình để khám phá Chúa Cha. Đức Giêsu đã nói rõ điều đó. Như các ngôn sứ, Ngài khẳng định, “Tất cả mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ”, nhưng ngay sau đó, Ngài nói thêm:

“Không phải là
đã có ai thấy Chúa Cha đâu,
nhưng chỉ có Đấng
từ nơi Thiên Chúa mà đến,
chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha.
Thật, tôi bảo thật các ông,
Ai tin thì được sự sống đời đời” (Ga 6, 46-47).

Chỉ có niềm tin vào Đấng Chúa Cha sai đến mới mở được tâm hồn con người trước quà tặng sự sống thần linh. Sau những lời giải thích này, Đức Giêsu có thể khẳng định lại một cách uy quyền:

“Tôi là bánh trường sinh.
Tổ tiên các ông đã ăn manna trong sa mạc
nhưng đã chết.
Còn bánh này là bánh từ trời xuống,
để ai ăn thì khỏi phải chết.
Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống,
ai ăn bánh này sẽ được sống muôn đời.
Và bánh tôi sẽ ban tặng,
chính là thịt tôi đây,
để cho thế gian được sống” (Ga 6, 48-51).

“Thịt tôi (trao nộp) cho thế gian được sống”: đó là máu chỉ, máu chỉ đích thực duy nhất, một máu chỉ ngang tầm với sứ vụ của Ngài. Sự sống bị giao nộp, sự sống được trao ban, không còn máu chỉ nào khác. Khi hiến dâng mạng sống mình và không giữ lại gì hết, Đức Giêsu mặc khải cho thế gian quà tặng của Thiên Chúa. Cuộc sống nhân loại trao ban hoàn toàn của Ngài trở nên máu chỉ sự sống thần linh thông ban cho con người. Trong quà tặng

hữu hình của xác thể Ngài có quà tặng vô hình của sự sống thần linh, một sự sống được biểu thị và thực hiện. Xác thịt được trao ban của Ngài sẽ là nguồn mạch từ đó, đời sống thần linh sẽ vọt ra cho thế gian với một sức mạnh yêu thương mà không gì có thể ngăn cản.

Cho đến đây, trong diễn từ của Đức Giêsu, chỉ còn vắn đề bánh từ trời, điều này khá phù hợp với lời nuôi sống của Thiên Chúa. Nhưng ở đây, thành ngữ “thịt tôi đây để cho thế gian được sống” nói đến một chiều kích mới mẻ khiến tâm trí người nghe phải xáo động. Giờ đây, diễn từ của Đức Giêsu đụng phải một bức tường của sự không thể hiểu, Gioan viết, “Người Do Thái liền tranh luận sôi nổi với nhau. Họ nói, “Làm sao ông này lại có thể cho chúng ta ăn thịt ông được?”.

Thế nhưng, không tìm cách xua tan sự khó chịu, Đức Giêsu còn đi xa hơn và mạnh mẽ xác quyết:

“Thật, tôi bảo thật các ông:
nếu các ông không ăn thịt
và uống máu Con Người,
các ông không có sự sống nơi mình.
Ai ăn thịt và uống máu tôi,
thì được sống muôn đời,
và tôi sẽ cho người ấy sống lại
vào ngày sau hết.
Vì thịt tôi thật là của ăn,
và máu tôi thật là của uống...” (Ga 6, 53-55).

“Ăn thịt tôi”, “uống máu tôi” là những thành ngữ mạnh. Chúng gây ấn tượng không chỉ bởi mới mẻ, nhưng

còn bởi sự hiện thực của chúng. Chúng gọi lên một động thái vật chất nhất, thể lý nhất. Với những đầu óc chưa được chuẩn bị, cách nào đó chúng vừa chướng tai lại vừa khiêu khích. Càng nhấn mạnh, Đức Giêsu càng bị cảm dỗ nói như thể Ngài nghi ngại một kiểu giải nghĩa loại suy nào đó về những lời của mình; đến nỗi từ đó, nhiều người trong các môn đệ đi đến chỗ thốt lên, “Lời này chướng tai quá! Ai mà nghe nổi?”.

Và phải đợi đến hồi kết của cuộc chuyện trò, khi rồi rắm tạm lắng xuống, Đức Giêsu mới nói, “Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt nào có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống”.

Vậy thì đâu là ý nghĩa của những thành ngữ “ăn thịt tôi”, “uống máu tôi”? Không chút nghi ngờ, khi sử dụng chúng, Đức Giêsu muốn nói lên một điều gì đó thật mạnh mẽ. Chúng gọi lên một niềm thông hiệp mật thiết nhất. Không chỉ là sự thông hiệp của trật tự tri thức như thông hiệp có thể có giữa một môn đệ và tư tưởng của thầy mình, nhưng là thông hiệp của một trật tự sống. Những lời này không chỉ là “thần khí”, nhưng còn là “sự sống”. Chúng biểu lộ việc tham dự vào cùng một sự sống, chính xác hơn, vào sự sống được trao ban trong của ăn: Con người sống là con người được làm cho sống động hoàn toàn nhờ Đấng ban sự sống, Đức Kitô. Ở đây, thông hiệp đến nỗi tạo ra một tính cách nội tại hỗ tương, “Ai ăn thịt tôi và uống máu tôi thì ở lại trong tôi và tôi ở lại trong người đó”. Để diễn tả chiều sâu hiệp thông sống động này, Đức Giêsu không ngần ngại so sánh nó với sự hiệp thông tồn tại giữa Chúa Cha và Ngài, “Như Chúa Cha là Đấng hằng sống đã sai tôi, và tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào,

thì kẻ ăn tôi cũng sẽ sống nhờ tôi mà được sống như vậy” (Ga 6, 57).

Để hiểu rõ những thành ngữ “ăn thịt tôi”, “uống máu tôi”, cần phải lắng nghe chúng dưới ánh sáng lời công bố của Đức Giêsu về cái chết của Ngài. Trong khi gọi lên “thịt trao nộp cho thế gian được sống”, Đức Giêsu không chỉ công bố cái chết của mình, nhưng còn khẳng định chính ý nghĩa Ngài muốn mặc cho nó. Cái chết của Ngài, Ngài không chịu đựng nó như một sự kiện ập xuống bản thân từ bên ngoài. Ngài sẽ trải nghiệm nó không như một số phận đơn thuần, nhưng như một mẫu nhiệm: một sự sống hiến dâng. Như vậy, “ăn thịt tôi”, “uống máu tôi” là đón nhận trong niềm tin chính sự sống được trao ban dưới dấu chỉ thịt bị nộp và máu đổ ra. Đó là mở lòng đón nhận một đấng sống, một năng lực không giữ lại cho mình; và trong sự chết, tạo nên sức mạnh phục sinh. Đó chính là đi vào mẫu nhiệm sự chết và sự sống.

Thực ra, toàn bộ diễn từ là một lời mời gọi hãy tin; hơn thế nữa, hiệp thông với nguồn lực sống đang chiếu sáng con người Đức Giêsu qua cái chết và sự phục sinh của Ngài. Cách tuyệt vời, đó là một diễn từ phục sinh. “Đức Giêsu thúc giục thánh giả của mình tin vào Con Người, Đấng đã hiến thân ngang qua sự chết để họ được sống. Bản văn đạt đến cao trào trong lời khẳng định rằng, hoa trái của niềm tin này - sự sống đời đời - là nơi sống chung của Người Con và những kẻ tin”.

Cộng đoàn Kitô hữu có thể thấy lời công bố về Thánh Thể của Đức Giêsu trong phần hai của diễn từ (Ga 6, 53-57). Dưới hình bánh rượu, Bí Tích Mình và Máu Đức Kitô xuất hiện như một “nơi” ưu tiên thực hiện mẫu

nhiệm sự sống, một mẫu nhiệm được Đức Giêsu dành trọn cả diễn từ để nói đến. Việc thông hiệp với bí tích này vì thế, đưa người tín hữu đến chỗ chiếm hữu sự sống được trao ban.

Tuy nhiên, việc đọc bản văn này theo nghĩa bí tích không nên làm lu mờ ý nghĩa linh hứng ban đầu. Linh hứng ban đầu thật căn bản. Nó vượt quá ý nghĩa đặc thù thánh thể; từ đó, cho thấy sức bật mạnh mẽ của một sự sống vốn qua chính cái chết, đạt tới con người, nắm lấy con người toàn diện từ những cội rễ sống động của nó; đồng thời, mở lòng nó đón nhận sự sống thần linh sung mãn. Với những môn đệ dị ứng trước lời của Thầy mình, Ngài tuyên bố, “Điều đó làm cho anh em khó chịu sao? Vậy khi anh em thấy Con Người lên nơi đã ở trước đây thì sao?”.

Toàn bộ Tin Mừng Gioan là một lời mời gọi mãnh liệt hãy sống và sống dồi dào. Chính bên trong lời mời này, diễn từ bánh sự sống mang trọn ý nghĩa của nó.

Ít người sống đúng và sống tràn đầy, thậm chí phần lớn không dám sống như thế, dẫu ai ai cũng mang trong mình ngọn lửa sự sống. Mà sống hăng nhiệt nhiệm mẫu này đôi lúc toả chiếu trong sự tuôn trào cuộn cuộn của khát khao. Ở những lúc nào đó, mọi người cảm thấy những cơn sóng mãnh liệt của sự sống dâng lên trong mình, nhưng phải cẩn thận dừng lại bên bờ, với cả lý trí; vì lao xuống sẽ là đánh mất chính mình, bị cuốn trôi bởi những cơn sóng dồn dập của đam mê. Một số người liều lĩnh phóng vào vực thẳm, nơi tâm trí không còn nhận ra phương hướng của chính mình. Dục vọng xâm chiếm họ

và biến họ trở nên những quái vật: những quái vật của lạc thú hay những quái vật của quyền lực vốn sẽ không lùi lại trước tội lỗi.

Với đại đa số, con người xem ra mạnh mẽ khi phản xạ để tự vệ hơn là khi đứng trước những quan ngại luân lý. Người ta tìm cách làm dịu nỗi truân chuyên của cuộc sống để không đánh mất quyền làm chủ nó; người ta chọn lấy một cuộc sống ngăn nắp, lễ lối; người ta hài lòng với những ước muốn của con, những lý thú vụn vặt; người ta xây dựng cho mình một cuộc sống không mấy hăng nhiệt cũng chẳng có lấy một đam mê lớn lao... Một cuộc sống dần tàn vốn sẽ không bao giờ chấp cánh bay cao. Biết bao người héo khô và chết đi vì cô độc, bởi lẽ họ thiếu khả năng hiệp thông thực sự với sự sống sung mãn.

Thế mà, điều Đức Giêsu mang đến cho con người chính là sự sống sung mãn, một sự sung mãn mà chính mọi thế lực tối tăm của dục vọng và khát khao tìm thấy con đường dẫn đến ánh sáng thần linh, một sự sung mãn nơi những ai liều mất chính mình hoàn toàn sẽ gặp lại bản thân.

“Ai thực sự sống đời nội tâm, họ sống vận mệnh mình như một mẫu nhiệm” (Stefan Zweig). Người sống vận mệnh mình như một mẫu nhiệm là người nhận ra từ cuộc sống ấy một ý nghĩa sâu xa hơn mọi biến cố tác động bên ngoài, là người vượt quá mọi điều tốt xấu xảy đến cho mình để thấy như thể đang có một bàn tay vô hình hướng dẫn, điều khiển vận mệnh họ.

Sống vận mệnh của mình như một màu nhiệm không phải là mù quáng phó mặc cho thế giới tiềm ẩn của các dục vọng hay đánh mất chính mình trong con lốc điên khùng của các đam mê, đó cũng không phải là cầm mình bằng cách giữ một khoảng cách trước suối nguồn sự sống. Vì:

“Sẽ không thực sự là mình
khi chúng ta bùng bít,
chỉ có ánh sáng
đang phủ lấy toàn thể con người chúng ta
mới tỏ lộ thần trí cho máu huyết
và máu huyết cho thần trí” (S. Zweig).

Thật là khó hiểu, thậm chí không thể hiểu. Ai có thể cho chúng ta sống vận mệnh mình như một màu nhiệm nếu người đó không nắm được vận mệnh xác thể máu huyết của chúng ta hoặc người ấy đã sống chính vận mệnh đó và rồi, biến nó thành màu nhiệm sự sống bằng cách trao nộp chính mình? Đó chính là Đấng, ngang qua thịt trao nộp và máu đổ ra của Ngài, mời gọi chúng ta tìm lại vận mệnh được biến đổi của mình vốn cũng hoàn toàn trở nên màu nhiệm sự sống. Cần lưu ý, Đức Giêsu không chỉ nói với chúng ta, “Hãy nuôi sống mình bằng lời và thần trí của tôi”, nhưng Ngài còn nói, “Ai ăn thịt tôi và uống máu tôi thì ở lại trong tôi và tôi ở trong người ấy”.

Trong thư gửi tín hữu Galát, thánh Phaolô viết, “Hiện nay tôi sống trong xác phàm là sống trong niềm tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi” (Gl 2, 20). Ai sống một niềm tin như thế sẽ được nuôi sống thực sự bởi sự sống chịu trao nộp này; và này,

không phải người đó sống nhưng Đức Kitô sống trong họ; người đó sống vận mệnh mình như một mẫu nhiệm. Người đó mở lòng đón nhận một sự sống vốn vượt trên chính mình; đồng thời sự sống đó ban tặng chính Ngài cho họ cách sung mãn, bởi lẽ năng lực để người ấy được yêu mến và năng lực để người ấy tồn tại chỉ là một. Bấy giờ, không gì có thể đánh mất sức mạnh của chúng, vì những sức mạnh dục vọng và ham muốn được chạm đến bởi ánh sáng của một tình yêu như thế sẽ được ôm lấy và chính chúng lại trở nên những nguồn lực ánh sáng. Để diễn tả sự biến đổi này, chỉ có một từ: Phục Sinh.

Ở đây, chúng ta thấy rất rõ diễn từ bánh hằng sống không thể tách khỏi lời tựa, “Và Ngôi Lời đã mặc lấy xác phàm”. Một câu ngắn ngủi lại mang một ý nghĩa vô biên. Hiếm khi chỉ một vài lời lại có thể nói lên biết bao điều như thế. Ngôi Lời vĩnh cửu sống trong cung lòng Thiên Chúa, ở đây, đã trở nên thịt và máu. Qua thịt trao nộp và máu đổ ra, Lời vĩnh cửu tỏ mình cho con người như “Ngôi Lời hằng sống”.

Ngày nay, vì quá quen thuộc với câu nói nhỏ nhoi này, “Ngôi Lời mặc lấy xác phàm”, đến nỗi chúng ta không còn ước định chiều sâu và sức mạnh đổi mới của nó. Chúng ta không còn lưu tâm đến sự biến đổi tận căn mà nó vận hành trong việc tiếp cận chân lý. Để có được một ý tưởng về sự biến chuyển mà lời này gợi lên trong tâm trí, chẳng hạn phải đọc lại điều mà Justin đã viết ở thế kỷ thứ hai về thời đại chúng ta trong tác phẩm *Đối thoại với Tryphon* của ông. Là một triết gia ngoại giáo, đồ đệ của Platon, Justin đi tìm chân lý với nhiệt huyết của lý trí. Ông đi tìm chân lý không phải trong những tương giao

của con người và những thăng trầm của lịch sử. Ông cho rằng, mình đã tìm thấy chân lý bên kia những bóng đêm của thế giới cảm giác, trong bầu trời trinh nguyên của những ý tưởng vĩnh cửu. Chắc chắn ở đó, như người thầy Platon linh thiêng dạy ông, Ngôi Lời, Lời thần linh chiếu sáng trong mọi tia sáng của chân lý. Chỉ có thần trí được giải thoát khỏi mọi lây nhiễm của thế giới này mới có thể nắm bắt và chiêm ngắm Ngôi Lời trong vẻ đẹp bất biến của nó.

Thế mà ở đây, Justin khám phá Ngôi Lời Thiên Chúa đã nói qua các tiên tri rằng, chính Ngài đã đi vào lịch sử của chúng ta, Ngài đã mang lấy xác phàm và tự mặc khải là “Ngôi Lời sự sống” qua cái chết và sự phục sinh của Ngài. Từ đó, chân lý của Ngôi Lời không còn phải được tìm kiếm hay chiêm ngắm ở bên kia thế giới cảm quan, nhưng chính trong bóng đêm trần tục, nơi Ngài giáng thế: trong lòng lịch sử nhân loại. Ở đó, Ngôi Lời tỏ mình trong thịt trao nộp và máu đổ ra của Con Người. Ngài tỏ mình như Nguồn Sống Sung Mãn: không phải một sự sống cầm lại cho mình bằng cách giữ cho mình khỏi chết; nhưng ngược lại, một sự sống tự khẳng định, mạnh mẽ và vĩ đại trong chính mình như một quà tặng.

Chương 7

Ánh Sáng Sự Sống

(Ga 9, 1-41)

Trình thuật về việc chữa lành người mù từ thuở mới sinh hẳn là một trong những trình thuật sống động nhất của toàn bộ Tin Mừng thánh Gioan. Ở đây chẳng có những bài giảng lớn, nhưng thay vào đó là một hành động đậm nét, sôi nổi và phong phú tột bậc. Trong đó, Gioan nêu lên những chi tiết mạnh mẽ nơi Đấng ban sự sống, cũng là Đấng mà trình thuật nói đến như vị cứu tinh đích thực. Người đọc sẽ có ấn tượng thực sự khi theo dõi diễn biến sự việc.

Trong trình thuật này, dẫu có mặt trong toàn bộ câu chuyện, Đức Giêsu lại chỉ trực tiếp can thiệp cảnh đầu và hồi cuối. Khoảng thời gian ở giữa, anh mù chiếm lĩnh mặt tiền sân khấu và ở đó, anh thủ vai chính, một vai diễn vượt quá khả năng của anh: chứng nhân ưu tuyển của Ánh Sáng đã đến trong thế gian. Vì trong sự kiện này, có một điều gì đó lớn lao hơn nhiều so với việc chữa lành đơn thuần. Đó là thảm kịch của lịch sử nhân loại vốn được gọi lên ở đây: đón nhận hay khước từ Ánh Sáng.

Không gì tiên liệu để anh mù này đảm nhận một vai diễn như thế. “Khi đi ngang qua, bản văn thuật lại, Đức Giêsu thấy một anh mù từ thuở mới sinh”. Thực ra,

anh đã ngồi ăn xin bên vệ đường như chúng ta biết. Đường như anh không xin Đức Giêsu chữa lành. Anh ở đó, chịu giam hãm trong một đêm đen hai mắt, đêm đen của chúng mù loà và đêm đen, đen hơn nữa của tiếng tăm người ta gán cho anh. Thật vậy, với người đàn ông này, điều nghiệt ngã nhất không phải là không thấy, nhưng là cảm nhận cái nhìn của người khác đè nặng trên mình: một cái nhìn ác ý, khinh thị, một cái nhìn nguyên rủa vốn biến sự mù loà của anh thành một nỗi tủi hổ khác. Trước mắt người đời, nếu anh bị mù từ thuở mới sinh, hẳn là vì anh hay cha mẹ anh đã phạm tội. Tật nguyên của anh chỉ có thể là sự trừng phạt từ trời. Đó là lương bổng của tội lỗi.

Việc giải thích mang tính thần học về những bệnh hoạn tật nguyên hay bất hạnh nói chung đều có nguồn gốc xa xôi, chúng ta đã thấy nó trong sách Gióp. Gióp, tôi trung của Thiên Chúa, bị đè nặng bởi sự dữ, bị người thân và bạn bè bằng mọi giá lên án khi họ nghĩ rằng, ông đã phạm một lỗi lầm nghiêm trọng nào đó để rồi gánh lấy một sự trừng phạt như thế.

Các môn đệ của Đức Giêsu cũng đồng quan điểm, đây cũng là cái nhìn của nhiều người đương thời. Họ khơi dậy quan điểm đó khi hỏi, “Thưa Thầy, ai đã phạm tội, anh hay cha mẹ anh, khiến anh phải mù loà từ lúc mới sinh như thế?”. Đây cũng là thành kiến của những Biệt Phái; họ sẽ đưa ra phán xét cuối cùng của mình khi người mù được chữa lành nói lời bào chữa cho Đức Giêsu trước mặt họ, họ bảo anh, “Từ khi sinh ra, mày đã phạm tội và mày dạy chúng ta sao!”, rồi họ trục xuất anh ra ngoài.

Ngay trước khi chữa lành người mù, chính Đức Giêsu đã vội điều chỉnh phán đoán của các môn đệ, “Không phải anh ta cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội”, Ngài bảo họ. Vị Thầy khước từ thẳng thừng lối giải thích thần học này, một lối giải thích khi cho rằng bệnh tật tùy thuộc vào lỗi phạm luân lý; cùng lúc, lối giải thích này đồng hoá người bệnh, người tàn tật với người tội lỗi. Khi tuyên bố anh mù vô tội, Đức Giêsu cởi bỏ tính cách đáng xấu hổ vì bệnh tật của anh; Ngài trả lại cho anh phẩm giá và làm vọt ra từ tâm hồn anh một luồng sáng rạng đông.

Ngoài ra, chứng mù loà của anh, không hề là bóng đêm của tội lỗi, sẽ trở thành dấu chỉ của một sự tuyển chọn. Nếu anh bị tước đoạt ánh sáng, như Đức Giêsu nói, “đó là để những công trình của Thiên Chúa được biểu lộ trong anh”. “Công trình của Thiên Chúa”, đó là sự sống, sự sống vốn là ánh sáng. Quả là một sự đảo ngược! Chính con người hoàn toàn tối tăm này lại được mời gọi phản ánh sáng động vinh quang Thiên Chúa, trở nên chứng nhân của Ánh Sáng đến trong thế gian. Làm sao anh không cảm nhận chính anh được giải thoát bởi một niềm hy vọng lớn lao? Và làm sao anh không khát khao được nhìn thấy con người lạ lùng đã gieo ánh sáng vào tận đáy lòng mình cả trước khi đặt ánh quang vào đôi mắt anh?

Gioan không nói gì với chúng ta về những cảm xúc đang khuấy động tâm hồn người mù vào thời khắc quyết định này. Gioan dành tất cả sự chú ý của mình vào ý nghĩa cử chỉ Đức Giêsu sắp hoàn thành. Gioan đặt vào môi miệng của Vị Thầy những lời vốn mặc cho sự kiện toàn bộ chiều kích của nó:

“Khi còn là ban ngày, tôi phải hoàn tất các công trình của Đấng đã sai tôi, đêm đến khi không ai có thể làm việc. Khi tôi còn ở trên đời này, thì tôi là ánh sáng thế gian”.

Một lời tuyên bố long trọng, giàu ý nghĩa. Dẫn vào hành động của Đức Giêsu, lời tuyên bố này thực sự biến hành động thành dấu chỉ của toàn bộ công trình mà vì đó, Ngài đã đến và hoàn tất. Ngài được sai đến thế gian để mang cho thế gian ánh sáng. “Ngày” được nói ở đây là luồng ánh sáng Ngài để lại trên cuộc vượt qua của Ngài. Ngài là “ánh sáng thế gian”. Sự sống thần linh Ngài có sứ vụ mạc khải và thông ban chính là ánh sáng. Sự sống đó là “ánh sáng cho nhân loại”, “ánh sáng thật chiếu soi mọi người qua việc Ngài đã đến trong thế gian”. Nhưng ở đây, đêm cũng sẽ đến và Ngài biết “ngày” của Ngài đã được tính; vì thế, Ngài phải hoàn tất nhanh chóng sứ vụ của mình.

Vậy, hãy bắt đầu với chỉ trình thuật việc chữa lành, “Sau khi nói điều đó, Ngài nhổ xuống đất, trộn bùn với nước miếng và bôi vào mắt người mù...”. Sau lời tuyên bố long trọng đó, người ta hơi ngạc nhiên trước cái hiện thực tầm thường trong hành động của Ngài. Tại sao lại là bùn sẽ được bôi trên đôi mắt vốn đã không nhìn thấy như thể bắt đầu bằng cách làm cho nó tăm tối hơn? Người ta muốn bỏ qua thật nhanh cử chỉ mà với chúng ta dường như rất cổ lỗ. Thế nhưng, Gioan lại thường xuyên đề cập nó trong trình thuật của ông (9, 11; 9, 14; 9, 15). Sự kiện

này cho thấy cách đầy đủ tầm quan trọng mà tác giả muốn nhấn gửi.

Cổ lỗ? Đúng, hành động này hẳn là cổ lỗ. Nhưng với nguyên nghĩa của thuật ngữ, sự cổ lỗ ở đây đưng đến một cái gì khởi đầu, ở lúc đầu. Tin Mừng Gioan được đặt toàn bộ dưới dấu hiệu của sự khởi đầu, “Lúc khởi đầu...”, Gioan viết ở lời tựa. Khi cúi xuống đất để trộn bùn với nước miếng, Đức Giêsu làm lại cử chỉ của những khởi đầu vĩ đại, cử chỉ của Đấng Tạo Hoá, một hình ảnh lấy từ sách Khởi Nguyên, “Thiên Chúa lấy bùn đất nặn ra con người...” (St 2, 7). Đức Giêsu tiếp tục tra tay sáng tạo con người khởi từ bùn đất ban đầu; Ngài tái tạo con người bằng cách ban lại cho nó định mệnh ban đầu: dẫn con người đi vào ánh sáng thần linh.

Thật cảm động khi chúng ta thấy Đức Giêsu làm lại hành vi của Ngôi Lời sáng tạo ở trọng tâm lịch sử nhân loại bằng cách mang con người đến sự viên mãn của nó. Vì “vinh quang Thiên Chúa là con người sống; sự sống của con người, là hưởng kiến Thiên Chúa” (Irênê).

Cùng lúc đó, bằng cử chỉ này, Đức Giêsu mặc cho hành động của mình một chiều kích phổ quát; Ngài nói kết vũ trụ vật chất với việc sinh ra con người trong ánh sáng thần linh. Con người như thể một lần nữa được ném vào nguồn cội bụi đất. Với Ngài, chính mọi tạo vật được nhen nhóm ánh sáng. Trong Đức Giêsu, thực sự Ngôi Lời sáng tạo đang hoạt động và ban lại cho vũ trụ cái hăm hở ban đầu của nó, “Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành và không có Ngài, không gì được tạo thành. Điều đã được tạo

thành ở nơi Ngài là sự sống và sự sống là ánh sáng cho nhân loại...” (1, 3-4).

Và ở đó, đúng là cả con người toàn diện, thân xác và linh hồn được mời gọi đến với ánh sáng, như P. Claudel trong bài thơ *Thánh Thần và Nước* diễn tả mạnh mẽ và vui tươi:

“Ước gì,
ta không còn u tối hoàn toàn nữa!...
Hỡi mặt trời, mặt trời đang ở trong ta,
cuối cùng, hãy bước ra!
Hỡi nguồn lực ánh sáng của người,
Ước gì ta thấy người
không chỉ bằng đôi mắt,
nhưng với cả toàn bộ
xác thể và chất thể của ta,
với những gì ta có,
rực rỡ và huy hoàng nhất!”.

Đó là toàn thể con người sống động đang kêu gào ánh sáng. Chính những cội rễ xác thịt của chúng ta khát khao ánh sáng. Chúng muốn sống sung mãn.

Sự sống! Vâng, chính sự sống đang được Đức Giêsu đề cập ở đây. Sau khi bôi bùn lên mắt người mù, Đức Giêsu bảo anh đi rửa mắt, “Anh hãy đến hồ Siloac mà rửa”, Ngài bảo anh. Sau đó là nước. Từ nước vọt ra sự sống. Sự sống là ánh sáng. “Vậy anh ta đến rửa ở hồ, và khi về thì nhìn thấy được”. Cuộc sống tăm tối đã trở nên ánh sáng trong Ngài.

Anh trở lại, mắt và tâm hồn đầy ánh sáng, nhưng Đức Giêsu không còn ở đó. Người đàn ông đó vẫn chưa gặp Ngài; anh chỉ nghe Ngài. Anh ở một mình. Với anh, những rắc rối sắp bắt đầu. Anh phải trả lời nhiều câu hỏi của những người thân, của gia đình và nhất là của những nhà chức trách tôn giáo. Anh phải khước từ căn tính của mình, anh chứng minh anh đã bị mù, anh giải thích anh được chữa lành thế nào và nhờ ai.

Vậy là con người này trở thành chứng nhân cho hành động của Đức Giêsu. Chứng nhân ánh sáng, anh không ngần ngại nói điều anh biết. Vâng, chính người mà dân chúng gọi là Giêsu đã chữa lành anh. Giêsu! Một cái tên cấm kỵ. Vì Gioan viết, “Thật vậy, người Do Thái đã đồng lòng trục xuất khỏi hội đường kẻ nào dám tuyên xưng Giêsu là Đấng Kitô”. Từ đó nảy sinh sự dè dặt hết sức của cha mẹ anh, những người này cũng bị tra vấn bởi những chức sắc về việc con họ được chữa lành. Họ trả lời dè chừng, “Chúng tôi biết nó là con chúng tôi và nó bị mù từ khi mới sinh. Còn bây giờ, làm sao nó thấy được, chúng tôi không biết; hoặc có ai đã mở mắt cho nó, chúng tôi cũng chẳng hay. Xin các ông cứ hỏi nó; nó đã khôn lớn rồi, nó có thể tự khai được”.

Người đàn ông ấy, anh mù ấy, thật đơn độc. Đơn độc với chân lý của mình, nhưng anh không sợ hãi. Điều anh đã nói, anh lặp lại. Ngoài ra, anh còn pha vào đó một chút hài hước. Lần thứ hai hay lần thứ ba, được gọi để kể lại việc chữa lành trước những nhà chức trách, anh lặp lại, “Tôi đã nói với các ông rồi mà các ông vẫn không chịu nghe. Tại sao các ông còn muốn nghe lại chuyện đó? Hay các ông cũng muốn làm môn đệ ông ấy chăng?”. Câu trả

lời này đáng cho anh lãnh một tròng chửi rửa. Cuối cùng, anh bị tống ra ngoài như một thứ rác rưởi.

Không gì sắc bén hơn chứng từ của người đàn ông này. Cục lòng khi kể lại việc mình được chữa khỏi, anh đã nêu lên một vấn đề thực sự. Trước những người Do Thái, những người nói với anh, “Chúng ta biết rằng, Thiên Chúa đã nói với ông Môisen; nhưng chúng ta không biết ông Giêsu ấy bởi đâu mà đến”, anh mù đáp, “Kể cũng lạ thật! Các ông không biết ông ấy bởi đâu mà đến, thế mà ông ấy lại là người đã mở mắt cho tôi! Chúng ta biết, Thiên Chúa không nhậm lời những kẻ tội lỗi, còn ai kính sợ Thiên Chúa và làm theo ý của Người, thì Người nhậm lời kẻ ấy. Xưa nay chưa hề nghe nói có ai mở mắt cho người mù từ thuở mới sinh. Nếu không phải là người bởi Thiên Chúa mà đến, thì ông ta chẳng làm được gì”.

Vậy mà người nói những lời trên vẫn chưa bao giờ thấy Đức Giêsu. Anh đã không thể nhận ra Ngài trong đám đông nếu Ngài không tự giới thiệu cho anh. Anh là chứng nhân của Ngài, bào chữa cho Ngài bằng sự trung thành với chân lý. “Ai hành động theo chân lý thì đến với ánh sáng”, câu nói vẫn gọn của Gioan theo sau cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và Nicôđê mô tìm thấy ở đây sự minh họa đẹp đẽ nhất. Kẻ không bao giờ thấy Đức Giêsu lại đến được với ánh sáng chỉ bằng cách hành động theo chân lý.

Đó là điểm đáng chú ý khi một tâm hồn được biến đổi mở ra đón nhận ánh sáng, một tâm hồn không màng chi an thân và lợi lộc. Đức Giêsu sẽ nói trước mặt Philatô, “Ai thuộc về chân lý thì nghe tiếng tôi”. Con người đó

nghe tiếng Vị Thầy Giêsu cả khi anh chưa một lần thấy Ngài và cũng không biết liệu có nhận ra Ngài hay không.

Nhưng về phía Đức Giêsu, khi biết anh đã bị tống ra ngoài vì làm chứng cho mình, lại muốn gặp anh. Ngài muốn hoàn tất việc mở mắt anh bằng cách tự tỏ mình cho anh cách riêng tư. Sau khi tìm được anh, Ngài bảo, “Anh có tin vào Con Người không?”. Anh đáp, “Thưa Ngài, Đấng ấy là ai để tôi tin?”, và Đức Giêsu bảo, “Anh đã thấy Người; chính Người đang nói với anh đây”. Thế rồi, người đàn ông tuyên xưng, “Thưa Ngài, tôi tin”, và anh phủ phục trước mặt Ngài.

Việc tuyên xưng niềm tin kết thúc trình thuật việc chữa lành người mù mặc cho nó toàn bộ ý nghĩa. “Anh thấy Ngài...”, đôi mắt người mù không chỉ được mở ra trước ánh sáng ban ngày mà còn trước ánh sáng của Con Người. Người được chữa lành đã thấy và đã tin. Anh đã thấy Đức Giêsu và đã tin vào Con Người. Anh được dẫn vào ánh sáng của sự sống.

Rồi Đức Giêsu bảo, “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử: cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại trở nên đui mù”.

Chương 8

Sự Phục Sinh và Sự Sống

(Ga 11, 1-14)

Ý thức được Chúa Cha sai đến thế gian, mang cho thế gian sự sống, sự sống thực, sự sống không qua đi, Đức Giêsu không thể hoàn tất sứ mệnh mà không đương đầu với cái chết. Quả vậy, Ngài không đến trong một thế giới thần tiên, nhưng cách hiển nhiên, Ngài đến trên mặt đất của chúng ta, nơi sự chết là một thực tại thống trị mọi ngày.

Trong hành trình đời mình, Đức Giêsu đối diện với sự chết không phải cách lý thuyết, phỏng chừng hay như một ngẫu nhiên xảy đến tình cờ cho người này người khác. Cái chết đến với Ngài cách hiển sinh và hoàn toàn cá nhân. Thuộc về thể xác và cảm giác như mỗi người chúng ta, Ngài run rẩy và đau khổ trước cái chết của mình, một cái chết được báo trước sẽ rất tàn bạo.

Nhưng trước đó, Ngài cũng đã cảm nhận cái chết qua những cảm xúc tha thiết nhất của mình như Tin Mừng Gioan cho thấy. Ngài yêu mến Lazarô, Ngài quý mến hai người chị Matta và Maria của anh; ở nhà họ, Ngài được tiếp đón như một người bạn. Với Ngài, cả ba người này là những người thân thiết nhất. Trên con đường sứ vụ, căn nhà của Lazarô ở Bêtania là nơi dừng chân thanh bình.

Giữa một đám đông hay quây rầy và những nơi hoang vắng mà Ngài thường ở lại một mình để cầu nguyện, có một số nơi ưu tiên cho việc nghỉ ngơi và thân tình trong cuộc đời của Đức Giêsu. Bêtania là một trong những nơi ấy. Ở đó, cách xa đám đông, cách xa những cuộc luận chiến với các luật sĩ và Biệt Phái, Đức Giêsu nghỉ ngơi và cảm nếm một niềm vui hoàn toàn bình dị khi cùng ở một nơi giữa những người bạn. Đó là những giây phút hiếm hoi của niềm hạnh phúc con người trong một cuộc sống hoàn toàn hiến dâng cho sứ vụ của Ngài.

Như thế, chính Đức Giêsu cũng cảm nhận cái chết bất ngờ của Lazarô và nỗi đau mà hai người chị của ông trải qua. Với Ngài, đó là một nỗi đau thực sự. Ngài cho thấy điều đó. Trước Matta và Maria, cảm xúc của Ngài thể hiện ở chỗ cảm thấy bất an và không thể cầm nước mắt, “Hãy xem người thương anh ấy biết bao!”, những người vây quanh Matta và Maria đã thốt lên. Không đoạn Tin Mừng nào của Gioan minh họa tốt hơn câu nói của lời tựa “Và Ngôi Lời đã trở nên người phàm” như ở đây. Nhân tính của Đức Giêsu không phải là một nhân tính bề ngoài nhưng là một nhân tính đầy chiều sâu của cảm giác và cảm xúc, từ đó làm nên một con người cởi mở nhất.

Vậy mà dù cho cả khi con người ấy run rẩy, không một khoảnh khắc nào Đức Giêsu quên đi sứ vụ của mình. Ngài biết, Ngài mang trong mình bí mật của một sự sống vốn không qua đi và sự chết không thể chiếm lấy nó. Sứ vụ của Ngài là mặc khải và thông ban sự sống thần linh cho thế gian này. Tuy nhiên, chúng ta chỉ có thể hiểu rõ điều Đức Giêsu cảm nhận trước cái chết của bạn mình

bằng cách đặt sự kiện đó trong cái nhìn của Gioan, cái nhìn đó chính là sứ vụ của Ngài.

Quả thế, trình thuật Đức Giêsu đến Bêtania trong hoàn cảnh này được viết trong bối cảnh Thầy trò lên Giêrusalem, một chuyến đi dẫn đến cái chết. Quyết định trở lại Giuđê, Đức Giêsu tiên báo Ngài sẽ phải chết; và chấp nhận cái chết. Như thế, Ngài sẽ hoàn tất sứ vụ bằng cách hiến mạng sống mình. Việc Lazarô sống lại sẽ được thực hiện trong tương quan mật thiết với quyết định tự hiến của Ngài. Hai sự kiện này không tách rời nhau. Sự kiện thứ nhất sáng tỏ nhờ ánh sáng của sự kiện thứ hai. Vì thế, cần phải hiểu trình thuật của Gioan ngay từ những khởi đầu của nó.

Đức Giêsu rút về bên kia sông Giođan với các môn đệ khi hai chị của Lazarô gửi người đến báo tin cho Ngài, “Thưa Thầy, người mà Thầy thương mến đang ốm nặng”. Tin này dường như không làm Ngài xúc động ngay lúc ấy. Ngài chỉ bảo, “Bệnh này không đến nỗi chết, nhưng là dịp để bày tỏ vinh quang Thiên Chúa: qua cơn bệnh này, Con Thiên Chúa được tôn vinh”. Ngài còn nán lại đó hai ngày. Điều đáng chú ý trong phản ứng của Đức Giêsu ở chỗ là suy nghĩ của Ngài hướng ngay về Chúa Cha và về sứ mệnh được giao phó. Chân trời của Ngài là vinh quang của Thiên Chúa được biểu lộ trong việc hoàn tất sứ mệnh trao ban sự sống. Căn bệnh của Lazarô được Ngài nhìn trong nhãn quan này: như một tiên báo cho việc biểu lộ vinh quang.

Sau hai ngày, Đức Giêsu nói với các môn đệ, “Chúng ta hãy trở lại xứ Giuđê”. Ngay lập tức họ phản

ứng, “Gần đây, những người Do Thái tìm cách ném đá Thầy mà Thầy còn muốn trở lại đó sao!”, Đức Giêsu trả lời họ:

“Ban ngày chẳng có mười hai giờ đó sao?
Ai đi ban ngày thì không vấp ngã,
vì thấy ánh sáng của thế gian này.
Còn ai đi ban đêm thì vấp ngã
vì không có ánh sáng nơi mình” (Ga 11, 9-10).

Những lời nói khá nhiệm màu. Chúng còn nhắc đến những lời khác nữa:

“Ai bước đi trong bóng tối
thì không biết mình đi đâu.
Bao lâu các ông còn có ánh sáng,
hãy tin vào ánh sáng, để trở nên
con cái ánh sáng” (Ga 12, 35b-36).

Về phần Đức Giêsu, những lời này là một lời mời gọi theo Ngài mà không sợ hãi cũng không do dự, vì Ngài là ánh sáng, “Ai theo tôi sẽ không đi trong bóng tối, nhưng sẽ có ánh sáng mang lại sự sống” (Ga 8, 12b).

Đáp lại các môn đệ, Đức Giêsu bảo, “Lazarô, bạn của chúng ta, đã yên giấc; Thầy sẽ đi đánh thức anh ấy”. Hiểu theo đúng nghĩa những lời nói của Ngài, họ thưa, “Thưa Thầy, nêu anh ta đã yên giấc, anh ấy sẽ khoẻ lại”. Nhưng Đức Giêsu đã nhanh chóng xua tan mọi sự khó hiểu và công bố rõ ràng với họ, “Lazarô đã chết, và Thầy vui mừng vì Thầy đã không ở đó, để anh em tin. Thôi, nào chúng ta hãy đến với anh ấy!”.

Từ những lời nói của Đức Giêsu, các môn đệ chỉ lưu ý đến quyết định trở lại Giuđê của Ngài, một sự trở lại đầy liều lĩnh của Thầy lẫn trò. Từ đó nảy sinh ý tưởng hoàn toàn tự phát của Tôma, “Cả chúng ta nữa, chúng ta cũng đi để cùng chết với Thầy”. Một tuyên bố hay. Hẳn là một cách thức tự hiến đầy can đảm. Nhưng thực tế sẽ khác.

Vậy là Đức Giêsu rời nơi ở của Ngài bên kia sông Giordan và lên Giêrusalem. Ngài tiến đến cái chết của mình, một cái chết Ngài đã dự tính và chấp nhận như một quà tặng tuyệt hảo; mạng sống Ngài, được hiến trao. Cái chết này sẽ hoàn tất và biểu lộ ý định của Thiên Chúa. Khi trao ban mạng sống, Đức Giêsu sẽ thông truyền cho thế gian sự sống thần linh. Chính trong viễn ảnh nội tại này, Ngài lên đường và đến Bêtania, gần Giêrusalem.

Lazarô đã ở trong mồ từ bốn ngày. Nhiều người Do Thái đến an ủi Matta, Maria và ở lại đó với hai bà. Khi Matta biết Đức Giêsu đến, bà đến gặp Ngài, đang khi Maria, phục tang, ủ rũ ngồi trong nhà.

Thấy Đức Giêsu, không thể kìm nén, Matta thưa với Ngài, “Thưa Thầy, nếu Thầy ở đây, em con đã không chết”. Bà trách Thầy đến muộn. Tuy nhiên, ngay lập tức bà nói thêm, “Nhưng bây giờ con biết: bất cứ điều gì Thầy xin cùng Thiên Chúa, Người cũng sẽ ban cho Thầy”. Đức Giêsu bảo chị, “Em con sẽ sống lại”. “Con biết, Matta đáp, em con sẽ sống lại khi kẻ chết sống lại trong ngày sau hết”. Như thế, Matta bày tỏ niềm tin của Đạo Do Thái chính thống vào thời kỳ này. Nhưng lời tuyên bố trên môi

miệng bà lại hàm chứa một chút đắng cay. Có nên đợi đến “ngày sau hết” để gặp lại em mình không?

Đức Giêsu nhìn Matta. Ngài nhìn bà bằng một cái nhìn không dừng lại ở bề mặt của những hữu thể, nhưng là một cái nhìn sâu thẳm từ bên trong. Ngài thấy nỗi đau của bà, sự cự tuyệt dữ dội của bà trước cảnh chia ly, nỗi khát khao của bà về một cuộc sống được giải thoát khỏi sự chết và những đoạn giao của nó. Ngoài nỗi đau của Matta, Đức Giêsu còn thấy toàn thể thân phận con người, một đại dương nhân loại mệnh mông đang lộng lộn bởi một khát vọng sống tựa hồ con sóng trong lòng đại dương; con sóng này sẽ vỡ òa trên một bức tường không thể vượt qua: sự chết, quyền thống trị của nó.

Đối diện với cơn bão khát vọng sống mà Tào Hoá trót gieo xuống mặt đất, sự chết, quyền lực thống trị xem thường định mệnh cuộc sống. Chính sự chết luôn chiếm thế thượng phong: nó luôn đưa ra phán quyết cuối cùng. Nó kìm hãm con người trong quyền lực của nó, giam giữ con người trong chân trời tàn nhẫn của nó. Con người có thể kéo dài chuỗi ngày đời mình nhưng sự chết lại chụp lấy nó cách nghiệt ngã, bất chấp mọi nhiệt huyết sống. Ngày kia, cuộc phiêu lưu của con người tự nó sẽ kết thúc trên trần gian; cuộc phiêu lưu đó thậm chí không ai còn nhớ đến như một kỷ niệm. Cả trái đất bấy giờ chỉ còn là một cõi chết.

Trước cảnh cùng khốn này, Đức Giêsu không có ý nói như sách Giảng Viên, “Phù vân trên mọi phù vân, mọi sự chỉ là phù vân... và cuốn theo chiều gió”, hoặc “Đeo bám vào sự sống này để làm gì?”. Không, hoàn toàn

ngược lại, cả con người nội tại của mình run rẩy trước viễn cảnh này: con người được tạo dựng để sống, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và cũng trở thành một hữu thể để chết, làm mồi ngon cho sự chết! Ý định của tạo hoá về định mệnh của sự sống phải biến đổi trước sự thống trị của sự chết: sự thống trị của Hoàng Tử sự chết! Vì chính nó, Tên Địch Thù, “kẻ giết người từ lúc khởi đầu”. Chính nó chủ sự ngày hội dã man này, chính nó điều khiển vòng xoay tàn bạo của các thế hệ; các thế hệ sinh ra, hy vọng nhưng lại chết trong vòng quay ác nghiệt, không một chân trời nào khác hơn là chính sự chết.

Cũng vậy, chính lúc này, Đức Giêsu đối diện với Tên Địch Thù, Đối Thủ của Ngài. Ngài, sự sống, Chúa của sự sống, đến trong thế gian để thông ban sự sống, Ngài cũng phải đương đầu với sự chết, sự chết của Ngài. Địch Thù của Ngài đã chờ ở đó.

Nhưng sự sống của Ngài, không ai lấy được: Ngài tự ý ban tặng nó cách hoàn toàn tự do. Ngài có quyền ban tặng và lấy lại sự sống (Ga 10, 18). Sự sống được tặng ban và lấy lại của Ngài sẽ bẻ gãy vòng kim cô hung ác, mở cho con người khung trời hy vọng lớn lao. Vì không chỉ một mình Lazarô cần được đem ra khỏi mồ, nhưng là toàn thể nhân loại phải được rứt khỏi tay kẻ Địch Thù. Ngài sẽ không thực hiện điều đó bằng việc trả lại cho con người cuộc sống dương gian, trả lại như thế chỉ kéo giãn kỳ hạn. Quả vậy, trong trường hợp này, con người vẫn sẽ là một hữu thể phải chết. Vậy là phải bẻ tan chiếc vòng định mệnh, phải làm sao để con người có thể bước vào một cuộc sống mới, một cuộc sống còn mãi và sự chết không còn thống trị. Một sự sống tự khẳng định trong chính sự

chết. Đức Giêsu, chỉ một vài ngày nữa, trước khi chết, sẽ bảo các môn đệ, “Thủ lãnh thế gian đang đến. Đã hẳn, nó không làm gì được Thầy”. “Can đảm lên! Thầy đã thắng thế gian” (Ga 16, 33).

Tự thâm tâm, chính lúc này đây, Đức Giêsu nhìn thấy tất cả những điều đó liên tiếp xâu kết lại với nhau khi Ngài đang đứng trước Matta. Thế rồi, cách thanh thản, đầy quyền uy, Ngài tuyên bố với bà, đáp lại sự chờ đợi của bà và của toàn thể nhân loại, “Thầy là sự Sống Lại và là Sự Sống”.

Lời Ngài thật vô biên như những lời đã nói với người phụ nữ Samaria về việc thờ phượng trong thần khí và sự thật. Những lời vượt thời gian, vượt trên cả những sự kiện đặc thù đã khơi gợi chúng. Lời ngân vọng đến vĩnh cửu. Đừng vội tìm cách cân đo những gì nó chất chứa, hãy để chúng tự bộc lộ trong cái vô biên, trong sự uy nghiêm viên mãn tốt cùng của chúng.

“Ta là...”. Đó là lời khẳng định của một Hữu Thể thống trị thời gian. Hữu thể này được định nghĩa trọn vẹn bởi hai từ: “Sống Lại” và “Sự Sống”. Những lời này làm vang vọng hành vi sáng tạo nơi Ngôi Lời tạo dựng. Chúng mang theo hơi thở và quyền năng trong chiều kích của lời tạo dựng. Những lời ấy tuyên bố chiến thắng cuối cùng của sự sống trên sự chết. Tự thân, chúng là tất cả Tin Mừng. Với những lời này, sự sống được giải thoát khỏi chân trời sự chết tìm lại hăng nhiệt ban đầu cùng tất cả ý nghĩa trọn vẹn của mình. Mọi sự lại trở nên có thể. Dầu cho đông dai dẳng có thể vẫn kéo dài trên những cánh

đồng nhân loại chúng ta; nhưng kìa, xuân đã nở rộ trong tâm hồn Con Người.

Thuật lại những lời này và đặt trên môi miệng Đức Giêsu, tác giả Tin Mừng đã viết chúng dưới ánh sáng Phục Sinh. Chính trong ánh sáng Phục Sinh mà những lời này được hiểu. Đó là lời khẳng định của sự sống đã chiến thắng sự chết. Không phải bởi một cuộc trở lại đơn thuần đời sống dương thế trước đó, nhưng bởi sự hiện hiện của một con người mới. Đức Kitô phục sinh đâu phải là sự hoàn sinh đơn thuần của một Giêsu thành Nazareth. Sáng ngày Phục Sinh, Đức Kitô ra khỏi mồ, hiện ra với Mađalêna; Đức Kitô ấy không phải là một Giêsu người Galilê với bản án thập giá ba ngày trước đó nay trở lại cuộc sống thường nhật. Ngài là Đấng sau khi trải nghiệm cái chết, băng qua vương quốc các tầng địa ngục, nay biểu lộ tình trạng sáng ngời của Con Thiên Chúa và cuối cùng, tự khẳng định như một con người nguyên vẹn: Con người sống động với tất cả sự sống toàn diện của chính Thiên Chúa. Cuộc phục sinh này là sự xuất hiện của một thực tại mới, một thực tại mà ở đó, toàn thể vũ trụ được sửa chữa lại toàn bộ nhờ hơi thở của Ngôi Lời tác tạo và được hoàn lại cho sự sống vốn là ánh sáng.

Chính trong ánh sáng Phục Sinh này mà những lời Đức Giêsu nói với Matta tự chúng đầy tràn sức sống, “Ai tin vào Thầy, thì dù đã chết, cũng sẽ được sống. Ai sống và tin vào Thầy, sẽ không bao giờ phải chết. Chị có tin như thế không?”.

Đáp ứng nỗi khát khao sâu xa của Matta về một sự sống không còn biết đến đau khổ, chia lìa và tang tóc, Đức

Giêsu nại đến niềm tin của bà. Ai tin vào Ngài thì đã sống cuộc sống này, một cuộc sống chiến thắng sự chết. Sự sống này không chỉ dành cho ngày mai, không dành cho ngày sau cùng, cũng không dành cho thế giới bên kia. Chính hôm nay, sự sống đó được trao ban. Sự sống này đã ở trong tâm hồn mọi kẻ tin. Sự sống ấy có thể băng qua sự chết và mãi sống nguyên vẹn. Sự chết không có quyền gì trên nó vì sự sống này là sự thông hiệp với sự sống vĩnh cửu của Thiên Chúa. Vì thế, nó không chịu giới hạn trong sự bất tử của linh hồn. Trong sự sống đó, chính con người toàn diện, con người sống động đã thông dự vào Con Người toàn vẹn trong Đức Kitô Phục Sinh. Trong tâm hồn con người, sự sống đó là một hạt giống phục sinh. Hạt giống ẩn giấu, nhưng linh hoạt, đó là lực đẩy ban đầu vốn sẽ ra sức nâng con người sống động lên trong luồng sinh khí của niềm hy vọng. Sự sống này, một sự sống mà Đức Giêsu nắm giữ bí quyết, chỉ có thể được mặc khải ngang qua một dấu chỉ gắn liền với sứ mệnh của Ngài và khơi gợi niềm tin vào con người Ngài.

“Chị có tin không?”, Đức Giêsu hỏi Matta. “Thưa Thầy, có. Con vẫn tin Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đáng phải đến thế gian”. Trước việc tuyên xưng niềm tin vào Đấng Thiên Sai này, Đức Giêsu sẽ có thể hoàn tất dấu chỉ.

Cảm nhận điều sắp xảy ra, bấy giờ Matta chạy đi tìm em mình đang ngồi ở nhà. Bà khẽ nói với em, “Thầy đến rồi, Thầy gọi em đây!”. Nghe tin này, Maria lập tức đứng dậy, vội vã đến với Đức Giêsu. Gặp Ngài, Maria phủ phục dưới chân Ngài và thưa, “Thưa Thầy, nếu có Thầy ở đây, em con đã không chết”. Khi thấy bà khóc, Đức Giêsu

thôn thức trong lòng và xao xuyến. Ngài nói, “Các người để xác anh ấy ở đâu?”, họ trả lời, “Thưa Thầy, mời Thầy đến mà xem”. Đức Giêsu không thể cầm nước mắt. Bấy giờ, những người Do Thái hiện diện ở đó bảo nhau, “Kìa xem, ông ta thương anh Lazarô biết mấy!”.

Thôn thức trong lòng một lần nữa, và này, Ngài đến mồ. Đó là một cái hang với tảng đá đặt phía trên. Đức Giêsu bảo, “Đem phiến đá này đi!”. Matta lưu ý, “Thưa Thầy, nặng mùi rồi, vì em con ở trong mồ đã được bốn ngày”. Nhưng Đức Giêsu cãi lại, “Nào Thầy đã chẳng nói với chị rằng, nếu chị tin, chị sẽ được thấy vinh quang của Thiên Chúa sao?”. Thế rồi người ta khiêng tảng đá đi. Ngược mắt lên trời, Đức Giêsu nói:

“Lạy Cha, con cảm tạ Cha
vì Cha đã nhậm lời con.
Phản con,
con biết Cha hằng nhậm lời con,
nhưng vì dân chúng đứng quanh đây,
nên con đã nói để họ tin
là Cha đã sai con” (Ga 11, 41-42).

Quả thế, ở đó có nhiều người Do Thái đến an ủi hai bà. Mọi người tụ tập trước ngôi mộ và họ chờ đợi, tò mò xem điều gì sẽ xảy ra. Một số người xâm xì, “Ông ta đã mở mắt cho người mù lại không thể làm cho anh ấy khỏi chết sao?”.

Ngay sau khi dang lời tạ ơn, Đức Giêsu kêu lớn tiếng, “Anh Lazarô, hãy ra khỏi mồ!”. Người chết đi ra, chân tay còn quấn vải và mặt còn phủ khăn. Đức Giêsu

bảo mọi người, “Cởi khăn và vải cho anh ấy và để anh ấy đi”.

Khi gọi Lazarô trở lại với cuộc sống, Đức Giêsu trao ban một dấu chỉ về sự sống mà Ngài có sứ vụ mặc khải và thông truyền. Nhưng dấu chỉ không phải là thực tại, đó chỉ là hình ảnh của thực tại, là bề ngoài khả giác giúp con người có một tầm nhìn xa hơn, cao hơn. Đó là một năng lực đánh thức cho phép khát vọng lớn lên và thăng hoa. Nhưng khổ nổi, khát vọng lại say mê cái vỏ bọc cảm giác và hấp dẫn trần tục của dấu chỉ nên mãi đeo bám vào đó. Vì thế, thay vì đứng dậy, nó bò, nó cuộn quanh dấu chỉ như thể đó là thực tại. Bây giờ, dấu chỉ không còn là dấu chỉ; và niềm khát khao một khi gắn chặt với một thoả mãn tức thời và chóng qua lại chỉ có thể khát khao mãi và lặp đi lặp lại như thế: luôn luôn không thoả mãn, và thế là vẫn bị đóng chặt trong khung trời sự chết.

Hoàn toàn giống với việc hoá bánh ra nhiều, việc làm cho Lazarô sống lại chỉ là một dấu chỉ Đức Giêsu trao ban để nói rộng chiều kích khát khao của con người hầu mở lòng họ đón nhận một sự sống lâu bền hơn. Tự thân, việc sống lại này chỉ là sự trở lại với sự sống vốn vẫn phải chết. Nó không giải quyết được gì, sự chết vẫn cứ đưa ra phán quyết cuối cùng. Nhưng khi làm phép lạ này, Đức Giêsu cho thấy trong Ngài, một năng lực sống có thể đánh bại sự chết. Sự sống thật mà Ngài muốn thông ban cho chúng ta là sự hiệp thông với sự sống vĩnh cửu nơi Thiên Chúa trong sự chết và sự phục sinh của Ngài. Sự thông hiệp này không chỉ là một sự kiện của linh hồn, nó làm sống động toàn thể con người, thân xác và linh hồn trong sự sống mới qua việc thông dự vào một con người toàn

hảo, nơi Đức Kitô phục sinh; như thế, thông dự vào thân xác vinh quang của Ngài. Tất một lời, nhờ niềm tin, sự sống đó đã là sự sống của Đấng Phục Sinh trong chúng ta.

Chương 9

Đức Giêsu, Đấng Hằng Sống

(Ga 20, 1-18)

Đó là ngày thứ nhất trong tuần sau những sự kiện bi thảm của ngày thứ sáu tuần thánh. Từ buổi sáng vĩ đại ấy, khi mà trời vẫn còn tối, Maria Mađalêna trở lại ngôi mộ. Chị muốn mang một chứng cứ cuối cùng cho Đấng đã trân trọng chị, Đấng mà chị xem là Thầy và là Chúa mình.

Nhưng làm sao không ngạc nhiên và đau khổ khi chị nhìn thấy ngôi mộ trống trơn! Tảng đá đã được nâng lên. Không để mất một giây, chị vội chạy về gặp Simon Phêrô và người môn đệ khác, người mà Đức Giêsu thương mến. Cả hai người cùng chạy đến và cùng thấy ngôi mộ trống, họ vào mộ và khám phá những khăn vải nằm trên đất, khăn liệm phủ mặt được cuộn lại một bên. Gioan “đã thấy và đã tin”, tác giả Tin Mừng nói. Nhưng cả ông và Simon Phêrô đều không thấy Chúa. Họ lại ra đi. Maria ở gần bên mộ, khóc, mắt gắn chặt cửa huyệt trống trơn. Sự ngạc nhiên đã nhường chỗ cho sự sàu não trong chị. Chị không cầm được những dòng lệ.

Đức Giêsu, ánh sáng sự sống, Đấng đã giải thoát chị khi giúp chị khám phá sự sống đích thực và tình yêu chân thật. Với tất cả nỗi nản của một tâm hồn yêu mến, Maria Mađalêna đã theo Ngài đến cùng, tận chân thập giá

và chị khổ đau khi thấy Ngài cam chịu cảnh bị bỏ rơi hoàn toàn. Rồi sau một ngày sabbat, sáng nay, một ngày ảm đạm, chị nhanh chân đến mộ để tìm ở đó một chút hiện diện của Thầy bên cạnh thi hài. Nhưng kìa, mộ trống, không còn dấu vết gì của con người vĩ đại này. Vậy thì buộc Ngài chịu nạn chịu chết, phủ cho Ngài bao sí nhục trước mắt toàn dân chưa đủ sao nay lại còn phải cướp cả xác Ngài và xoá sạch Ngài hoàn toàn? Trong ánh mắt của Maria, trời cao đất thấp không còn lấy một chút ánh sáng. Chị trải qua một trong những thời khắc thất vọng ê chề nhất khi toàn bộ hữu thể của chị như nghẹn lịm bởi sự điên rồ của thế gian trước sự trống rỗng nơi mà niềm hy vọng, niềm tin và tình yêu của chị trở nên tăm tối.

Chẳng một chút gì để có thể lưu luyến người Thầy dấu yêu đầy ngưỡng mộ; cũng không còn một dấu vết nào của Đấng đã mang ý nghĩa và tương lai cho đời mình, cho niềm khát khao sống của chị. Vậy thì từ nay sống để làm gì?

Cúi nhìn phía bên trong ngôi mộ, thì kìa, chị nhìn thấy hai thiên thần áo trắng, hai con người ngời sáng ngồi ở nơi đặt xác Đức Giêsu, một vị đang đầu, một vị đang chân. Các thiên thần này bảo chị, “Hỡi chị, tại sao chị khóc? - Người ta đã lấy xác Thầy tôi, chị bảo, và tôi không biết người ta đặt Ngài ở đâu”. Sự có mặt của những con người ngời sáng này ở đây dường như không làm chị ngạc nhiên; chị cũng không tỏ ra điều đó. Nói đúng ra, dù bất thường đến đâu, sự hiện diện này cũng không làm chị bận tâm. Maria chỉ thấy một điều, người ta đã lấy xác Thầy. Ý tưởng về một cuộc phục sinh có thể xảy ra, thậm chí cũng không thoáng qua nơi chị. Nếu xác của Đức

Giêsu không còn đó, là vì người ta đã lấy, đã cướp đi. Điều mà Maria đến tìm nơi ngôi mộ không phải là một người sống, mà là xác của một người Thầy và là Chúa, dấu chỉ cuối cùng của một sự hiện diện đầy kính tôn.

Maria hầu như không trông mong gì nhiều vào việc tìm lại người sống là Chúa của chị đến nỗi khi quay lại trước sự hiện diện của Thầy, chị không nhận ra. Tuy nhiên, chính Ngài ở trước mặt chị và là người, đến lượt mình, hỏi chị, “Hỡi chị, tại sao chị khóc? Chị tìm ai?”. Nhưng Maria, mắt nhoà lệ, hoàn toàn bị ám ảnh bởi việc tìm lại thi thể cứng đờ của Thầy, không nhận ra Ngài, thậm chí không thấy Ngài. Nghĩ rằng, cần nói chuyện với người làm vườn, chị hỏi ông, “Thưa ông, nếu ông đã lấy xác Ngài, xin nói cho tôi hay, ông đã đặt Ngài ở đâu và tôi sẽ tìm Ngài”.

Bấy giờ Đức Giêsu gọi chị, “Maria”. Tên gọi đơn sơ này được thốt lên với một cung giọng riêng của Thầy và với tình cảm Ngài gói ghém trong đó lập tức tác động chị cách kỳ diệu. Maria như được đánh thức, được lôi ra khỏi những gì đang ám ảnh mình. Mắt chị mở ra, cả con người chị run lên. Chính Ngài đây, là Thầy và là Chúa của chị! “Lạy Thầy”, chị reo lên. Trong nỗi vui vô bờ, chị muốn chạm Thầy, ôm Thầy và giữ Thầy lại... như thể sợ Thầy chạy trốn lần nữa và biến mất. Không, đó không phải là mơ, cũng không phải ảo giác. Chị chạm Thầy; Thầy cản lại. “Đừng chạm Thầy, đừng giữ Thầy lại, Đức Giêsu bảo chị, vì Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi tìm anh em Thầy và bảo họ, Thầy lên với Cha Thầy và Cha của anh em, lên với Chúa của Thầy và Chúa của anh em”. Ngạc nhiên làm sao, nhiệm màu nhường nào

những lời Thầy vừa nói nhưng chúng lại mang bao ý nghĩa. Chúng chứa đựng toàn bộ thông điệp phục sinh. Đó là thông điệp sự sống.

Maria, trong niềm vui vô bờ, tin rằng mình đã gặp lại Giêsu, Đấng chị biết trước đây, là Thầy, là Rabbi mà chị đã đi theo trên những con đường xứ Galilê. Chị đã vồn vã đặt Ngài lại trong những sinh hoạt quen thuộc; chị đã gặp lại Ngài trong cái không gian này, một không gian được biết đến với những chuyến đi liên miên, những cuộc dừng lại, những cuộc gặp gỡ như là ân huệ của Thiên Chúa. Quả thế, chính Ngài, Đấng chị gặp lại, Ngài hằng sống. Thế nhưng, cũng kể từ đó, Đấng hằng sống ấy đã mang một chiều kích khác. Ngài không còn là người Thầy mà chị tận tụy với niềm kính tôn khôn xiết. Đấng hằng sống này không còn để mình bị đóng khung trong một không gian quen thuộc và giới hạn. Ngài là Chúa của những kẻ sống. Đó là điều Đức Giêsu muốn làm cho chị hiểu mà không thúc bách chị. Cách dịu dàng, Ngài mở mắt chị mà không làm chị chói loà choáng ngợp bởi ánh sáng của Ngài, không làm tâm hồn chị phải dập nát bởi vẻ uy nghiêm của Ngài.

Thật vậy, những điều Đức Giêsu nói với chị là một lời mời gọi gặp gỡ Ngài tại nơi, mà kể từ đó, Ngài ở; một nơi mà Ngài sống sự sống sung mãn: quy về Chúa Cha. Đây là lời mời gọi khám phá Ngài trong chuyển động sâu nhiệm của hữu thể Ngài, trong sự vươn lên của Ngài hướng về Chúa Cha, “Thầy lên với Cha Thầy cũng là Cha của anh em...”. Những lời này cần được lắng nghe như tiếng ầm ầm của một thác nước vọng dội lên tận suối nguồn. Từ đây, Đức Giêsu sống hoàn toàn trong chuyển động này, nhưng Ngài không đơn độc. Ngài lên cùng Cha

với tất cả “anh em” của Ngài. Đó chính là toàn thể nhân loại được Ngài lôi kéo đến với ánh sáng. Trong Ngài, khát vọng bao ngày vươn tới nguồn sống sung mãn, “Khi tôi được nâng lên khỏi mặt đất, tôi sẽ kéo mọi người lên với tôi”, Ngài đã công bố (Ga 12, 32). Maria Mađalêna muốn giữ Đức Giêsu lại; còn Ngài, Ngài mời chị theo Ngài trong chuyển động hướng thượng của Ngài cùng với “anh em” mình. Đó là lời mời gọi bước vào niềm vui phục sinh lớn lao: niềm vui của sự hiệp thông với Chúa Cha, “Nếu anh em yêu mến Thầy, anh em sẽ vui mừng vì Thầy đến với Chúa Cha...” (Ga 14, 28). Niềm vui này, Đức Giêsu muốn nó trở thành niềm vui của chúng ta vì Ngài đã mở đường cho chúng ta. Ngài đã mang chúng ta cùng Ngài đi vào cung lòng Chúa Cha trong sức mạnh quyền năng và chiến thắng của Ngài.

Khởi đầu Tin Mừng Gioan, các môn đệ đầu tiên đã hỏi Đức Giêsu: “Thầy ở đâu?” (Ga 1, 38), và Ngài trả lời họ, “Hãy đến và xem”. Trong suốt Tin Mừng, Ngài làm cho họ thấy chỗ ở đích thực của mình. Chỗ ở đó là tương quan của Ngài với Chúa Cha, trong sự thông hiệp yêu thương với Chúa Cha, một sự hiệp thông mà chính chúng ta được liên kết.

“Thầy đi thì có lợi cho anh em”, Đức Giêsu nói với các môn đệ trong cuộc trò chuyện cuối cùng của Ngài trước khi chết. “Nếu Thầy không đi, Đấng Bảo Trợ sẽ không đến. Nhưng nếu Thầy đi, Thầy sẽ gửi Đấng đó đến với anh em” (Ga 16, 7). “Khi Đấng ấy đến, Ngài, Thánh Thần chân lý sẽ dẫn anh em vào sự thật toàn vẹn” (16, 13). “Anh em sẽ được thấy Thầy, vì Thầy sống và anh em cũng sẽ sống. Ngày đó, anh em sẽ biết rằng Thầy ở trong

Cha Thầy, anh em ở trong Thầy và Thầy ở trong anh em”
(Ga 14, 19-20).

Khi Đức Giêsu rao khắp đất nước, dạy dỗ đám đông, bàn luận với các luật sĩ và Biệt Phái... thì các môn đệ đi theo Ngài, thấy Ngài, thấy rất rõ. Nhưng họ thấy gì? Một con người siêu phàm, không nghi ngờ gì nữa, Ngài đã gọi lên sự hăng nhiệt nơi dân chúng bằng năng quyền của những phép lạ và uy quyền trong giáo huấn. Một người mà họ xem như sứ giả của Thiên Chúa, như Đấng Thiên Sai. Nhưng một người, một người đặc biệt, với diện mạo riêng, những đường nét, âm sắc của giọng nói, trong sáng khi nhìn, những cử chỉ quen thuộc và cách thức dạy dỗ của Ngài... Nhiều tính cách riêng của Ngài phân biệt Ngài với hàng ngàn người khác. Các môn đệ gắn bó với cái nhân cách toả sáng này. Sự gần gũi thể lý, sự thân tình cùng với vẻ quyền uy trầm lắng và tối cao của Thầy đã gây ấn tượng và cuốn hút họ.

Thế nhưng, cùng lúc đó, hình ảnh này lại phủ lấp một điều mà Đức Giêsu muốn mặc khải cho họ: sự sống sâu xa mà Ngài nắm giữ bí quyết, nơi ở thiết thân và không giới hạn của Ngài. Có thể chúng ta sẽ không thấy một điều gì đó khi gần gũi một người nào đó; cũng thế, việc cận kề Ngài không tránh khỏi điều ấy, “Thầy đã ở với anh lâu thế mà anh không biết Thầy sao?”, Đức Giêsu hỏi Philipphê. Philipphê và các môn đệ khác tin chắc rằng mình biết Ngài; kỳ thực, họ chỉ biết Ngài bên ngoài. Việc quen biết Thầy lại nhấn mạnh khía cạnh con người, quá con người trong cái nhìn của mình khiến họ chỉ dừng lại nơi con người khả giác của Đức Giêsu.

Đó là lý do tại sao Ngài đã bảo, “Thầy đi thì có lợi cho anh em...” (Ga 16, 7). Đức Giêsu cần xa họ, cất khỏi họ sự hiện diện khả giác, thể chất để rồi Thánh Thần có thể đến, mở mắt họ hầu họ có thể nhận ra sự hiện diện thần linh của Ngài. Hình tượng quá hấp dẫn, quá con người... cần biến mất để Hình Tượng Chúa Cha được tỏ hiện. Đức Giêsu bảo, “Ngày đó, anh em sẽ biết rằng, Thầy ở trong Cha Thầy, anh em ở trong Thầy và Thầy ở trong anh em” (Ga 14, 20). “Anh em sẽ thấy rằng, Thầy sống và anh em cũng vậy, anh em cũng sẽ sống” (Ga 14, 19).

Cũng thế, Maria Mađalêna cũng dừng lại ở một nhãn quan quá nhân loại về Thầy mình. Nhưng ở đây, mắt chị mở ra trước ánh sáng phục sinh, “Tôi đã thấy Chúa”, chị sẽ nói. Chị đã thấy và đã tin. Trong Đức Giêsu phục sinh, chị có thể chiêm ngắm Sự Sống vĩnh cửu này, một sự sống quy về Chúa Cha nay xuất hiện, lôi kéo toàn thể nhân loại vươn lên trong tình yêu thương và thông hiệp của Ngài với Chúa Cha; một sự vươn lên được sửa lại như mới. “Hãy đi nói với anh em Thầy rằng: Thầy lên với Cha Thầy cũng là Cha của anh em, lên với Chúa của Thầy cũng là Chúa của anh em”: đó là bài ca của cuộc khởi nguyên mới. “Vì thế, từ đây, chúng tôi không còn biết một ai theo quan điểm loài người. Cho dù chúng tôi đã được biết Đức Kitô theo quan điểm loài người, thì giờ đây chúng tôi không còn biết Ngài như vậy nữa. Cho nên, phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thọ tạo mới. Cái cũ đã qua và cái mới đã có đây rồi” (2Cr 5, 16-17).

Phần II

PHẦN ĐÀO SÂU

Chương 1

Sự Sống Nay Là Gì?

Xuyên suốt Tin Mừng Gioan và đặc biệt hơn trong các cuộc gặp gỡ chúng ta đã phân tích, Đức Giêsu tỏ ra như Đấng Chúa Cha sai đến với con người để mạc khải và thông ban cho họ sự sống thần linh, sự sống đời đời. Chính Ngài đã thu tóm sứ vụ của mình trong câu nói, “Tôi đến để cho thế gian được sống và sống dồi dào” (Ga 10, 10b).

Đức Giêsu tuyên bố, với tư cách là Con, Ngài sở hữu sự sống thần linh ấy cách dồi dào, “Như Cha có sự sống trong chính mình, cũng thế, Người ban cho Người Con có sự sống trong chính mình...” (Ga 5, 26). Như thế, sự sống ấy nên một với hữu thể Ngài cách mật thiết nhất. Sự sống ấy toả sáng từ con người của Ngài trong chừng mực người ta đón nhận nó bằng cách đón nhận chính Ngài trong một hành vi đức tin không dè giừ. Trước quà tặng của Thiên Chúa, Đức Giêsu chỉ đòi hỏi chúng ta một điều: tin vào con người của Ngài, tin vào tư cách của Người Con được Chúa Cha sai đến. Tin vào Ngài, là đón nhận quà tặng của Thiên Chúa, là đón nhận sự sống của Thiên Chúa. Ai tin vào Ngài thì được sinh ra trong sự sống từ trên cao. Ngài nói, “Ai tin vào tôi, thì không phải vào tôi mà là tin vào Đấng đã sai tôi...” (Ga 12, 44). “Và đây là ý

muốn của Cha tôi, rằng ai thấy Người Con và tin vào Người Con thì có sự sống đời đời...” (Ga 6, 40).

Qua đó, Đức Giêsu không đưa ra một lời hứa đơn thuần nào về cuộc sống mai ngày. Chính ở đây và lúc này, sự sống thần linh được trao ban cho con người. Kể từ hôm nay, trong thế giới này, con người được mời gọi sống sự sống thần linh. Điều gì con người không biết nắm bắt trong hiện tại, muôn đời sẽ không có nó.

Vậy thì sự sống Đức Giêsu nói với chúng ta và muốn thông ban cho chúng ta là gì? Chính xác, sự sống ấy cốt tại điều gì? Chúng ta có thể nói gì về nó? Làm sao để nêu lên những đặc tính của sự sống ấy? Nó mang gì đến cho sự sống con người? Nếu chiếu theo những khẳng định của Đức Giêsu, những câu hỏi đó càng được nêu lên thì sự sống này càng là điều thiết yếu tuyệt đối, dẫn cho nó hoàn toàn tặng không. Không có sự sống này, sẽ không có sự hoàn tất thực sự của con người. Từ chối sự sống này, là phó mình cho bóng tối và sự chết, là đánh mất chính mình trong tư cách là người.

Rất thường khi, sự sống thần linh ấy được trình bày như một quà tặng từ bên ngoài thêm vào sự sống con người; một con người vốn có sự hoàn hảo riêng và tự mình lấy làm đủ khi coi quà tặng đó như một thứ trang sức tùy thích, có cũng được, không cũng được. Nếu quà vậy thì không lạ gì khi con người hiện đại hôm nay chẳng tha thiết gì với một tặng phẩm như thế. Thật vậy, trong thời đại hôm nay, điều con người muốn trước hết là làm người. Đề nghị nó chấp nhận một sự sống cao hơn chính nhân tính của nó cách không tự nhiên như thế thì liệu điều

đó có còn ý nghĩa không? Con người muốn trở nên một con người thuần túy và toàn bộ; nó phải được ở trong một thế giới người nhất có thể. Có phải đó là ý nghĩa của mọi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cũng như mọi cuộc đấu tranh cho một nền công lý lớn lao hơn và sự tôn trọng các quyền con người?

Nhưng, thế là trốn chạy theo một cách thức siêu nhân tính? Điều đó khác biệt với những gì Đức Giêsu đề cập. Trong Tin Mừng Gioan, Đức Giêsu giới thiệu cho chúng ta sự sống thần linh mà Ngài có sứ mệnh thông truyền. Ngược lại hoàn toàn với những gì đặt ra trên đây, khi đặt sự sống đó trực tiếp với khát vọng căn bản của con người, khát vọng sống của nó, Đức Giêsu cho con người thấy rằng, sự sống thần linh nó được mời gọi sống không xa lạ với sự sống của nó và bí quyết hoàn thiện chính mình lại ở trong sự sống thần linh đó.

Cũng thế, với người phụ nữ Samaria bên giếng Giacóp, Đức Giêsu mặc khải nước hằng sống vốn có thể thoả mãn nỗi khát sâu xa của bà; đồng thời, ban cho cuộc sống nhân loại của bà một sức bật mới mẻ đầy sáng tạo. Với Nicôđêmô, người khát khao tìm lại sự tươi trẻ, Ngài mặc khải cho ông bí mật về một cuộc sinh hạ mới và một sự sống vốn không già nua. Với đám đông đã no nê với bánh Ngài ban, Ngài đề xuất một của ăn không hư nát, một loại bánh hằng sống sẽ cho họ không bao giờ đói nữa. Với hai chị em Matta và Maria, quá ưu sầu trước sự mất mát cậu em Lazarô, những ước mơ một sự sống khi các tương quan mật thiết nhất sẽ không bao giờ bị cắt đứt, Đức Giêsu giúp họ nhận ra rằng, trong Ngài, có một sức sống vốn có thể vượt qua cái chết và sức huỷ diệt của nó.

Tất một lời, sự sống mà Ngài nắm giữ bí mật được Ngài trình bày như một sự viên mãn đầy sức sống giúp con người kiện toàn chính mình một cách không tương bằng cách làm cho nó thông dự vào niềm vui sống sự sống thần linh.

Vậy, sự viên mãn này là gì? Làm sao định rõ tính chất của nó? Chúng ta biết gì về chủ đề này trong Tin Mừng Gioan? “Sự sống đã được tỏ bày... sự sống ấy vẫn hướng về Chúa Cha...” (1Ga 1, 2). Cần chú tâm xem xét mặc khải này xuyên suốt Tin Mừng Gioan, trong đó ông kể lại. Hãy dừng lại cách đặc biệt hơn ở những điểm sau:

- Sự sống thần linh và khát vọng của con người.
- Mặc khải bữa tiệc Agapê.
- “Chúng tôi đã chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài”.
- Một trải nghiệm niềm hiệp thông.

Sự sống thần linh và khát vọng của con người

Chúng ta đã nêu lên rằng: Để mở tâm hồn những người nghe trước quà tặng sự sống thần linh, Đức Giêsu dựa trên khát vọng sống sâu xa trong mỗi người. Ngài khởi đi từ việc *muốn sống*, từ khát vọng sống này. Không hề bóp nghẹt, Ngài khơi gợi và cổ vũ nó! “Hỡi những ai đang khát, hãy đến cùng tôi, và hãy uống...” (Ga 7, 37). Có điều cần lưu ý ở đây: Đức Giêsu không nói với những người hiểu biết, những đầu óc thuần khiết, nhưng nói với

những người sống, những người ước ao sống một sự sống sung mãn hơn, cao cả hơn. Chính ở chiều sâu này mà Đức Giêsu liên kết với con người. Tin Mừng Gioan giúp chúng ta chứng kiến một cuộc gặp gỡ đáng ngạc nhiên: sự sống ẩn giấu, sự sống siêu việt của Thiên Chúa tương giao với sự sống xác thịt và ước muốn của con người. Nhờ sự tỏ mình của sự sống này, con người nhận biết và khát khao sự sống ấy.

Chính bởi Ngài mà sự kiện này được tỏ rõ, một sự kiện đáng cho chúng ta dừng lại. Sự sống thần linh Đức Giêsu đến mặc khải và đề nghị chắc chắn trỗi vượt trên mọi khả năng của con người: nó chỉ có thể được trao ban theo một cách thức tặng không. Tuy nhiên, cần phải nhìn thấy ở đó, nghĩa là giữa khát vọng sống trong tâm hồn của mọi người và quà tặng sự sống thần linh, một mối tương quan ẩn giấu, sâu sắc, một sự tiếp tay trước nhất. Tốt hơn nữa là: một *liên minh*.

Theo Gioan, sự *liên minh* này tìm lên lại nơi khởi đầu. Liên minh ăn rễ trong động thái tạo dựng. Sự sống đang hoạt động trong Ngôi Lời tác tạo đã là “ánh sáng cho nhân loại” (Ga 1, 4b). Được tạo thành vì sự sống này, con người được định liệu để sống sự sống thần linh. Như thế, sứ vụ lịch sử của Đức Giêsu được tỏ rõ. Ngôi Lời mặc lấy xác phàm để thông ban cho chúng ta sự sống thần linh chính là Ngôi Lời tác tạo, Ngôi Lời sự sống, “Nơi Ngài là sự sống, và sự sống là ánh sáng cho nhân loại” (Ga 1, 4). Ngài đến trong thế gian này để hoàn tất công trình của Ngài, hoàn thành ý định tác tạo lớn lao của Ngài, một ý định thiết yếu là trao ban sự sống.

Từ lúc khởi đầu, con người được tiền định để sống sự sống thần linh, trong đó, nó tìm thấy việc kiện toàn chính mình. Ngay từ đầu, nhân tính của con người hướng đến sự sống sung mãn này đang khi chờ đợi vẻ huy hoàng của ngày thứ bảy. Điều này giải thích chiều sâu khát vọng sống trong con người. Trong niềm khát khao này, có một sức bật, một sự thôi thúc phát xuất từ hành vi sáng tạo mà không gì có thể làm nguôi ngoai; sức bật này luôn đẩy con người đi xa hơn, cao hơn khi tìm kiếm khát vọng sống cũng là khi được no đầy ánh sáng. Thánh Augustinô viết, “Chúa dựng nên chúng con cho Chúa, và tâm hồn chúng con thôn thức cho đến khi được yên nghỉ trong Chúa”.

Sứ vụ của Ngôi Lời nhập thể là mang cho con người sự sống sung mãn này, một sự sống mà vì nó, con người được tiền định từ đời đời. Khi thực hiện điều này, Ngài mặc khải cho con người điều làm nó nên người cách trọn vẹn và nên người cách thực sự. Ngài giúp con người khám phá chiều sâu của hữu thể mình. Qua việc đến thế gian, “Ngài là ánh sáng thật chiếu soi mọi người” (Ga 1, 9).

Vậy thì chẳng có gì là nhân tạo khi lời mời gọi của Đức Giêsu chạm tới khát vọng sống trong tâm hồn mỗi người. Lời mời gọi này ngổ lời với điều căn bản nhất, tận căn nhất nơi con người.

Mặc khải bữa tiệc Agapê

Cùng lúc khám phá nơi con người chiều kích sâu xa của hữu thể, Ngôi Lời nhập thể mặc khải cho nó màu

nhiệm sâu kín của Thiên Chúa. Việc Con Thiên Chúa đến trong xác phàm của chúng ta vén mở bí mật của Ngài: nó biểu lộ sự sống ẩn giấu trong cung lòng Chúa Cha.

Trong Tin Mừng Gioan, Đức Giêsu tỏ ra như Người Con được Chúa Cha sai đến thế gian để thông truyền cho con người sự sống thần linh. Chính Ngài là quà tặng của Thiên Chúa. Trong Ngài, Thiên Chúa tự hiển sự sống sung mãn. Như thế, việc Con Thiên Chúa đến thế gian mặc khải một tình yêu siêu việt, “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một...” (Ga 3, 16). “Tình yêu thương của Thiên Chúa thể hiện ở điều này: Thiên Chúa đã sai Con Một xuống thế gian để nhờ Ngài mà chúng ta được sống” (1Ga 4, 9). Tình yêu này ở tận cội nguồn mọi sự. Không gì vượt trước nó, không gì hối thúc nó. Nó tuyệt đối đầu tiên và tuyệt đối cho không. Tình yêu đó đã có ngay từ đầu. Chính nhờ nó mà có một khởi đầu. Từ tình yêu này vọt ra ý định sự sống lớn lao của Chúa Cha.

Nhưng đây là đỉnh cao của mặc khải: cùng lúc tình yêu khởi nguyên của Thiên Chúa tỏ ra cho con người, thì Chúa Con, quà tặng cho trần gian lại dẫn chúng ta vào chính cốt lõi đời sống nghĩa thiết của Thiên Chúa. Vì thế, việc nhập thể không hiển dâng cho Thiên Chúa một Người Con, nhưng là mặc khải cho thế gian Người Con vĩnh cửu. Việc nhập thể giúp con người nhận ra Thiên Chúa có một đời sống tương quan: một thông hiệp sự sống, thiết yếu, vĩnh cửu và vô cùng. Vì thế, Thiên Chúa là mẫu nhiệm tình yêu trong chính mình, không chỉ đối với chúng ta, nhưng còn trong sự tuyệt đối của Người. Tình yêu là chính hữu thể của Người, đời sống, vinh quang của Người. Tất cả ý định của Thiên Chúa khi sai Con mình đến thế gian, là để ban cho con người khả năng đi vào

mâu nhiệm tình yêu của riêng Người, để con người cũng cảm nếm niềm vui sống thần linh lớn lao.

Gioan đã kể lại mặc khải lạ lùng này xuyên suốt Tin Mừng của mình. Gioan giúp chúng ta nhận ra mặc khải trong quá trình sống của Đức Giêsu: những lần gặp gỡ, những cuộc chuyện trò và những hành động của Ngài. Sự sống đời đời, ẩn giấu nơi Chúa Cha, được biểu lộ trên mảnh đất của chúng ta trong nhân tính Con Thiên Chúa và hoàn toàn đặc biệt trong quà tặng mà Con Thiên Chúa đã làm từ cuộc sống nhân loại của riêng Ngài. Bằng cách tự hiến, Đức Giêsu mặc khải cho thế gian quà tặng của Thiên Chúa trong sự viên mãn của Ngài.

Cho nên, với cái nhìn của Gioan, chính trong cái chết của Đức Giêsu mà việc mặc khải sự sống thần linh lên đến cực điểm. Chính trên thập giá, Gioan nhìn thấy sự mặc khải đó chiếu toả tất cả vẻ rạng ngời của nó, “Không có tình yêu nào cao trọng hơn tình yêu của việc hiến dâng mạng sống vì bạn hữu của mình”, Đức Giêsu nói (Ga 15, 13). Theo Gioan, Đức Giêsu không chịu đựng cuộc thương khó và cái chết của mình. Những đau khổ này không được áp đặt cho Ngài từ bên ngoài cách thuận tuý và đơn giản như một điều gì đó không thể tránh khỏi. Không ai tước đoạt mạng sống Ngài được. Ngài tự do hiến mạng sống mình. Đó là một hành vi hoàn toàn thuộc sáng kiến của Ngài, Ngài nói, “Chúa Cha yêu mến tôi, vì tôi hiến mạng sống mình để rồi lấy lại. Không ai lấy mạng sống của tôi được, nhưng tôi trao ban mạng sống đó từ chính mình. Tôi có quyền cho đi và có quyền lấy lại...” (Ga 10, 17-18). Sự kiện Đức Giêsu có thể lấy lại mạng

sống mình bằng cách sống lại cho thấy tự do tối thượng mà Ngài đã sử dụng cũng như hiến trao.

Trong bốn tác giả Tin Mừng, chắc chắn Gioan là người đã làm nổi bật hơn hết sự tự do của Đức Giêsu trong việc trao ban mạng sống. Sự tự do này được khẳng định nhiều lần, “Bánh tôi sẽ ban chính là thịt tôi để cho thế gian được sống” (Ga 6, 51); “Mục tử nhân lành hiến dâng mạng sống vì đoàn chiên của mình... Tôi là mục tử nhân lành và tôi hiến dâng mạng sống vì đoàn chiên của tôi...” (Ga 10, 11-15).

Khi hiến dâng mạng sống mình cách tự do và quảng đại, Đức Giêsu mặc khải cho thế gian sự sống sung mãn Chúa Cha đã thông ban cho Ngài và Ngài có sứ mạng thông truyền sự sống đó cho thế gian. Cả mạng sống được trao ban của Ngài trở nên dấu chỉ hữu hình của quà tặng vô hình, sự sống thần linh. Trong dấu chỉ này, vinh quang Thiên Chúa tỏ rạng không khác gì một mẫu nhiệm tình yêu. Sự sống của Thiên Chúa thì hoàn toàn là Agapê: thông ban chính mình, cho đi chính mình.

Từ đó, không gì phải ngạc nhiên khi trong Tin Mừng Gioan, từ các lời nguyện của mình, Đức Giêsu gọi giờ Con Người được tôn vinh cũng là giờ Chúa Cha được tôn vinh trong Ngài (Ga 12, 23; 17, 1). Không phải Đức Giêsu vô cảm trước sự ghê rợn của nhục hình đang chờ đợi mình, nhưng vượt trên sự rối loạn gây ra cho Ngài, Ngài nhìn thấy trong cái chết của mình đỉnh cao sự sống và sứ vụ của Ngài, “Bây giờ tâm hồn Thầy xao xuyến! Thầy biết nói gì đây? Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này, nhưng chính vì giờ này mà con đã đến. Lạy Cha, xin tôn

vinh danh Cha...” (Ga 12, 27-28). Vì thế, giờ này là giờ khi Đức Giêsu, hiến trao chính mình, biểu lộ bí mật sự sống thần linh và làm cho nó toả chiếu trong vẻ huy hoàng toàn vẹn của nó. Bí mật này, vẻ huy hoàng này, là Agapê.

Cuộc phục sinh của Đức Giêsu sẽ đóng một dấu ấn xác thực cho mặc khải này. Nó chứng thực rằng, sự sống trao ban trên thập giá quả là sự sống thần linh được thông truyền cho thế gian: một sự sống mạnh mẽ hơn cả quyền lực sự chết. Phục sinh, trong ánh sáng này, là sự hiển té Agapê, như vinh quang thiết yếu của Thiên Chúa và bí mật của sự sống thần linh.

“Chúng tôi đã chiêm ngưỡng vinh quang Ngài”.

Một khi chúng ta đến gần mâu nhiệm Đức Giêsu trong tương quan với khát vọng sống của mình, Gioan mời gọi mỗi người dừng lại một lúc để chiêm ngắm. Gioan thực hiện điều đó bằng cách thuật cho chúng ta một sự kiện mà chỉ mình ông lưu ý. Gioan nói đến một nhất giáo. Rất nhiều giải thích và chi tiết mà ông đưa ra cho thấy tầm quan trọng tác giả gán cho sự kiện này và ý nghĩa sâu xa ông nhìn thấy.

Đức Giêsu, bị đóng đinh với hai tử tội khác vừa mới trút hơi thở, “Hôm đó là ngày áp lễ, người Do Thái không muốn để xác chết trên thập giá trong ngày sabat, mà ngày sabat đó lại là ngày lễ lớn. Vì thế họ xin ông Philatô cho đánh giập ống chân những người bị đóng đinh và lấy xác xuống. Quân lính đến, đánh giập ống chân người thứ nhất và người thứ hai cùng bị đóng đinh với

Đức Giêsu. Khi đến gần Đức Giêsu và thấy Ngài đã chết, họ không đánh giập ống chân Ngài. Nhưng một người lính lấy giáo đâm vào cạnh sườn Ngài. Tức thì, máu cùng nước chảy ra” (Ga 19, 31-34).

Sự kiện là thế. Gioan thêm vào, “Người xem thấy việc này làm chứng, và chứng của người ấy xác thực; và người ấy biết mình nói sự thật để cho cả anh em nữa cũng tin. Các việc này đã xảy ra để ứng nghiệm lời Thánh Kinh: không một khúc xương nào của Ngài sẽ bị đánh giập. Lại có lời Thánh Kinh khác: họ sẽ nhìn lên Đấng họ đã đâm thấu” (Ga 19, 35-37).

Kết thúc trình thuật của mình bằng việc trích dẫn Thánh Kinh, Gioan mời người đọc chiêm ngưỡng ở đây Đấng trao ban chính mình là quà tặng sung mãn. Vì chính Ngài là Chiên vượt qua được viết trong sách Xuất Hành, “Anh em sẽ không đánh vỡ khúc xương nào của chiên” (Xh 12, 46). Việc chiêm ngưỡng Gioan mời gọi ở đây không phải là chiêm ngưỡng quân lính công bố cách đơn giản cái chết của Đức Giêsu; Gioan nhìn sự việc hoàn toàn khác, một sự bay bổng hoàn toàn khác biệt. Thật vậy, ở đây, Gioan cho thấy một cách nhìn riêng, một cái nhìn phục sinh. Đó là cái nhìn của người môn đệ thấy và tin. “Kẻ đã thấy làm chứng... để anh em cũng tin”. Ông đề cập một “cái nhìn” mở ra trong “niềm tin”. Điều Gioan thấy trong sự kiện này trỗi vượt sự kiện thuần túy. Việc nhìn thấy này được biến đổi trong đức tin vượt quá thời gian. Đó là sự chiêm ngắm, nơi mà niềm khát khao bao ngày vén mở lịch sử nhân loại; một niềm khát khao nay học biết cách thốt lên: “Ngày hôm nay”.

Như thế, ở đây, chúng ta đang ở ngọn nguồn sự sống. Lưỡi đồng hoàn tất việc làm vọt ra những nguồn sống vô cùng lớn lao. Giờ đây, chỉ cần nhìn Đấng mà họ đâm thấu; ở đó, bí mật sự sống thần linh được vén mở để khám phá. Có thể nói, trời mở ra. Máu và nước chảy ra từ cạnh sườn bị đâm thấu không chỉ là bằng chứng sinh học không thể bàn cãi về cái chết của Đức Giêsu; với Gioan, chúng có một ý nghĩa khác. Chúng tượng trưng cho sự sống thần linh vốn không gì giữ lại hay che giấu được nữa. Chúng xác nhận rõ ràng rằng, Đức Giêsu đã trao ban sự sống của mình khi trút Thần Khí. Ngài không chỉ trả lại hơi thở sau cùng nhưng còn thông truyền cho thế gian Thần Khí là sự sống và làm cho sống, Thần Khí Chúa Cha đã ban cho Ngài cách vô lượng.

Thật vậy, đối với tác giả Tin Mừng, máu và nước ít chứng thực cái chết của Đức Giêsu hơn là sự sống Ngài thông ban cho thế gian. Chúng biểu lộ sức mạnh của một sự sống được khẳng định vọt ra trong chính sự chết. Một sức mạnh còn mạnh mẽ hơn cả sự chết và trong sự chết, vinh quang của Con Người tỏ rạng.

“Chúng tôi đã chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài”, Gioan viết trong lời tựa. Chính dưới chân thập giá, việc chiêm ngắm này được thực hiện. Giờ chết của Đức Giêsu, giờ Ngài trút Thần Khí, giờ máu và nước chảy ra từ cạnh sườn cũng là giờ vinh quang Thiên Chúa được trao ban để con người chiêm ngắm những chiều kích sâu thẳm của nó. Ở đây, sự sống chỉ nên một với sức mạnh của một tình yêu hiến trao không dè giữ. Ai không bao giờ phóng tầm nhìn vào vực thẳm này không thể biết Thiên Chúa là ai. “Không ai thấy Thiên Chúa bao giờ; Con Một, nơi

cung lòng Chúa Cha, làm cho họ nhận biết Ngài” bằng cách trao ban chính mình.

Giờ này quả thực là giờ Đức Giêsu đã công bố cho Nathanael và các môn đệ đầu tiên, “Anh em sẽ thấy tầng trời mở ra và các thiên thần của Thiên Chúa lên xuống trên Con Người” (Ga 1, 51). “Khi các người treo Con Người lên, lúc ấy các người sẽ biết Tôi Hằng Hữu” (Ga 8, 28).

Đó là giờ hoàn tất điều Đức Giêsu đề cho Nicôđêmô thoáng thấy, “Như Môisen đã treo con rắn trong sa mạc thế nào, thì Con Người cũng phải treo lên như vậy để ai tin vào Ngài thì nhờ Ngài mà có sự sống đời đời” (Ga 3, 14-15).

Đó là giờ Đức Giêsu hứa với người phụ nữ Samaria, “Giờ đã đến - và chính là lúc này đây - giờ những người thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Chúa Cha trong thần khí và sự thật” (Ga 4, 23). Vì việc thờ phượng đích thực chỉ có ở nơi Thần Khí được trao ban. Duy Thần Khí là chân lý, chỉ Thần Khí mới dạy chúng ta thưa lên “Abba, Cha ơi”.

Đó là giờ thực hiện lời hứa ban nước hằng sống, “Ai uống nước tôi cho sẽ không bao giờ khát nữa, và nước tôi cho sẽ trở thành nơi người ấy một mạch nước vọt lên đem lại sự sống đời đời” (Ga 4, 14). “Ai khát, hãy đến với tôi, ai tin vào tôi, hãy đến và uống! Như Thánh Kinh đã nói: từ lòng Ngài, sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống” (Ga 7, 37-38). Gioan nói rõ, “Đức Giêsu muốn nói về Thần Khí mà những kẻ tin vào Ngài sẽ lãnh nhận. Thật

thế, bây giờ họ chưa nhận được Thần Khí, vì Đức Giêsu chưa được tôn vinh” (Ga 7, 39). Nhưng nay giờ đã đến: Thần Khí được trao ban và Con Người được tôn vinh trong năng lực sự sống vọt ra từ sự chết của Ngài.

Đó là giờ nước hoá thành rượu lai láng say ngất tuôn chảy thành dòng cho niềm vui của những ai được mời tham dự tiệc cưới Con Chiên, Con Chiên không gặp một chiếc xương nào.

Đó cũng là giờ hạt lúa mì rơi xuống đất không trọt một mình, nhưng trở sinh nhiều hoa trái. Giờ của hoa trái mong đợi mà niềm khát khao xa xưa của con người đã từng ước mơ, “Ngày mà các người ăn thứ trái này, mắt các người sẽ mở ra và các người sẽ nên giống các thân linh” (St 3, 5).

Quả thực, đó là giờ mà mắt của người mù từ lúc mới sinh mở ra, thấy và tin; lúc mắt phải loá lên vì ánh sáng. Giờ mà sự sống chiếu toả toàn bộ ánh sáng. Vâng, đó đúng là giờ mà niềm khát khao bao ngày học cách thốt lên, “Ngày hôm nay!”.

Vinh quang của Thiên Chúa chiếu toả trong sự sống này, một sự sống không biết dành riêng cho chính mình vì nó trao ban và thông truyền hoàn toàn. Tất một lời, nó là Agapê. Vinh quang Thiên Chúa không gì khác hơn là sự rạng rỡ của Agapê. Gioan đã thấy, đã chiêm ngưỡng ánh huy hoàng này trong cái chết của Đức Giêsu trên thập giá, và ông đã choáng ngợp vì nó. Ông đã thấy ánh sáng loé lên trong bóng tối. Sự sống từ lúc khởi đầu

quy hướng về Chúa Cha được mặc khải vào giờ đó. Sự sống này quả thực là “ánh sáng cho nhân loại”.

Một trải nghiệm hiệp thông

Đức Giêsu đã hoàn tất sứ vụ của mình. Thần Khí, Hơi Thở sự sống, được trao ban. Tất cả được hoàn tất. Tuy nhiên, mọi sự lại bắt đầu. Với Thần Khí, sự sống tuôn trào. Sự sống đầy quyền năng và sáng tạo trong Đức Kitô phục sinh, Đấng sống lại đầu tiên hoàn toàn bị xâm chiếm và biến đổi như mới bởi Thần Khí. Sự sống Đức Giêsu có sứ vụ thông truyền, được trao ban và tuôn trào ở đây, trong sự viên mãn mạnh mẽ trẻ trung của nó. Từ đây, mọi người có thể cảm nghiệm sự sống vĩnh cửu trong cuộc sống hiện tại của mình. Một cách thiết yếu, đó là một cảm nghiệm về sự hiệp thông. Sau khi cho thấy sự sống thần linh hoàn toàn là việc trao ban chính mình, Agapê, Tin Mừng Gioan cũng chỉ cho thấy sự sống này căn bản là một sự hiệp thông. Hiệp thông trong tình yêu.

Trong Tin Mừng Gioan, trải nghiệm hiệp thông này phân lớn hướng đến cuộc trò chuyện cuối cùng giữa Đức Giêsu và các môn đệ; nó cũng là trọng tâm của lời khẩn nguyện mà Đức Giêsu dâng lên Chúa Cha trước khi Ngài rời bỏ thế gian.

Trong suốt cuộc trò chuyện cuối cùng, Đức Giêsu dùng lại thuật phúng dụ thánh kinh về vườn nho, nhấn mạnh mối tương quan sống động phải có giữa Ngài và các môn đệ, để sự sống Thiên Chúa trở sinh hoa trái trong họ. Hoa trái này không gì khác hơn là hiệp thông với Chúa

Cha, một sự hiệp thông vốn phải kéo theo sự hiệp nhất tuyệt hảo chính giữa các môn đệ.

Trong Thánh Kinh, hình ảnh vườn nho được sử dụng để gọi lên những mối tương quan ưu tiên của Thiên Chúa với dân Ngài, “Vườn nho Thiên Chúa là nhà Israel” (Is 5, 7). Đức Giêsu lấy lại hình ảnh này theo ý mình, “Thầy là cây nho thật và Cha Thầy là người trồng nho” (Ga 15, 1). Vườn nho là gia sản của Chúa Cha, là công trình của Người. Chính Người đã ươm trồng nó. Nó là mục tiêu chăm sóc của Người. Người cắt tỉa, chăm bón vì Người chờ đợi hoa trái của nó.

“Cành nào gắn liền với Thầy
mà không sinh hoa trái,
thì Người chặt đi;
còn cành nào sinh hoa trái,
thì Người cắt tỉa
cho nó sinh nhiều hoa trái hơn...” (Ga 15, 2).

Trong hoạt động này, toàn bộ công trình sáng tạo được gọi lên ở đây. Hình ảnh Chúa Cha canh tác vườn nho của mình vang vọng ngay từ đầu lời tựa; hình ảnh này cho thấy toàn bộ sáng tạo đều hướng đến việc thông truyền và mặc khải sự sống Thiên Chúa. Phép phúng dụ về vườn nho vì thế, sẽ minh họa mở đầu của lời tựa:

“Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành,
và không có Ngài,
thì chẳng có gì được tạo thành.
Điều được tạo thành nơi Ngài là sự sống,
và sự sống

là ánh sáng cho nhân loại...” (Ga 1, 3-4).

Công trình sáng tạo tuân theo ý định sự sống vốn được diễn đạt trọn vẹn trong Đấng ví mình như là cây nho của Chúa Cha. Sự sống Thiên Chúa cư ngụ tràn đầy và chiếu toả trong nhân tính của Ngài. Ngài là hoa trái xinh đẹp nhất đầu tiên của toàn bộ công trình tạo dựng. Thánh Phanxicô thành Sales viết, chính “vì hoa trái đáng mong đợi này, mà vườn nho của cả vũ trụ được uơm trồng”¹¹.

Nếu hình ảnh cây nho được đặt trong ánh sáng tương quan mật thiết, sống động liên kết Đức Giêsu với Chúa Cha trong ý định sự sống của Người, thì đồng thời, cũng làm nổi bật sự cần thiết tuyệt đối trong việc người môn đệ kết hợp mật thiết với Thầy mình. Như thế, chính Đức Giêsu đón nhận trực tiếp từ Chúa Cha sự sống thần linh sung mãn. Chính từ Ngài, và từ chỉ mình Ngài, dòng chảy sự sống có thể được thông chuyển. Đó là lý do tại sao Ngài luôn đòi hỏi các môn đệ liên kết với Ngài và sống trong mối hiệp thông thiết thân với Ngài:

“Hãy ở lại trong Thầy
như Thầy ở lại trong anh em.
Cũng như cành nho không thể
tự mình sinh hoa trái,
nếu không gắn liền với cây nho;
anh em cũng thế,
nếu không ở lại trong Thầy.
Thầy là cây nho, anh em là cành.
Ai ở lại trong Thầy

¹¹ François de Sales, *Traité de l'amour de Dieu*, livre II, chap. 5.

và Thầy ở lại trong người ấy,
thì người ấy sinh nhiều hoa trái,
và không có Thầy,
anh em chẳng làm gì được.
Ai không ở lại trong Thầy,
thì bị quăng ra ngoài như cành nho
và sẽ khô héo.
Người ta nhặt lấy,
quăng vào lửa cho nó cháy đi” (Ga 15, 4-6).

Toàn bộ khai triển này nhấn mạnh đặc biệt tính cách nổi bật của mối tương quan liên kết các môn đệ với con người sống động của Đức Giêsu. Tương quan này càng chặt chẽ, sự sống thần linh sung mãn trong Đức Giêsu càng được thông ban đầy đầy cho người môn đệ như nhựa sống từ gốc chuyển lên ngọn ngành để trở sinh hoa trái. Đó là hoa trái, qua phẩm chất và sự dồi dào của nó, thể hiện sự phong nhiêu của sự sống. Đó là lý do tại sao Đức Giêsu nói thêm rằng, “Vinh quang của Cha Thầy thể hiện ở chỗ anh em sinh nhiều hoa trái và trở nên môn đệ của Thầy” (Ga 15, 8). “Vinh quang Thiên Chúa, thánh Irênê viết, là con người sống”: con người sống sự sống của chính Thiên Chúa, trong đó, sự sống Thiên Chúa được biểu lộ bằng việc con người sinh hoa trái.

Và hoa trái này là gì? Bỏ lửng dụ ngôn cây nho, Đức Giêsu tiếp tục diễn từ của mình bằng cách tuyên bố rõ ràng rằng, sự sống Ngài nhận từ Chúa Cha hoàn toàn là tình yêu; hoa trái của sự sống này chỉ có thể là hiệp thông trong tình yêu:

“Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào,

Thầy cũng yêu mến anh em như vậy.
Anh em hãy ở lại
trong tình thương của Thầy.
Nếu anh em giữ các điều răn của Thầy,
anh em sẽ ở lại
trong tình thương của Thầy,
như Thầy đã giữ các điều răn
của Cha Thầy và ở lại
trong tình thương của Ngài” (Ga 15, 9-10).
[...]
“Đây là điều răn của Thầy,
anh em hãy yêu thương nhau
như Thầy đã yêu thương anh em...” (Ga 15, 12).

Như thế, hoa trái sự sống thần linh được thông ban cho con người trong Đức Giêsu là sự hiệp thông trong tình yêu. Sự sống đến từ Chúa Cha qua Đức Giêsu được thể hiện nơi các môn đệ bằng cách xây dựng giữa họ một sự hiệp thông giống với sự hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Thiên Chúa thông ban cho chúng ta sự sống của Người bằng cách làm cho chúng ta yêu mến như Người yêu mến. M. Bellet viết, “Trong tình yêu đối với chúng ta, Thiên Chúa không thêm gì vào đó cả, Người tỏ mình ở đó”¹².

“Người tỏ mình ở đó”. Quả thế, trong sự hiệp thông này, lời hứa của Đức Giêsu được thực hiện:

“Ai có và giữ các điều răn của Thầy,
người ấy mới là kẻ yêu mến Thầy.

¹² M. Bellet, *Incipit ou le Commencement*, Desclée de Brouwer, p. 55.

Mà ai yêu mến Thầy,
thì sẽ được Cha của Thầy yêu mến.
Thầy sẽ yêu mến người ấy,
và sẽ tỏ mình ra cho người ấy” (Ga 14, 21).

“... Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy.
Cha của Thầy và Thầy sẽ đến
và ở lại với người ấy” (Ga 14, 23).

Thật ra, sự hiệp thông của các môn đệ trong tình yêu hỗ tương không gì khác hơn chính là sự hiệp thông Ba Ngôi mở ra cho họ và thể hiện trong họ. Điều này được sáng tỏ trong lời cầu nguyện Đức Giêsu dâng lên Chúa Cha trước khi từ giã cõi đời. Ước mong thiết tha nhất, cháy bỏng nhất của Ngài là mối hiệp nhất tồn tại giữa Chúa Cha và Ngài được hun đúc giữa tất cả các môn đệ:

“Con không chỉ cầu xin
cho những người này,
nhưng còn cho những ai
nhờ lời họ mà tin vào con,
để tất cả nên một.
Như vậy, lạy Cha,
Cha ở trong con và con ở trong Cha
để họ ở trong chúng ta.
Như vậy, thế gian sẽ tin rằng
Cha đã sai con” (Ga 17, 20-21).

Như vậy, Đức Giêsu cầu xin Chúa Cha cho chúng ta sống trong hiệp nhất. Nhưng không phải trong bất kỳ sự hiệp nhất nào, Ngài nói đến sự hiệp nhất theo hình ảnh hiệp nhất tồn tại giữa Ngài và Chúa Cha trong Chúa

Thánh Thần. Sự sống thần linh là sự hiệp thông hoàn toàn chỉ có thể được thông truyền bằng cách kiên tạo giữa chúng ta một sự hiệp thông theo khuôn mẫu hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Thực ra, cả hai chỉ là một. Chúng ta được mời gọi đi vào sự hiệp thông Ba Ngôi duy nhất, từ đó, tạo nên cộng đồng các môn đệ và sự hiệp nhất trong cộng đoàn đó. Vâng, trong tình yêu đối với chúng ta, Thiên Chúa không thêm gì vào, Người chỉ tỏ mình trong đó.

Như vậy, để hiện thực hóa và biểu lộ sự hiệp thông ấy, mỗi người chúng ta được mời gọi sống mẫu nhiệm hiệp thông Ba Ngôi trong mọi tương quan nhân loại của mình. Sống sự sống thần linh là sống trong chính cung lòng sự hiệp thông Ba Ngôi. Hiệp nhất với Thiên Chúa, chúng ta sống kinh nghiệm hiệp thông này khi mở lòng ra với mọi anh chị em.

Một ý tưởng lớn cũng là ý tưởng chủ lực của toàn bộ Tin Mừng Gioan nảy sinh ở đây: sự sống từ ban đầu nơi cung lòng Chúa Cha được biểu lộ trong lịch sử của chúng ta; sự sống đó biểu lộ bằng cách tự thông truyền trong Người Con yêu dấu đã đến trong xác phàm của chúng ta; sự sống đó tỏ hiện chính trong nội tại của Ngài như một sự thông hiệp trong tình yêu.

Đó là một mặc khải mà tâm hồn con người không thể với tới, một mặc khải mà con người chưa bao giờ hoàn thành công việc dò thấu chiều kích sâu xa cũng như đo lường được năng lực sáng tạo của nó cho chính bản tính nhân loại của mình. Thiên Chúa của Đức Giêsu Kitô, Đấng Ngài gọi là Cha, không vì thế mà trở nên một Thiên

Chúa đơn độc. Người là một mẫu nhiệm hiệp thông trong tình yêu. Tình yêu luôn hướng đến một tình yêu khác, tương giao với tình yêu khác. Thiên Chúa sống tình yêu này cách sung mãn từ đời đời. Trước hết, Người là Cha. Người là Cha trong sự thông truyền vô cùng sự sống của mình cho Người Con vĩnh cửu, Ngôi Lời của Người. Mẫu nhiệm vĩnh cửu này, Chúa Cha đã mặc khải cho chúng ta khi ban Con Một cho thế gian. Khi thực hiện điều này, Thiên Chúa cũng muốn chia sẻ cho chúng ta, Người muốn mọi thọ tạo thông phần sự sống của Người trong Người Con yêu dấu. Nói đúng ra, chính vì điều này mà Người đã tác tạo chúng ta. Sự sống thần linh này được trao ban cho chúng ta cách nhưng không như một hơi thở sáng tạo của sự hiệp thông giữa chúng ta với Thiên Chúa trong Người Con Một. Đức Giêsu có thể nói lên sự thật đó:

“Con đã ban cho họ vinh quang
mà Cha đã ban cho con,
để họ được nên một
như chúng ta là một:
Con ở trong họ và Cha ở trong con,
để họ được hoàn toàn nên một;
Như vậy, thế gian sẽ nhận biết
là chính Cha đã sai con
và đã yêu thương họ
như đã yêu thương con” (17, 22-23).

Xuyên suốt giáo huấn của Ngài và trong những cuộc gặp gỡ khác nhau, chúng ta thấy Đức Giêsu không ngừng trình bày sự sống thần linh mà Ngài có sứ mạng mặc khải như một thực tại vô cùng đáng ước mong. Phát xuất từ sự hiệp thông đích thực với Chúa Cha và hiệp

thông giữa những con người, như thế, chỉ sự sống thần linh này mới có thể thoả mãn khát vọng sống sâu xa trong con người. Không hề áp đặt cuộc sống nhân loại của chúng ta, sự sống này nâng cao nó, thoả mãn và hoàn tất nó bằng cách ban cho nó một ý nghĩa và một tương lai. Theo cách nói của Gioan trong lời tựa, sự sống này đích thực là “ánh sáng cho nhân loại” (Ga 1, 4). Ánh sáng soi dẫn cho con người biết mình là gì và làm thế nào để sống thiên chức đó.

Được tác tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, con người thực ra cũng là một hữu thể tương quan như Thiên Chúa nên chỉ có thể kiện toàn chính mình, hoàn tất chính mình trong tương quan. Nhưng không phải trong bất kỳ tương quan nào. Rất thông thường, tương quan của con người mang tính chiếm hữu hoặc thống trị. Nó tìm cách sử dụng người khác, bắt người khác từng phục vụ quan điểm, tham vọng hay lợi ích của mình. Nó tìm cách chiêu dụ và thôn tính người khác. Một tương quan như thế sẽ không chấp nhận người khác là chính họ. Nó hủy diệt người khác. Từ đó, nó chỉ là nguồn mạch mọi xung đột và chia cắt.

Con người chỉ có thể kiện toàn chính mình trong một tương quan vốn hướng đến việc nhận biết người khác, qua đó, đến với một sự hiệp thông đích thực theo hình ảnh của mối hiệp thông Ba Ngôi. Một sự hiệp thông mà ở đó, mỗi người được nhìn nhận, đón nhận, và chào đón trong sự hiệp nhất. Không hề phủ nhận tính cách riêng biệt của từng cá vị, sự hiệp thông này xây dựng và làm triển nở tất cả các cá vị trong sự thật của mỗi người bằng cách giúp họ mở lòng ra cho nhau. Một sự hiệp thông như thế luôn luôn mang tính sáng tạo của một *cái tôi* trong sự hiệp nhất với

cái *chúng ta*. Đó mới thực sự là hiệp thông các cá vị, một hiệp thông cá vị hóa, “Nhu Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, ước gì họ nên một với chúng ta” (Ga 17, 21).

Sự hiệp thông này kiện toàn con người bằng cách đưa nó vào trong sự hiệp thông Ba Ngôi. Hiệp thông này chỉ có thể là công trình của Chúa Thánh Thần, của hơi thở sự sống mà Đức Giêsu đã thông truyền cho thế gian qua sự chết và phục sinh của Ngài.

Như thế, hiệp thông Ba Ngôi tỏ ra như một cực, một kim chỉ nam của ý định sự sống cao cả mà Đức Giêsu đến mạc khải và thực hiện trên thế gian này. Đó là hơi thở sự sống mà Đức Giêsu có sứ mạng thông truyền phải hướng đến. Sự hiệp thông này là chìa khóa mở ra sự sống đời đời Đức Giêsu trao ban cho chúng ta hôm nay trong lịch sử. Sự hiệp thông này là bí mật, cùng lúc, chiếu soi cuộc sống làm người của chúng ta cũng như mạc cho nó một ý nghĩa. Đó là sự sống viên mãn mà niềm khát khao của con người hướng đến ngay từ thuở hồng hoang.

Chương 2

Niềm Vui Còn Mãi

*“Ước gì niềm vui của Thầy
ở trong anh em” (Ga 15, 11).*

Không ai có thể sống nếu không có niềm vui. Sống có là gì nếu không có niềm vui? Khi đem sự sống cho trần gian, sự sống mà Ngài giữ bí quyết, Đức Giêsu còn muốn thông ban cho thế gian niềm vui, niềm vui của Ngài, niềm vui sống thân linh: niềm vui sống trong sự hiệp thông với Chúa Cha. “Và niềm vui của anh em, không ai lấy mất được”, Đức Giêsu nói với các môn đệ (Ga 16, 22). Như thế, Tin Mừng Gioan, nhất thiết là Tin Mừng sự sống cũng là Tin Mừng của niềm vui, một niềm vui còn mãi.

Khởi đi từ niềm khát vọng sống nơi tâm hồn con người, Đức Giêsu mặc khải cho thánh giá của mình một sự sống sung mãn vượt trên sự mong chờ tức thời nhưng đó cũng là sự sống duy nhất có thể mang lại cho họ niềm vui còn mãi: niềm vui của sự hiệp thông luôn được trao ban và luôn mới mẻ, “Thầy đã nói với anh em điều đó để niềm vui của Thầy ở trong anh em và niềm vui của anh em trở nên trọn vẹn” (Ga 15, 11). “Mọi niềm vui đều ước mong vĩnh cửu”, Nietzsche viết. Đức Giêsu đến thỏa mãn ước mơ này.

Cách tự nhiên, niềm vui được sinh ra cùng sự lớn lên của một đời sống. “Nó luôn công bố rằng, cuộc sống đã thành đạt, nó đã chiếm hữu đất đai, nó đã giành được chiến thắng: mọi niềm vui lớn lao đều có một âm vang khải hoàn... Ở đâu có niềm vui, ở đó có sáng tạo: sáng tạo càng phong phú, niềm vui càng sâu sắc” (H. Bergson). Đó là niềm vui của người công nhân, của người thợ thủ công hay của người chủ doanh nghiệp trước thành công của một công việc. Đó là niềm vui của nhà nghiên cứu đã làm thăng tiến sự hiểu biết, của người nghệ sĩ đã tạo ra vẻ đẹp. Niềm vui của việc mời gọi một cái gì đó đi vào tồn tại, đi vào sự sống.

Đó cũng là niềm vui của người môn đệ Đức Giêsu, kẻ được biểu khải một quà tặng thần linh. Vì, nhờ quà tặng này, cả con người được nâng lên một cấp độ sống cao hơn. Được sinh ra trong sự sống thần linh, con người đạt tới mọi tầm vóc của mình. Đức Giêsu không ngần ngại so sánh niềm vui mang lại kết quả ấy với niềm vui của một người mẹ vừa sinh con, “Khi sinh con, người đàn bà lo buồn vì đến giờ của mình; nhưng sinh con rồi thì không còn nhớ đến cơn gian nan của mình nữa, bởi được chan chứa niềm vui vì một con người được sinh ra trong thế gian. Anh em cũng vậy, bây giờ anh em lo buồn, nhưng Thầy sẽ gặp lại anh em, lòng anh em sẽ vui mừng, và niềm vui của anh em không ai lấy mất được” (Ga 16, 21-22). Ngài nhân mạnh niềm vui của một hữu thể mới mẻ, cao cả hơn, xinh đẹp hơn, sống động hơn, “Đối với những ai đón nhận Ngài, thì Ngài cho họ quyền làm con Thiên Chúa” (Ga 1, 12). Quyền được sinh ra trong sự sống thần linh, trong sự hiệp thông Ba Ngôi.

Trong cuốn tiểu thuyết *Ước Gì Niềm Vui Của Tôi Còn Mãi*, J. Giono kể lại một cuộc tìm kiếm niềm vui: một cuộc tìm kiếm niềm vui còn mãi hoàn toàn nhân loại và, nói đúng ra, hoàn toàn ngoại giáo. Tựa đề cuốn sách này lấy lại những lời đầu tiên một bản hợp xướng của Bach, “Giêsu, ước gì niềm vui của tôi còn mãi”, nhưng bằng cách loại bỏ từ ngữ đầu tiên, Giêsu. Tại sao tác giả bỏ chữ Giêsu mở đầu này, chữ quan trọng nhất của toàn bộ lời cầu xin, tên của Đấng người ta kêu khẩn, tên duy nhất mà cho đến hôm nay, thật quan trọng trong việc tìm kiếm niềm vui như chính tác giả thừa nhận trong tác phẩm *Những Sự Phong Phú Đích Thực*? “Tôi đã bỏ đi chữ Giêsu, Giono giải thích, vì Giêsu là một sự từ bỏ. Theo Giono, không được từ bỏ gì hết. Quả dễ dàng để có được niềm vui nội tâm bằng cách từ bỏ thân xác mình. Tôi nghĩ, sẽ lương thiện hơn khi tìm kiếm một niềm vui toàn diện”. Giono cũng trách cứ niềm vui của Đức Giêsu vì nó hoàn toàn cá nhân, “...Giờ đây và mãi mãi, Đức Giêsu sống trong niềm vui, nhưng chỉ một mình”. Nhà tiểu thuyết đặt đối diện niềm vui này với một niềm vui hoảng hốt, niềm vui của sự đắm chìm trong cái toàn vẹn của vũ trụ, niềm vui của hỗn hợp con người với thiên nhiên.

Nhưng liệu niềm vui hốt hoảng này, đối tượng của tác phẩm ông, có phải là niềm vui mang lại cho khát vọng của con người ý nghĩa và tương lai? Đó có phải thực sự là một niềm vui còn mãi? Cách rất chân thành, Giono cho thấy những ngõ cụt và thảm kịch của cuộc tìm kiếm. Một sự phân tích ngắn gọn tác phẩm của ông có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn niềm vui mà Đức Giêsu mặc khải cho thế gian, tiếc là do ông đã phản ứng quá mạnh.

Chuyện xảy ra trên một cao nguyên heo hút và cô lập của xứ Haute Provence, nơi đất cằn cỗi, đời sống khó khăn, rất khó khăn, không chút niềm vui. Tuy nhiên, theo dòng thời gian, trong tâm hồn của một người nông dân, có tên là Jourdan, một niềm hy vọng nảy mầm:

“Từ lâu, anh ngóng trông một người đến. Anh không biết đó là ai... Anh không biết người ấy từ đâu đến, cũng không biết người ấy có đến không. Anh chỉ ước ao... và niềm ước ao đó là một ngọn lửa... và tất cả bùng cháy trong ngọn lửa này”.

Anh biết, có những con người với “những đôi tay săn sóc”, những người công hiến đời mình để chăm lo những người phong cùi. Điều đó thôi thúc anh hy vọng, “Tôi, tôi tin rằng, người ấy sẽ đến”, anh tự nhủ.

Thế rồi, vào một đêm rạng rỡ mùa đông, một đêm phi thường rực sáng và đẹp đẽ khi niềm khát khao thôi thúc anh cày xới ruộng vườn, Jourdan thấy xuất hiện một người đàn ông mà anh chờ đợi... nhưng anh không biết người đó, một người mà “tâm hồn xanh rì tựa thảo nguyên”. Một người đến từ nơi khác, một anh chàng phiêu bạt kỳ hồ. Anh tên là Bobi. Anh ấy thấy và làm cho người khác thấy những sự vật một cách khác. Rồi, ngược nhìn trời đêm, Bobi nói, “Chòm sao Orion giống một đoá hoa củ cải đỏ”. Jourdan, người không thấy chòm sao Cày kia đã khám phá trên trời đầy sao “đóa hoa của củ cải đỏ”, kinh ngạc thán phục, tự nhủ, “Có lẽ đó không phải là một người chăm sóc kẻ phong cùi, nhưng cũng có những con người được sai đến như tiền định. Có lẽ chỉ cần cho anh

ấy thấy người bệnh để thức tỉnh sở thích chăm sóc trong anh ấy là đủ”.

Thế mà vùng đất này lại tòi tẹt, quá tòi tẹt. Jourdan nhận xét như thế vào một ngày chợ phiên, trong cái nhìn của những người mà anh gặp tại một quán trọ, “... Họ có cùng một nỗi lo trong ánh mắt. Nhiều hơn cả nỗi lo, sự sợ hãi. Nhiều hơn cả nỗi sợ hãi, không có gì cả. Một nơi không còn lo lắng cũng chẳng còn sợ hãi; những con bò với những chiếc ách nặng nề”.

Vả lại, con người này đã đến, anh ấy nhận xét ngay rằng, ở đây thật buồn, trên cao nguyên này. “Chính anh, chắc chắn là anh ta”, Jourdan nghĩ. “Mỗi khi người đàn ông này nói, những người khác cần im lặng sau đó...”.

Được Jourdan mời nghỉ trên cao nguyên, Bobi bắt đầu làm cho tâm hồn của những người sống và lao động trên mảnh đất hẻo lánh này vui lên bằng cách dẫn họ vào những nguồn mạch ban đầu của sự sống.

Vậy, hãy bắt đầu tìm kiếm niềm vui, một cuộc tìm kiếm lâu dài với những khoảnh khắc tuyệt diệu, những giây phút ân phúc khi mà niềm vui tưởng chừng được đặt trên cao nguyên này như một chú chim của thiên đường, dưới cái nhìn choáng ngợp của những con người có tâm hồn thật bình dị. Đó là những khoảnh khắc Bobi dạy cho họ sự biếu không, “niềm đam mê những gì thật tầm thường”, người đàn ông ấy bảo, “phải trồng những cây đào gai, trồng chúng quanh những ngôi nhà và những góc ruộng của cánh đồng... Các bạn dùng quá nhiều đất cho việc đồng án. Hãy để lại một ít... Cây đào gai thì vô ích...

Vâng”, nhưng, “nhờ những cây đào gai mà có những chú chim. Phải!”. Bobi mời Jourdan gieo hạt những bông hoa: những ruộng hoa thủy tiên và dứa cọ... Người ta tin rằng, Phanxicô Assisi đã khuyên anh em mình đừng trông trọt toàn bộ đất đai, nhưng để một dải đất trống cho những cánh hoa đồng nội.

Rồi Bobi cho Jourdan biết “thói xấu của tiền bạc”. Lúa mì được dùng làm của ăn, không nên tích trữ hay biến nó thành những tấm ngân phiếu. Vào một sáng mùa đông băng giá, Bobi quét sân nông trại và làm đổ giữa sân một túi lúa mạch. Lập tức, một đàn chim đủ thứ sắc màu tung cánh nhanh nhẹn bay đến. Từ trong nhà, Marthe, vợ Jourdan, nhìn đàn chim, chột nẩy ra trong tâm hồn mình những sự êm ái mới mẻ. Dường như đó là cái run rẩy đầu tiên vì vui sướng trên cao nguyên này.

Bobi cũng tìm cách đưa Jourdan ra khỏi nỗi cô độc của mình. Họ cùng nhau đi thăm những cư dân khác trên cao nguyên. Dần dần, những mối tương quan mới mẻ được thiết lập. Họ tương giao với nhau. Dòng chảy quý mến này biểu lộ cách trọn vẹn và tự do trong một bữa ăn chung tại Jourdan, nông trại của Jourdan. Đó là một bữa tiệc mùa xuân với niềm vui được sum vầy bên nhau, đồng thời, cũng đánh thức máu huyết trong niềm hiệp thông với sự sống của đất trời cùng vũ hoàn.

Con hươu đực mà Bobi dẫn đến cao nguyên đã sống tự do hoàn toàn trong sự gần gũi với con người trở nên hình ảnh biểu tượng cho cuộc sống mới, một cuộc sống tự do, hòa hợp với thiên nhiên. “Nó bước vào ao nước và khi cái lạnh chạm đến bụng, nó rống lên vì vui

sương... Bấy giờ, con hươu cảm nhận dưới bụng mình tất cả độ sâu của ao nước... độ sâu của thế gian... nó tung tăng lội lên lội xuống cái ao hơn hai mươi lần... và mỗi lần như thế, nó lại rống lên. Mỗi khi làm vậy, thế giới bao la đáp lại nó...”.

Dần dần, cư dân của cao nguyên cũng ra khỏi những giới hạn của hữu thể mình. Chờ đợi Bobi trở lại, Jourdan và Marthe đã ở giữa rừng vào một đêm xuân, cùng nhau chứng kiến cảnh thức giấc thần tiên của sự sống trong cái nảy nở lạ thường của những chồi non. Họ thấy “những chiều kích sâu thẳm diệu kỳ của ngôi nhà thế giới mở ra”. Bobi đã khuyến khích tất cả mọi người hoà mình vào thế giới, hoà hợp với mọi sự, và cảm nhận cùng một dòng chảy sự sống đang lưu chuyển giữa mọi hữu thể. Cảm nhận cách phổ quát! Anh cũng muốn rứt họ ra khỏi nỗi đau của cô đơn và cái chết. Khi làm cho họ tham gia vào khúc ca của thế giới, Bobi hy vọng mở ra cho họ một niềm vui còn mãi, vượt quá những giới hạn hẹp hòi của cuộc sống tư riêng: niềm vui phỡ lỡ, niềm vui của toàn thể vũ trụ bao la.

Thế nhưng, cái vũ trụ mà mọi người ước mơ hoà nhập trong niềm vui đó lại tiếp tục vận hành không tài nào can thiệp. Thiên nhiên không biết đến những cá tính. Hoà nhập vào nó là đánh mất chính mình. Bị kích bắt đầu ở đây. Marthe lo sợ, cô cảm thấy thế giới của thiên nhiên với những sức mạnh đê bệch của nó vượt quá sức người. Zulma, cô bé chẵn cừu, một tâm hồn đơn sơ trong số những cư dân cao nguyên chắc chắn là người cảm thấy thoải mái nhất giữa vũ trụ bao la này, hoà hợp nhất với đời sống của đất trời, giữa những con cừu; nhưng cô bé cũng

là người đánh mất tương giao với những người khác. Bà Hélène cảm thấy vô cùng cô đơn, “chúng tôi lẻ loi, chúng tôi đơn độc”. Nhưng chính Aurore, con gái bà, sẽ cảm nếm nỗi bất hạnh lớn lao nhất, tâm hồn cô chết ngột bởi một sự âu yếm không thoả mãn được. Đó không phải là bài ca của đất trời vốn có thể chữa lành cô khỏi nỗi tuyệt vọng. Vào một buổi chiều mùa hạ, trong cái nắng nóng cháy da, người ta nghe tiếng súng lục: cô Aurore nhỏ nhắn đã tìm cái chết như cha mình một vài năm trước đây. Toàn thể cao nguyên choáng váng trong hãi hùng. Hãi hùng trong một thế giới mà tất cả đều được lập lại, ở đó không có tương lai. Một thế giới mà định mệnh cổ xưa ngự trị.

Bobi nhận ra sự thất bại của mình: không có niềm vui, không có niềm vui còn mãi. Anh quyết định ra đi. Bão tố thét gào, sấm chớp loé sáng cao nguyên. Một cơn giông cùng tận của thế giới gào lên sự quá đỗi của vũ trụ và sự vô nghĩa của phận người. Đó là sự buông lơi của những sức mạnh thế tục để lui về cảnh hỗn mang. Một lần nữa, trời đất quyện chặt nhau trong ghê sợ. Bobi chạy trốn mảnh đất trời đang phải phó mặc cho lửa trời. Anh bước đi không ngưng nghỉ, hỏn hển, mệt nhoài, bị cắt nhỏ bởi những tia chớp lớn. Một cuộc đối thoại xúc động giữa Bobi và người anh em sinh đôi của anh. Người anh em sinh đôi ấy rất tinh táo, khiển trách tính ngây thơ, cứng nhắc, gian xảo và lo sợ của Bobi. Bobi kháng cự, từ chối và khước từ chức cảm dỗ tuyệt vọng này. Nhưng người anh em sinh đôi của anh cứ theo anh, bám riết anh, gọi lại cho anh cái chân lý, chân lý lạnh lùng của anh:

- Không có niềm vui.

- Không đúng. Nếu không có niềm vui, sẽ không có thế giới. Không có niềm vui thì không đúng...

- Và điều đó nên tích sự gì ở một thế giới mà anh có thể được cứu hay bị đánh mất?... Anh đơn độc từ khi anh chào đời... Nếu niềm vui tồn tại, hỏi người anh tội nghiệp của tôi, nếu nó có thể đi vào thân xác anh để thêm một cái gì đó cho anh, anh đã rất vĩ đại, vĩ đại đến nỗi thế giới đã nổ tung thành tro bụi. Hãy ước ao. Đó là tất cả những gì anh có thể làm. Đó là một cách mà người ta cho anh để anh đốt cháy chính mình. Không gì còn mãi... Không có niềm vui.

- Không đúng.

- Cái gì chứng minh cho anh điều đó?

- Không gì cả.

- Không có niềm vui.

- Có.

- Không có.

- Không phải vậy.

- Không có niềm vui.

- Mà im đi.

- Không có niềm vui.

- Có! Tao thấy nó!

- Anh thấy chính mình... Sự bất hạnh và niềm vui của anh, đó là chính anh.

Bobi bước đi, sũng ướt dưới mưa. Quanh anh, các tia chớp loé sáng với sức mạnh của một khu rừng bốc cháy. Bỗng nhiên, “một cú sét chớp trên vai anh”. Nhưng trước khi ngã quy, anh thốt ra những lời sau cùng này, “... Giờ đây, tôi biết. Tôi đã luôn là một đứa trẻ; nhưng tôi có lý”.

Vâng, Bobi có lý khi tin vào niềm vui. Anh có lý khi nghĩ rằng, nếu niềm vui không tồn tại, thế giới cũng sẽ không tồn tại. Anh có lý khi khát khao niềm vui, tìm kiếm niềm vui. Nhưng anh đã tìm nó không đúng chỗ, ở đó niềm vui không thể trở hoa. Anh hy vọng tìm thấy nó trong sự hòa hợp giữa con người và thế giới, trong cuộc trở về giữa lòng thiên nhiên, ở bên này của ý thức và của từng cá thể.

Thế mà không gì có thể ngăn cản con người trở thành một cá thể. Tiếng kêu la của từng cá vị vốn sống đối mặt với sự vô chùng của thế gian bóp méo tính cách cao cả và thánh thiêng của nó, một ngôi vị sống động. Những khởi đầu vĩ đại không được tìm kiếm trong quá khứ, ở đằng sau, trong việc lui về cái dừng dung hoàn toàn của thiên nhiên; nhưng ở đằng trước, trong lòng tạo vật, ở đó bản ngã ý thức và sống động xuất hiện theo hình ảnh của Thiên Chúa, sự chiêm ngắm thánh thiêng của ngày thứ bảy.

Chính trong hướng đi này mà tác giả Tin Mừng Gioan định hướng tâm nhìn và niềm khát khao của con người. Đức Giêsu mời gọi các môn đệ cùng Ngài đi vào một hiệp thông sự sống hoàn toàn cá nhân. Sự hiệp thông này không khác với sự hiệp thông giữa Ngài và Cha của Ngài, nguồn mạch sự sống. Chỉ sự hiệp thông này mới giải thoát con người khỏi nỗi cô đơn cùng cực của nó, dẫn con người đến sự sống vô biên mà không phá hủy bản sắc cá nhân. Đó là một sự hiệp thông cá vị hóa. Ở đó, mỗi người được nhận biết, được xác nhận là duy nhất và đời đời. Vì niềm vui ước muốn vĩnh cửu: sự vĩnh cửu của con người:

“Để tất cả nên một,
như Cha ở trong con
và con ở trong Cha
để họ cũng ở trong chúng ta” (Ga 17, 21).

“Bây giờ con đến cùng Cha
và con nói những điều này
lúc còn ở thế gian,
để họ được hưởng trọn vẹn
niềm vui của con” (Ga 17, 13).

Niềm vui sâu sắc của Đức Giêsu là niềm vui của sự hiệp thông trong tình con thảo với Chúa Cha: một sự hiệp thông hoà hợp bằng cách thực hiện viên mãn hai khát vọng lớn của con người, hai yếu tố cấu thành niềm khát khao của nó: một mặt, niềm khát khao sự sống sung mãn vốn lôi kéo mỗi cá nhân ra khỏi sự đơn độc và hữu hạn; mặt khác, nối kết với bản tính cá nhân, tính cách duy nhất

của nó. Đó là bí mật của niềm vui nhân loại và niềm vui thần linh mà Đức Giêsu tiết lộ cho chúng ta. Ngài là người đầu tiên có được cương vị làm con Thiên Chúa; nhưng trong Ngài, mọi người được mời gọi nhận biết niềm vui của sự hiệp thông vô hạn này.

Theo Gioan, nếu Gioan nói niềm vui này là một sự từ bỏ, vậy là hiểu sai thông điệp đúng đắn của Đức Giêsu. Trước hết, Tin Mừng Gioan đặt chúng ta trước một nguồn sống sung mãn được trao ban cho mỗi người. Đối với chúng ta, điều quan trọng là đón nhận nguồn sống sung mãn ấy. Chắc chắn ở đây có một sự từ bỏ mang tính Tin Mừng. Nhưng đó là sự từ bỏ tất cả những gì tạo nên trong chúng ta một rào cản trước con sống sự sống này, tất cả những gì cản ngăn niềm khát khao lớn lên và kéo lùi nó lại trong những hình thức chật hẹp và cổ thời. Ta thấy điều đó nơi các thánh: thoát khỏi mọi sự lắng mình xuống trên bản thân, các ngài như được nâng lên bởi một sự sống sung mãn, bởi một sức bật đầy sáng tạo ném họ vào những hấp lực mạnh mẽ nhất. Ngang qua họ, chính sự sống sáng tạo và thần linh của Thiên Chúa được biểu lộ và lan tràn.

Kết luận

“Lúc Khởi Đầu”

“Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời”. Cũng thế, khởi đầu Tin Mừng Gioan. Quả là nghịch lý khi kết thúc tập sách của chúng ta bằng việc khởi đầu. Nhưng sự “khởi đầu” mà lời tựa biểu dương không thuộc về quá khứ; nó không đánh mất chính mình trong đêm tối của thời gian. Nó hiện diện ở trung tâm của lịch sử. Nó là nguồn mạch trào vọt sự sống được biểu lộ hôm nay trong định mệnh lịch sử của Đức Giêsu.

Cho nên, chính trong con người và cuộc đời của Ngài mà vinh quang của sự khởi đầu toả rạng. Hạt mầm đã cho thấy sự đơm hoa kết trái trong quả chín mọng; nguồn suối tuôn chảy hết mức trong dòng thác. Cũng thế, sự sống ẩn giấu nơi Chúa Cha, “giờ đây” tỏ bày ánh huy hoàng trong sự thông ban hoàn toàn tặng không và vô biên mà Đức Giêsu mang lại cho thế gian. “Vâng, lạy Cha, giờ đây, xin Cha tôn vinh con bên Cha; xin ban cho con vinh quang mà con được hưởng bên Cha trước khi có thế gian” (Ga 17, 5). Khi tự mặc khải như Người Con Duy Nhất được Chúa Cha sai đến để thông truyền cho nó sự sống mà Ngài đón nhận dư tràn, con người Giêsu làm toả rạng trong ngày hôm nay lịch sử vinh quang của sự khởi đầu, một vinh quang của Tình Yêu vĩnh cửu. Ngài giương rộng cánh buồm hướng đến sự sống bí mật và sung mãn của Thiên Chúa, đồng thời, làm cho chúng ta sinh ra trong

Ngài, trong sự sống thần linh, tỏ cho chúng ta biết sự ra đời của Người Con vĩnh cửu, “Không ai đã thấy Thiên Chúa bao giờ; nhưng Con Một là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Ngài đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1, 18).

Trong lời tựa, hãn Gioan đã lấy lại một thánh thi nổi tiếng của những Kitô hữu thuộc các giáo đoàn mình. Từ thánh thi này, thánh sử tạo nên khúc nhạc dạo đầu cho Tin Mừng thứ tư. Lời tựa của Gioan không nhằm ca ngợi việc hiện hữu từ trước của Ngôi Lời, nhưng để công bố chủ đề căn bản của tác phẩm: Con người Giêsu là Ngôi Lời sự sống; Ngài đến thế gian hoàn tất công trình sáng tạo bằng cách ban cho con người khả năng được sinh ra trong sự sống của Thiên Chúa.

Điều Gioan quan tâm nhất, điều mà theo cái nhìn của Gioan là đối tượng của Tin Mừng, đó quả là việc hạ sinh nhân loại trong sự sống sung mãn nhờ việc Con Một, Ngôi Lời sống động của Chúa Cha đến trong xác phàm của con người.

“Sẽ không đủ nếu chỉ sinh ra từ xác thịt, cần có lời nữa” (Bobin). Điều đó đúng cho mọi đời sống con người. Đứa trẻ trong dạ mẹ đã là một con người, nhưng vẫn chưa được sinh ra trong chính nó. Một khi được đặt vào thế gian, nó cần có thời gian trước khi ý thức về chính mình và về một sự sống con người toàn vẹn. Quả thực, để được như thế, nó cần có lời. “Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời”, Gioan viết. Ngôi Lời luôn ở lúc khởi đầu. Lúc khởi đầu Ngôi Lời ở nơi Thiên Chúa. Ngôi Lời cũng ở lúc khởi đầu nơi con người.

“Ai được sinh ra từ xác thịt thì thuộc về xác thịt”, Đức Giêsu nói (Ga 3, 6). Con người trước hết là một hữu thể của xác thịt. “Xác thịt”, đó là sự sống trong hữu thể đầu tiên của nó. Con người vẫn đóng kín trong chính nó, trong khát vọng sống và tính hung hãn của mình. Ở giai đoạn này, con người xuất hiện như một mảnh của thiên nhiên: một mớ những xung năng và đam mê. Tuy nhiên, trong thực tế, nó bị tác động sâu xa bởi một khát vọng sống vốn đi xa hơn sự thoả mãn những nhu cầu thiết yếu. Nó bị xâm chiếm bởi một năng lực khát khao vốn tìm kiếm con đường đưa đến ánh sáng cho mình. Đó là niềm hy vọng của con người trong việc tìm về Đất Hứa.

Để niềm khát khao có thể thức tỉnh trong con người theo chiều kích nhân loại của mình, cần phải có lời. Nhưng không phải bất cứ lời nào mà là một lời mang lại cho nó một gương mặt, một giọng nói, một cái tên. Một lời sinh ra con người trong một sự sống thật sự cá vị, bằng cách dẫn đưa nó vào ánh sáng của thần khí. Một lời như thế thì luôn độc nhất. Nó tạo ra một cái “tôi” trong cái “chúng ta”. Lời này chỉ có thể là lời của tình yêu.

Chỉ lời của tình yêu mới có thể mở được tâm hồn con người trước sự sống của thần khí; trong thần khí, lời sẽ tỏ cho con người những chân trời tặng không và phổ quát. Nhưng lời này sẽ đến từ đâu? Ai sẽ làm cho con người nghe được lời này? Lời này có thể được nói bởi những người chung quanh, cha mẹ, những nhà giáo dục, những người bạn... Một cử chỉ thân ái, một nhận định đầy tôn trọng, một sự chú ý toàn vẹn, một cái nhìn chăm chú có thể là những sứ giả của lời. Nhưng chúng sẽ mãi chỉ là

những vang vọng yếu ớt và thoáng qua của một Lời khác, một Lời đến từ một nơi xa xôi hơn nhiều, “Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời... Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành, và không có Ngài thì chẳng có gì được tạo thành. Điều đã được tạo thành nơi Ngài là sự sống, và sự sống là ánh sáng cho nhân loại” (Ga 1, 1. 3-4).

Mục đích sâu xa của việc sáng tạo không phải là vật chất nhưng là Lời đầu tiên và siêu việt này. Lời sự sống và ánh sáng, ở đó, Tình Yêu sáng tạo và thần hoá lên tiếng. Lời ấy tự mở một con đường để đến với chúng ta ngang qua tất cả những gì hiện hữu. Chính Lời dẫn dắt cuộc tiến hóa của thế giới. Chính Lời mời gọi chúng ta đến với sự sống sung mãn trong hành động hay trong cách nhìn vốn chỉ cho chúng ta một tình yêu vô vị lợi. Chính Lời đã nói với chúng ta trong khát vọng sống, một khát vọng sống hoạt động trong tâm hồn mỗi người.

Ai nghe Lời này trong cuộc sống mình, không nhất thiết phải gọi tên Thiên Chúa, tâm hồn họ đã mở ra trước một chiều kích sâu xa của sự hiện hữu mới. Với ai không bao giờ lắng nghe Lời bằng cách này hay cách khác, việc gọi tên Thiên Chúa đối với họ thật không dễ. Đó là tấn kịch của lịch sử chúng ta. Bỏ mặc chính mình, con người bị chộp lấy bởi bạo lực dã man của khát vọng trong cái tôi sở hữu và hiếu chiến của mình. Như vậy, lễ khách cuộc đời không còn là một hành khát trong đêm. Trong một câu ngắn gọn, Gioan mô tả số phận bi đát của một người không nghe Lời hay không muốn nghe Lời nữa, “Sau khi ăn miếng bánh, Giuđa liền đi ra, lúc đó trời đã tối” (Ga 13, 30).

Vậy, ai sẽ làm cho chúng ta có thể nghe Lời cứu độ trong đêm đen của mình? Trời đầy sao có thể rực sáng, nhưng nó vẫn xa cách, mênh mang và lạnh lùng.

Chính đây là Tin Mừng Gioan muốn chuyển tải cho chúng ta: Lời từ lúc khởi đầu và Lời là khởi đầu của chúng ta đã trở nên hoàn toàn gần gũi; Lời đã đi vào lịch sử chúng ta, “Ngôi Lời đã mặc lấy xác phàm”. Ánh sáng của Lời đã rọi chiếu trong đêm tối của chúng ta. “Khi đi vào thế gian, Lời đã là ánh sáng thật chiếu soi mọi người”. Trong lời tựa, câu này bộc phát như tiếng reo lên vì vui sướng. Trong Lời, niềm hạnh phúc lớn lao biểu lộ, một niềm vui trước ánh sáng. Ai nhận ra Lời sáng tạo và đón nhận Lời trong Đức Giêsu khi vừa chợt nhận ra, thì lập tức, những mảng sáng sẽ mở ra cho người ấy. Người ấy học biết con người là gì: một sự huy hoàng! Sự sống mà vì đó, con người được dựng nên; mọi năng lực sống động của nó hướng về sự sống đó cách mờ mịt, thì nay con người được chính sự sống biểu lộ và ban tặng. Đó là khởi đầu của nó, sự chào đời của nó: nguồn cội nhân tính của nó. Trong Lời, con người hít thở một luồng sinh khí kiến tạo sự sống. Cũng trong Lời, con người cảm nhận việc kiện toàn chính mình, sự viên mãn của mình. Lời thực sự là chìa khoá của hữu thể nó, là ánh sáng sự sống của nó. Con người tự nhận ra mình cách sâu xa trong ánh sáng của Ngôi Lời sự sống đã đến trong xác phàm của mình.

Ở đây, lời của tác giả Thánh Vịnh được minh xác, “Trong ánh sáng của Ngài, chúng con được nhìn thấy ánh sáng” (Tv 36, 20). Sau khi đã suy nghĩ cân nhắc, con người từ chối ánh sáng này và giả vờ tự cho mình làm đủ, “Không phải họ từ chối một giáo điều nào đó... nhưng họ

tự cắt đứt mình ra khỏi nguồn cội, ra khỏi chiều kích sâu thẳm tạo thành của mình, và như thế, ra khỏi nguồn cội nhân tính đích thực của mình”¹³. Chúng ta được tạo dựng cho sự sống thần linh trong sự hiệp thông tình yêu với Thiên Chúa; vì thế, chối từ sự hoàn tất này là tự kết án để làm một hữu thể bất toàn, biến dạng và hơn thế nữa, xa lạ với chính mình. Một hữu thể chìm trong bóng tối.

Như thế, lời tựa trao cho chúng ta một cảm hứng xuyên suốt toàn bộ Tin Mừng Gioan, đồng thời, chứa đựng bí mật của sự sinh hạ mới. Để được sinh ra trong sự sống thần linh, một cuộc sinh hạ đã được tiền định, con người cần có Lời để mở trí mở lòng, vượt trên những gì mà xác thịt của nó mong ước. Lời này có từ lúc khởi đầu, với Thiên Chúa và quy hướng về Thiên Chúa. Lời là sự biểu lộ sống động và trọn vẹn ý tưởng và sự sống của con người. Lời chứa đựng vận mệnh lớn lao của con người. Nhờ Lời, mọi sự được tác thành: vũ trụ và con người trong vũ trụ. Chính Lời, trong khi tác thành con người, muốn cho con người sống sự sống thần linh. Nhưng Lời này vẫn bị che khuất nơi cung lòng Chúa Cha, vô hình và không thể tiếp cận một hữu thể xác thịt.

Để dẫn đưa tâm hồn con người đến với sự sống thần linh, Lời cần tỏ mình cho con người như là sự sống, ánh sáng, sự viên mãn và kiện toàn của nó. Sự sống thần linh mà Lời mời gọi con người sống phải xuất hiện trước con người như một sự sống đáng ước ao khôn cùng; Lời phải nói với trái tim bằng thịt của con người, với khát

¹³ J. Blank, *Das Evangelium nach Johannes*, vol. 1a, Düsseldorf, 1981, p. 110.

vọng sống của nó; và Lời phải mặc cho khát vọng này toàn bộ ý nghĩa và chiều kích của nó.

Thế mà điều đó xảy đến không phải bởi hiệu quả của Lễ Luật, nhưng vì ân sủng nguyên tuyền đã được trao ban. “Vì Lễ Luật được lập bởi Môisen, còn ân sủng và chân lý thì nhờ Đức Giêsu Kitô mà đến” (Ga 1, 17). Trong Đức Giêsu, Lời ẩn giấu nơi Thiên Chúa mang lấy xác phàm của chúng ta; Lời mang lấy con người cách trần đầy ân sủng và toàn vẹn. Lời đã tự biểu lộ bằng ngôn ngữ của con người, ngôn ngữ của khát khao. Lời đã gọi lên sự sống thần linh bằng những từ ngữ thường ngày của chúng ta, cũng là những từ ngữ của các thi nhân, những từ ngữ của khát khao. Sự sống không thể đến gần được, không thể nhìn thấy được của Thiên Chúa nay trở nên cho chúng ta “nguồn nước”, “bánh sự sống”, “ánh sáng ban ngày”, “tiếng của gió”...

Và không chỉ bằng từ ngữ của chúng ta mà Lời tự biểu lộ, nhưng còn bằng hành động nữa. Vì Lời là sự sống và thông truyền sự sống. Lời tỏa lan như một thứ rượu quảng đại vào ngày cưới. Chính Lời tự trao ban. Không khi nào Lời là “xác phàm” giống hệt chúng ta cho bằng vào ngày khi Lời phó mình cho những kẻ muốn dập tắt Lời. Cũng không khi nào Lời là Lời Thiên Chúa đến mức như thế, vì ngang qua thịt trao nộp và máu đổ ra của Con Người, vinh quang Thiên Chúa tự tỏ lộ trong toàn bộ sự rạng rỡ của mình; nhờ đó, con người có thể thấy được ánh huy hoàng của một sự sống vốn hoàn toàn là tình yêu. Cũng thế, “Lời đã chiếu sáng bóng tối và bóng tối đã không triệt được ánh sáng”. Trong ánh sáng này, một con người sống động, một con người kiện toàn chiếu tỏa sự

sống sung mãn đã xuất hiện. Sự sống đòi hỏi được tỏ hiện như sự kiện toàn chính mình của con người trong niềm hiệp thông bữa tiệc Agapê của Thiên Chúa.

Lời tựa của Gioan đã diễn tả sự đạt đến ân sủng này trong những lời bất hủ:

“Ngôi Lời đã trở nên người phàm
và cư ngụ giữa chúng ta,
và chúng tôi được nhìn thấy
vinh quang của Ngài, vinh quang mà
Chúa Cha ban cho Ngài,
là Con Một đầy tràn ân sủng
và sự thật...” (Ga 1, 14).

“Vâng, từ nguồn sung mãn của Ngài, chúng ta đã lãnh nhận từ ơn này đến ơn khác...” (Ga 1, 16).

“Còn những ai đón nhận Ngài,
thì Ngài cho họ quyền
trở nên con Thiên Chúa” (Ga 1, 12).

Vậy, mỗi người có thể lấy lại tùy thích lời mà Đức Giêsu đã thưa lên với Cha Ngài; hãy nói cách chân thực: “Lạy Cha, [...] Cha đã yêu thương con trước khi tác thành thế giới” (Ga 17, 24b). Sự sống Thiên Chúa chính là Tình Yêu vĩnh cửu đầu tiên này, một tình yêu mà mọi vinh quang và niềm vui của nó cốt yếu là thông truyền cho nhau. Nhất thiết là sự hiến trao chính mình, sự sống này được biểu lộ bằng việc tự hiến. Sự sống này trao ban bằng cách yêu thương như đã yêu thương. Cũng thế, con người sẽ kiện toàn chính mình bằng cách mở lòng ra trước tình

yêu của Thiên Chúa, trước chính sự hiệp thông Ba Ngôi để được dẫn dắt, được khơi gợi bởi tình yêu và sự hiệp thông này trong mọi tương quan nhân loại của mình.

“Lời mặc lấy xác phàm” là mầu nhiệm của một cuộc gặp gỡ: gặp gỡ giữa sự sống siêu việt của Thiên Chúa và sự sống đầy khát vọng của con người. Toàn bộ Tin Mừng Gioan là trình thuật của cuộc gặp gỡ này, nơi vinh quang của các khởi đầu được biểu lộ. Sự sống siêu việt của Thiên Chúa được biểu lộ ở đây như một sự sống sung mãn, một sự thông ban triệt để, hoàn toàn cho không; và sự sống đầy khát vọng của con người trong nỗ lực vươn lên ban đầu của mình dường như tất cả đã hướng đến sự sung mãn thần linh này.

Con người là một hữu thể của khát khao, khát khao sự sống và hạnh phúc, vẻ đẹp và tình yêu. Con người muốn sống và cảm nhận niềm vui sống. “Khát khao là bản chất của tâm hồn” (Augustinô). Là một hữu thể của khát khao, con người lao mình vào thế giới, một thế giới bao la của những sự vật và những hữu thể. Nhưng, vượt trên thế giới và ngang qua thế giới, con người nhắm đến sự sống sung mãn. “Chúa đã tạo dựng chúng con cho Chúa” (Fecisti nos ad te), Augustinô viết. Con người là cả sự chuyển động này, là nỗi day dứt và là dòng thác này. Con người chỉ có thể là chính mình bằng cách mở lòng ra với Thiên Chúa.

Khác với một số người khôn ngoan tìm thấy căn nguyên sự dữ trong niềm khát khao và họ tìm kiếm ơn cứu độ trong sự tuyệt chủng của mình, thì Ngôi Lời mặc lấy xác phàm lại liên kết con người với căn nguyên khát vọng

của nó; Ngài thấy ở đó cái sức bật đầu tiên chính Đấng Tạo Hóa đã đóng ấn trên thọ tạo của mình, bằng cách mời gọi thọ tạo thông phần sự sống của Thiên Chúa. Không hề muốn giữ lại sức bật này, Ngài kết ước với nó ngay từ bên trong, giải thoát nó khỏi những ràng buộc cổ thời và dẫn nó vào ánh sáng sự sống thần linh. Ngài ban lại cho nó ý nghĩa và tương lai. “Hỡi người đang khát, hãy đến cùng tôi, và hãy uống...” (Ga 7, 37). Lời mời gọi của Đức Giêsu nhắm đến một cái gì căn bản hơn, phổ quát hơn nơi tâm hồn con người: niềm khát khao được sống. Đồng thời, lời mời gọi này khơi dậy khát vọng sâu xa của con người, mang cho nó chiều kích vĩnh cửu của sự sống: dẫn con người vào trong sự viên mãn bằng cách đưa nó đến sự viên mãn của Thiên Chúa.

Con người ví tựa dòng sông. Ở nguồn phát sinh của mình, dòng sông chảy giữa đôi bờ siết chặt. Con người có thể tin mình được tạo thành cho đôi bờ quen thuộc và gần gũi này; nó cảm thấy ngang tầm với chúng. Thế nhưng, con sóng lớn lên từ những dòng chảy lại xô đẩy và luôn mang con người đi xa hơn. Giờ này qua giờ nọ, trong cánh đồng, đôi bờ mở dần ra như để con người có nhiều chỗ hơn. Con người lại tìm nín kéo đôi bờ một cách vô vọng. Đôi bờ tránh xa, đôi bờ chạy trốn con người; đến một lúc chúng biến mất hoàn toàn để mặc dòng sông đối diện với cái mênh mông của đại dương. Chẳng còn bờ, dòng sông chỉ còn nên một với đại dương, một đại dương đón nhận dòng sông vào cung lòng mình: sông đã hoá biển. Rồi, được nâng lên bởi những con sóng lớn, dòng sông nhảy múa với mặt trời.

Trong ánh sáng của Ngôi Lời làm người, con người chính là hữu thể vô biên này, một hữu thể kiện toàn chính mình cách trọn vẹn trong sự hiệp thông với Đấng là nguồn sống sung mãn. Nhưng khác với dòng sông phải đánh mất chính mình trong đại dương, con người đạt được toàn bộ chiều kích cá vị của mình trong sự hiệp thông Ba Ngôi. Không rào cản nào, không luật lệ nào có thể ngăn chặn sức vươn mạnh của nỗi khát khao nơi con người; bởi lẽ, nó được tác thành để sống chính niềm vui sống thần linh.